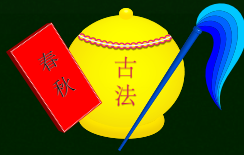


**ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ**  
TÒA THÁNH TÂY NINH

---



*Tìm Hiểu Kinh*  
**KINH TỬ THỜI**  
**ĐỨC CHÍ-TÔN**

**HIỀN TÀI NGUYỄN TRUNG ĐẠO**

Nguyên Trưởng Nhiệm Giáo Lý

**BAN THẾ ĐẠO HẢI NGOẠI**

Nguyên Trưởng Ban KHẢO CỨU VỤ

**CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CAO ĐÀI HẢI NGOẠI**



**TÀI LIỆU SƯ TÂM 2018**

hai • không • một • tám

---

Ebook được làm theo tài liệu Microsoft Document do Hiền Tài Nguyễn Trung Đạo biên soạn. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, do việc chuyển đổi và trình bày ebook dạng pdf, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn HIỀN TÀI NGUYỄN TRUNG ĐẠO đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 26/05/2018

Tâm Nguyễn

---

*Tìm Hiểu Kinh*

**KINH TỬ THỜI  
ĐỨC CHÍ-TÔN**

**HIỀN TÀI NGUYỄN TRUNG ĐẠO**



---

---

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	<b>7</b>
<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>9</b>
<b>BÀI NIỆM HƯƠNG</b> .....	<b>13</b>
<b>BÀI KHAI KINH</b> .....	<b>19</b>
▪ Phân Tích Ý Nghĩa Bài Khai Kinh .....	24
▫ 1.– Phần thứ nhất, Đặt Vấn Đề: .....	24
▫ 2.– Phần thứ nhì, Giải Quyết: .....	25
▫ 3.– Phần thứ ba, Kết Luận: .....	25
<b>NGỌC HOÀNG KINH</b> .....	<b>27</b>
▪ A.– Tìm Hiểu Từng Câu .....	28
▪ B.– Tìm Hiểu Ý Nghĩa Bài Kinh .....	31
▫ I.– Phần Thứ Nhất: Mở Đầu .....	31
▫ II.– Phần Thứ Nhì: Phần Trọng Tâm .....	36
▫ III.– Phần Thứ Ba: Đoạn Kết .....	50
<b>PHẬT GIÁO KINH</b> .....	<b>57</b>
▪ A.– Tìm Hiểu Từng Câu .....	58
▪ B.– Tìm Hiểu Ý Nghĩa Bài Kinh .....	59
▫ I.– Phần Thứ Nhất: Phần Mở Đầu .....	61
▫ II.– Phần Thứ Nhì: Phần Trọng Tâm .....	63
▫ III.– Phần Thứ Ba: Đoạn Kết .....	69
<b>TIÊN GIÁO KINH</b> .....	<b>73</b>
▪ A.– Tìm Hiểu Từng Câu .....	74
▪ B.– Tìm Hiểu Ý Nghĩa Bài Kinh .....	76
▫ I.– Phần Thứ Nhất: Mở Đầu .....	77

---

▫ II.– Phần Thứ Nhì: Phần Trọng Tâm.....	79
▫ III.– Phần Thứ Ba: Đoạn Kết.....	91
<b>NHO GIÁO KINH .....</b>	<b>95</b>
▪ A.– Tìm Hiểu Từng Câu.....	96
▪ B.– Tìm Hiểu Ý Nghĩa Bài Kinh .....	97
▫ I.– Phần Thứ Nhất: Phần Mở Đầu .....	98
▫ II.– Phần Thứ Nhì: Phần Trọng Tâm.....	99
▫ III.– Phần Thứ Ba: Đoạn Kết.....	109
<b>Ý Nghĩa Các Bài DÂNG TAM BỮU.....</b>	<b>113</b>
▪ 1.– Phần Mở Đầu .....	113
▫ 1.– Nguồn Gốc Ba Bài Dâng Tam Bữu.....	113
▫ 2.– Sơ Lược Về Tam Thể Xác Thân .....	114
▫ 3.– Cách Cầu Nguyện Khi Dâng Tam Bữu .....	115
▪ 2.– Bài Dâng Hoa .....	117
▪ 3.– Bài Dâng Rượu .....	119
▪ 4.– Bài Dâng Trà .....	121
▪ 5.– Ý Nghĩa Các Bài Dâng Tam Bữu .....	122
▪ 6.– Bí Pháp Giải Thoát Luân Hồi.....	125
<b>Ý Nghĩa Bài NGŨ NGUYỆN .....</b>	<b>129</b>
▪ 1. Nhứt Nguyện: Đại Đạo Hoàng Khai .....	131
▪ 2. Nhì nguyện: Phổ độ chúng sanh .....	131
▪ 3. Tam Nguyện: Xá Tội Đệ Tử.....	132
▪ 4. Tứ Nguyện: Thiên Hạ Thái Bình .....	133
▪ 5. Ngũ Nguyện: Thánh Thất An Ninh .....	133

## LỜI MỞ ĐẦU



**T**Ừ KHI MỞ ĐẠO, ỒN TRÊN ĐÁ NHIỀU LẦN DẠY NGƯỜI TÍN HỮU CAO ĐÀI: “*ĐỌC KINH PHẢI CẦU LÝ*”.

Ngày 26-6-Bính Dần (4-8-1926), Đức Chí Tôn có dạy Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh (*Ngài Nguyễn Ngọc Thơ*), như sau:

*“Thơ, con tụng Kinh Ngọc Hoàng thường ngày động đến tòa sen của Thầy à con!*

*Con lâu lâu tụng đặng cho nhớ và hiểu nghĩa,...”.*

Kinh viết bằng tiếng Nôm đọc hiểu lý lẽ đã là khó rồi, mà kinh viết bằng tiếng Nho thì việc cầu lý lại càng khó hơn nhiều.

Do vậy, mặc dù có nhiều tài liệu của Quý Vị Tiên Bối và các Huynh Tỷ đã dày công soạn trước, chúng tôi vẫn thấy khó khăn khi tìm hiểu những bài Kinh Cúng Tứ Thời ĐỨC CHÍ TÔN. Vì trình độ còn hạn chế, chúng tôi tin chắc việc tìm hiểu vẫn còn nhiều khiếm khuyết, kính mong Quý Huynh Tỷ Đệ Muội vui lòng chỉ cho những chỗ sai sót để chúng tôi có dịp học hỏi thêm, và đây cũng là mục đích chánh của chúng tôi khi biên soạn tập sách nhỏ này.

Để việc tìm hiểu các bài kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, Phật Giáo, Tiên Giáo và Nho Giáo được thêm phần thuận lợi, chúng tôi sắp xếp các câu kinh theo thể văn biến ngẫu, gồm từng cặp đối nhau như hai con ngựa chạy

## LỜI MỞ ĐẦU

---

song song. Cách phân câu này không ảnh hưởng đến việc đọc kinh.

San Diego, Mùa Xuân 2017  
**Hiền tài Nguyễn Trung Đạo**

► GÓP Ý:

Xin liên lạc về

**Hiền tài Nguyễn Trung Đạo**

– *Điện thoại: (858) 538-6919*

– *Email: daotn34@gmail.com*





## PHẦN MỞ ĐẦU



**T**Ó THỂ NÓI RẰNG: BẤT CỨ NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI NÀO CŨNG THUỘC NẢM LÒNG NHỮNG BÀI Kinh Cúng Tứ Thời Đức CHÍ TÔN. Thời cúng được bắt đầu bằng 2 bài kinh, “*Niệm Hương*” và “*Khai Kinh*”, đọc theo giọng Nam Ai, chậm rãi, nhẹ nhàng để người cúng có thể đem hết tâm trí của mình vào bài kinh.

Trong bài đầu, *Bài Niệm Hương*, chúng ta dâng hương để thỉnh cầu Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng giáng xuống chứng kiến buổi lễ và ban ân điển cho chúng ta.

Bài thứ nhì là *Bài Khai Kinh*, mở đầu cho các bài Kinh quan trọng của thời cúng. Đó là 4 bài Kinh xưng tụng công đức của các Đấng Thiêng Liêng.

- **Bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế** xưng tụng công đức của Đức CHÍ TÔN, Đấng cai quản cả Càn Khôn Vũ Trụ.
- **Bài Kinh Thích Giáo** xưng tụng công đức của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, Giáo Chủ đạo Phật trong Nhứt Kỳ Phổ Độ.
- **Bài Kinh Tiên Giáo** xưng tụng công đức của Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Giáo Chủ đạo Tiên trong Nhứt Kỳ Phổ Độ.
- **Bài Kinh Nho Giáo** xưng tụng công đức của Đức Khổng Thánh Tiên Sư, chấn hưng đạo Nho trong Nhị Kỳ Phổ Độ.

Bốn bài Kinh này được đọc theo giọng Nam Xuân, hơi nhanh và hùng hồn, để nói lên sự oai linh của các Đấng Cầm Quyền trong Vũ Trụ. Kế đến, trước khi chấm dứt, là 3 bài Dâng Tam Bửu, thài theo giọng Đảo Ngũ Cung, đọc từng tiếng thật chậm, để người cúng có thì giờ đem hết tâm thần trí não của mình đặt vào bài kinh mà tỏ lòng thành kính hiến dâng báu vật (*Nếu cúng Thời thường thì chỉ dâng có một Bửu mà thôi: hoặc Rượu lúc 12 giờ khuya và trưa, hoặc Trà lúc 6 giờ sáng và chiều*). Cuối cùng, thời cúng được chấm dứt bằng bài **Ngũ Nguyên** đọc theo giọng Nam Xuân.

Nếu chúng ta không thể tịnh tâm tịnh thân trong suốt thời cúng, thì ít nhất cũng phải cố gắng tịnh tâm tịnh thân trong khi Dâng Tam Bửu vì đó là thời gian quan trọng nhất trong buổi cúng. **Đức Hộ Pháp có dạy:** *“Trong một thời cúng, Bản Đạo đã căn dặn nhiều phen, hệ trọng hơn hết là khi dâng Tam Bửu. Dầu tinh thần suốt buổi cúng có nhiều lúc lo ra đi nữa, đến khi dâng Tam Bửu, khuyến cả thầy định thần mật niệm dâng Ba Bửu trọng hệ cho CHỈ TÔN, tức là giúp Bản Đạo hành pháp dễ dàng một chút đó”* (trích từ quyển *Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, năm Mậu Tý 1948, trang 23*).

Nếu được cúng ở Đền Thánh thì mình ngồi ở giữa, nơi Cửu Trùng Đài, trước mặt là Bát Quái Đài, sau lưng là Hiệp Thiên Đài. Lúc dâng Tam Bửu, mình dâng Thể Xác, Chơn Thần và Linh Hồn lên Đức Chí Tôn, quý vị Chức Sắc Hiệp Thiên Đài trợ điển hướng Chơn thần và Linh hồn mình về phía Bát Quái Đài để cho Đức Chí Tôn và các Đấng ban ân điển và dạy dỗ.

Ở các Thánh Thất địa phương, chỗ đồng đạo qui

cúng cũng có thể coi như là Cửu Trùng Đài, trước mặt là Bửu Điện tượng trưng cho Bát Quái Đài, và sau lưng là Bàn Hộ Pháp tượng trưng cho Hiệp Thiên Đài.

► GHI CHÚ:

✘ **Thất Nương một vị Nữ Phật tại Diêu Trì Cung đã dạy:**

*Lễ bái thường hành tâm đạo khởi”*

✘ **Đức Quan Âm Bồ Tát** có dạy Quý vị Chức sắc Tiên khai như sau:

*“Các em phải lo cúng kiếng thường.*

- *Một là lập cho Chơn Thần được gần gũi các Đấng Thiêng Liêng đặng sáng lạn.*
- *Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh....”.*





## BÀI NIỆM HƯƠNG



**B**ÀI NIỆM HƯƠNG ĐƯỢC ĐỨC NAM CỰC CHƯỜNG  
GIÁO GIÁNG CƠ TẠI CHÙA TAM TÔNG MIẾU CỦA  
Chi Minh Lý vào năm Ất Sửu 1925, dịch bài “**Phân Hương  
Chú**” (bằng chữ Hán) ra chữ nôm. Bài này gồm có 10 câu  
theo thể thơ song thất lục bát, được đọc theo giọng Nam Ai.

Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp,  
Lòng nường nhang khói tiếp truyền ra.  
Mùi hương lư ngọc bay xa,  
**Kính thành cầu nguyện Tiên gia** chứng lòng.  
Xin **Thần Thánh** rưới dong cõi bực,  
Xuống phạm trần vôi gác xe tiên.  
Ngày nay đệ tử **khẩn nguyện**,  
Chín tầng **Trời, Đất** thông truyền chứng tri.  
Lòng sở vọng gắn ghi đảo cáo,  
Nhờ **Ơn Trên** bố báo phúc lành.

► KHẢO DI

- ◻ **Kính thành:** có tài liệu in là *Kính thành*.
- ◻ **Chứng tri:** có tài liệu in là *Chiếu tri*.
- ◻ **Gắn ghi:** có tài liệu in là *Gắng ghi*.
- **Câu 1:** Đạo chủ yếu là do lòng thành thật và đức tin hợp lại với nhau,
- **Câu 2:** Tư tưởng nường theo khói nhang truyền ra, bay lên tận cõi Thiêng Liêng.

- **Câu 3:** Ý nói tư tưởng tốt đẹp (mùi hương) từ cái tâm qui báu (lư ngọc) bay ra tỏa đến các cõi Trời xa,
- **Câu 4:** Với tấm lòng thành thật và tôn kính, cầu xin Đức CHÍ TÔN chứng giám cho.
- **Câu 5-6:** Xin các Đấng Thiêng Liêng cõi chim hạc hoặc ngồi xe tiên mau xuống nơi cõi trần gian này.
- **Câu 7-8:** Ngày nay, chúng con là đệ tử của THẤY xin thành tâm tha thiết cầu xin các Đấng Thiêng Liêng ở chín tầng Trời và ở các quả Địa Cầu chứng giám cho những lời khẩn nguyện của chúng con.
- **Câu 9:** Lòng hằng mong ước khắc ghi là việc cúng tế cầu nguyện và tấu trình lên các Đấng Thiêng Liêng.
- **Câu 10:** Kính xin Đức CHÍ TÔN, Đức PHẬT MẪU và các Đấng Thiêng Liêng đáp lại lời khẩn cầu và ban cho phước lành.

**Niệm Hương** là đốt nhang và tưởng niệm các Đấng Thiêng Liêng. Đốt nhang để tẩy trừ không khí. Khói hương bay lên đưa tư tưởng và lòng thành tín của mình về cõi Thiêng Liêng, để mong sự cảm ứng mầu nhiệm của Ông Trên, vì hữu cầu tất ứng. Nhang cắm vào lư hương được xếp thành hai hàng: Hàng trong 3 cây, gọi là *Án Tam Tài* (*Thiên, Địa, Nhơn*), hàng ngoài 2 cây tượng trưng cho Âm Dương. Trong ba, ngoài hai thì đủ năm, gọi là *tượng Ngũ Khí* hay *án Ngũ Hành*. Năm cây nhang ấy tương ứng với ngũ hương trong lòng mình là: *Giới Hương, Định Hương, Huệ Hương, Tri Kiến Hương*, và *Giải Thoát Hương*.

Trong quyển *Thiên Đạo*, trang 120 (*bản in tại Hoa Kỳ, vào tháng 7, năm 2001*), Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có giải thích về năm cây nhang ấy như sau:

“Luận về phép tu tĩnh, năm cây nhang ấy biểu tượng năm giai đoạn tu hành, tùy theo công đức mà nên đạo quả.

Năm cây nhang ấy gọi ngũ phần hương là:

1. **Giới hương**, nghĩa là giữ trọn giới cấm cho thân mình trong sạch.
2. **Định Hương**, nghĩa là thiên định cho tâm thân an tịnh.
3. **Huệ hương**, nghĩa là thiên định rồi thì phát huệ.
4. **Tri kiến hương**, nghĩa là phát huệ rồi gia công thêm nữa thì sẽ biết cái mâu nhiệm của Tạo Hóa, tức là đặc lục thông.
5. **Giải thoát hương**, nghĩa là giải thoát luân hồi quả báo”.

Tóm lại:

1. Vào Đạo phải giữ Giới (*Giới cấm*).
2. Giữ Giới được mới có thể Thiên Định.
3. Thiên định rồi thì Phát Huệ.
4. Phát Huệ rồi thì sẽ đặc Lục Thông tức đạt Tri Kiến.
5. Có Tri Kiến sẽ tầm Giải Thoát.

Trong đạo Phật, nhà tu hành xuất gia đặc quả đến bậc A-La-Hán (*đối phẩm Thiên Thánh hay Chánh Phối Sư*) được giải thoát, dứt phiền não, thì được đặc Lục thông, tức sáu phép thần thông:

1. **THIÊN NHÂN THÔNG**: thấy được mọi vật trong vũ trụ.
2. **THIÊN NHĩ THÔNG**: nghe được mọi tiếng nói khắp nơi.
3. **TÚC MẠNG THÔNG**: biết được chuyện vị lai quá khứ (*của mình và của người khác*).
4. **THA TÂM THÔNG**: đoán biết được tâm ý của người khác.

5. **THẦN TỨC THÔNG:** có được phép đi khắp nơi trong nháy mắt, và phép biến hóa chi tùy ý.
6. **LẬU TẬN THÔNG:** phép trong sạch hoàn toàn, dứt hết trứu mền và chấp trước, không còn chấp pháp, không còn chấp ngã.

► TỪ VỰNG

**Đạo là gì?** Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển II, trang 119, năm 1972, Đức Chí Tôn giảng nghĩa thông thường của chữ *Đạo* như sau: “*Đạo là gì? Sao gọi là Đạo? Đạo là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật, đọa trần do theo mà hồi cứu vị. Đạo là đường của các nhơn phẩm do theo mà lánh khỏi luân hồi. Nếu chẳng phải do theo Đạo thì các bậc ấy đều lạc bước mà mất cả ngôi phẩm. Đạo, nghĩa lý rất sâu xa, nhưng phải biểu trước bao nhiêu đó, rồi mới học cái nghĩa huyền bí khác cho đích xác đặng*”. Như vậy, nghĩa thông thường của *Đạo* là *con đường tu, là tôn giáo*. Theo nghĩa thông thường thì *Đạo Cao Đài* hay *Tôn giáo Cao Đài* cũng như nhau.

- Thành: thành thật.
- Tín: tín ngưỡng.
- Hiệp: hiệp hòa, hợp lại.
- Lư ngọc: nghĩa là lư quý, không như thiết phải làm bằng ngọc, từ *Lư ngọc* còn ám chỉ cái tâm quý báu của con người.
- Tiên gia: chữ gia ở đây có nghĩa là cha, *Tiên gia* có nghĩa là ông Cha Tiên tức Đức Đại Từ Phụ, là Đấng Cha chung của Vạn Linh trong Càn Khôn Vũ Trụ, là ĐỨC CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ.
- Ruổi dong cỡi hạc: cỡi hạc bay đến thật nhanh.



- ◻ Hạc: loài chim lớn, thường có lông trắng, chân cao, cổ cao, mỏ dài, bay lẹ, sống rất lâu, theo truyền thuyết thường được các Đấng Thiêng Liêng dùng để cỡi bay đi.
  - ◻ Gác: tạm dừng lại. Vd: *Gác mái ngư ông về viễn phố*.
  - ◻ Xe tiên: theo truyền thuyết, các Đấng Thiêng Liêng thay vì cỡi hạc, còn dùng hạc kéo một cỗ xe để du hành.
  - ◻ Đệ tử: học trò, môn đệ; Đức CHÍ TÔN xưng là THẦY, gọi tín đồ Cao Đài là đệ tử.
  - ◻ Khẩn nguyện: thành tâm, tha thiết cầu xin.
  - ◻ Chín tầng Trời: chữ Nho gọi là Cửu Trùng Thiên.
  - ◻ Thông truyền: truyền đi khắp nơi.
  - ◻ Chứng tri: biết và chứng cho.
  - ◻ Gắn ghi: khắc ghi trong lòng, có tài liệu in là gắng ghi.
  - ◻ Gắng ghi: cố gắng ghi nhớ.
  - ◻ Đào cáo: cầu xin với Thiêng Liêng.
  - ◻ Ơn Trên: chỉ chung các Đấng Thiêng Liêng thượng đẳng như Trời, Phật, Tiên,...
  - ◻ Bổ báo: giúp đỡ và đáp lại lời cầu xin.
- \* *Chín tầng Trời* được hiểu theo 2 quan niệm khác nhau, kể từ thấp lẫn lên cao, gồm có:

	Quan Niệm 1	Quan Niệm 2
Tầng thứ 1:	<i>Thanh Thiên</i>	Tầng Trời thứ nhất
Tầng thứ 2:	<i>Huỳnh Thiên</i>	Tầng Trời thứ nhì
Tầng thứ 3:	<i>Xích Thiên</i>	Thanh Thiên
Tầng thứ 4:	<i>Kim Thiên</i>	Huỳnh Thiên
Tầng thứ 5:	<i>Hạo Nhiên Thiên</i>	Xích Thiên
Tầng thứ 6:	<i>Phi Tướng Thiên</i>	Kim Thiên

Tùng thứ 7:	<i>Tạo Hóa Thiên</i>	Hạ Nhiên Thiên
Tùng thứ 8:	<i>Hư Vô Thiên</i>	Phi Tướng Thiên
Tùng thứ 9:	<i>Hỗn Ngươn Thiên</i>	Tạo Hóa Thiên

Theo quan niệm thứ nhất thì *Tạo Hóa Thiên* là Tùng Trời thứ 7, còn theo quan niệm thứ nhì thì *Tạo Hóa Thiên* là Tùng Trời thứ 9.

Trong quyển *Thiên Đạo*, Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu phân tích Cửu Trùng Thiên ra như sau:

<b>Cõi Thiên Tiên</b>	Hỗn Ngươn Thiên Hư Vô Thiên Tạo Hóa Thiên
<b>Cõi Địa Tiên</b>	Phi Tướng Thiên Hạ Nhiên Thiên Kim Thiên
<b>Cõi Nhơn Tiên</b>	Xích Thiên Huỳnh Thiên Thanh Thiên

Hỗn Ngươn Thiên có *Lôi Âm Tự*.

Hư Vô Thiên có *Ngọc Hư Cung*.

Tạo Hóa Thiên có *Diêu Trì Cung*.

■ (*Theo quyển Thiên Đạo ấn tống ở Hải Ngoại*).

## BÀI KHAI KINH



**B**ÀI KHAI KINH ĐƯỢC ĐỨC LŨ TỔ (ĐẠI TIÊN LŨ ĐỒNG TÂM, MỘT VỊ TRONG BÁT TIÊN) GIẢNG CƠ TẠI Tam Tông Miếu của Chi Minh Lý vào năm Ất Sửu 1925, dịch bài “**Khai Kinh Kệ**” (bằng chữ Hán) ra chữ nôm. Bài này gồm có 12 câu theo thể thơ song thất lục bát, được đọc theo giọng Nam Ai.

*Biển trần khổ vơi vơi Trời nước,  
Ánh Thái Dương gội trước phương đông.  
Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông,  
Ra tay dẫn độ dày công giúp Đời.  
Trong Tam Giáo có lời khuyến dạy,  
Gốc bời lòng làm phải làm lành.  
Trung Dung Khổng Thánh chỉ rành,  
Tứ Bi Phật dạy: Lòng thành lòng nhơn.  
Phép Tiên Đạo: Tu chơn dưỡng tánh,  
Một cội sanh ba nhánh in nhau.  
Làm người rõ thấu lý sâu,  
Sửa lòng trong sạch tụng cầu **Thánh Kinh**.*

- **Câu 1:** Cõi trần được ví như là biển khổ, những đau khổ của con người thì nhiều như nước biển rộng mênh mông, chỉ thấy trời và nước,
- **Câu 2:** Mặt trời từ từ lộ dạng chiếu sáng ở phương Đông, phá tan màn đêm đen tối đang bao phủ Địa Cầu. Hàm ý: Đạo Cao Đài được khai sáng ở Viễn Đông là nước Việt

*Nam để đem ánh sáng chơn lý xóa tan tội lỗi và đau khổ của nhơn sanh, cứu vớt nhơn loại thoát ra khỏi bể khổ.*

*Hai câu mở đầu bài Khai Kinh đã phản ảnh được giá trị Nhân Bản của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: Vì có chúng sanh đau khổ nên Đức CHÍ TÔN mới khai mở Đạo; nếu không vì nỗi khổ của chúng sanh thì có lẽ không cần đến Đạo để giải thoát.*

Trong bài Phật Mẫu Chơn Kinh có câu:

*Trung khổ hải độ thuyền Bát Nhã,  
Phước Từ bi giải quả trừ căn.*

Hai câu Kinh trên cho biết: Đức Phật Mẫu vâng lệnh Đức Chí Tôn đem thuyền Bát Nhã vào trong Biển Khổ (tức là xuống cõi trần) để cứu vớt nhơn sanh, đồng thời ban cho phước đức và lòng từ bi để giải trừ căn xưa quả cũ. *Hàm ý rằng:* Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương giáng điển dẫn dắt các Vị Tiên Khai mở Đạo Cao Đài để giúp chúng sanh tu hành đắc đạo, thoát khỏi vòng luân hồi, giống như Phật Mẫu đem Thuyền Bát Nhã đến chở chúng sanh vượt qua biển khổ.

- **Câu 3-4:** *Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông* là Đức Thượng Đế, Đức Ngài rất dày công trong việc dẫn dắt và cứu giúp chúng sanh. Đức Ngài khai mở Tam Giáo để cứu giúp người đời.
- **Câu 5-6:** *Trong giáo lý của ba nền tôn giáo lớn ở Á Đông (Đạo Phật, Đạo Tiên, Đạo Nho) có nhiều lời khuyên răn dạy dỗ: Dạy lấy Tâm làm gốc, dạy làm điều phải tránh điều quấy, dạy làm điều thiện tránh điều ác.*

*Để cứu rỗi nhơn sanh, Đức Chí Tôn kết hợp ba*

*Tam Giáo Lớn ở Á Châu để khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,*

- **Câu 7:** Đức Thánh Khổng Tử dạy rành rẽ về đạo Trung Dung.
- **Câu 8:** Đức Phật dạy phải có lòng từ bi, thành thật và nhơn từ.
- **Câu 9:** Đạo Tiên dạy phép luyện đạo của tiên gia để được giải thoát.
- **Câu 10:** Một cội hay một gốc ám chỉ Đại Đạo (hay là Đức Thượng Đế), sanh ra ba nhánh tức là Tam Giáo, tuy là ba mà vẫn giống in nhau, không khác : Cả ba đều dạy mình “làm phải làm lành”. Câu kinh này ngụ ý về Tam Giáo đồng nguyên (Nho, Thích, Lão vốn cùng một gốc), như lời dạy sau đây của Đức Khổng Phu Tử :  
 “Tam Giáo từ xưa vốn một nhà,  
 Người sau lầm tưởng vọng chia ba.”
- **Câu 11-12:** Người học đạo phải học hỏi để biết rõ cái chơn lý huyền diệu của Trời Đất, hiểu rõ lý lẽ sâu xa của Đạo, phải biết bỏ óc phân biệt kỳ thị tín ngưỡng, phải biết giữ lòng cho trong sạch, ngay thẳng và trung thực, để tụng kinh và cầu nguyện thì mới có được sự cảm ứng của các Đấng Thiêng Liêng.

Thánh Giáo của Đức Chí Tôn có dạy như sau:

*“Phải thường hỏi lấy mình, khi đem mình vào lạy Thấy buổi tối, coi phận sự ngày ấy đã xong chưa, mà lương tâm có điều chi cần rút chắng? Nếu phận còn nét chưa rồi, lương tâm chưa đặng yên tĩnh, thì phải biết cải hóa, rán sức chuộc lấy lỗi đã làm, thì các con lo chi*

*chẳng bì bức Chí Thánh”.*

■ (TNHT. Q1, Trg 77)

**Bài Khai Kinh** được dùng để mở đầu cho bốn bài Kinh quan trọng của thời cúng. Đó là: *Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, Kinh Thích Giáo, Kinh Tiên Giáo, và Kinh Nho Giáo*. Bài Khai Kinh dẫn dạy chơn lý Tam Giáo đồng nguyên, Vạn Giáo đồng nhứt lý, để giác mê cho những ai còn nặn óc kỳ thị tín ngưỡng. Tụng bài Khai Kinh là để khai tâm mở tánh để cho sự hiểu biết về đạo càng ngày càng phát triển. *Chừng nào tụng kinh mà **hiếu được cái lý sâu để mà tu hành cho đúng chánh đạo** thì việc đọc kinh mới thật sự bổ ích.*

► **TỪ VỰNG**

- ◻ **Biển trần khổ**: Phật bảo cõi trần là biển khổ (*khổ hải*), nổi khổ của con người nhiều như nước biển. Nước mắt của chúng sanh, nếu tích tụ lại được thì nhiều bằng nước của các đại dương... Nổi khổ chánh của con người nằm trong Tứ Khổ là: Sanh, Lão, Bệnh, Tử.
  - ◻ **Voi với trời nước**: rộng lớn minh mông chẳng thấy bến bờ, chỉ thấy bầu trời và mặt nước.
  - ◻ **Thái dương**: mặt trời.
  - ◻ **Tổ Sư**: là người sáng lập ra một môn phái tôn giáo, đó là Ông thầy của các ông thầy.
  - ◻ **Thái Thượng**: là cao nhất, là Ông vua của các ông vua.
  - ◻ **Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông**: chính là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, là Ông Trời, là Đức Chí Tôn.
  - ◻ **Dày công**: có nhiều công lớn.
- ❖ **Ghi Chú**: Về câu Kinh “*Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông*” có tài liệu giảng như sau:

- **Tổ Sư:** Vị Tổ của Phật Giáo, tức Đức Thích Ca, chỉ *Phật Giáo*.
- **Thái Thượng:** Đức Thái Thượng Đạo Quân, chỉ *Tiên Giáo*.
- **Đức Ông:** Tức Đức Khổng Tử, chỉ *Thánh Giáo*.

Như vậy, câu Kinh được hiểu bao gồm cả Tam Giáo: *Phật, Tiên, Thánh*, tức là chỉ *Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế*. Hiểu như vậy thì có đủ Tam Giáo, phù hợp với câu 5 là “*Trong Tam Giáo có lời khuyến dạy*”.

- **Tam Giáo:** là Thích Giáo hay Đạo Phật, Lão Giáo hay Đạo Tiên, Nho Giáo hay Đạo Khổng, Phật Giáo xuất phát từ Ấn Độ, Nho Giáo và Lão Giáo xuất phát từ Trung Quốc.
- **Trung Dung:** một học thuyết của Nho Giáo, do ông Tử Tư (*Cháu Nội của Đức Khổng Tử*) gom góp các lời dạy của Đức Khổng Tử mà lập thành. Đạo Trung Dung là một qui tắc hành động hợp với lẽ đương nhiên, không thái quá, không bất cập, song phải biết quyền biến, biết tùy thời, tùy cảnh ngộ. Quyển sách Trung Dung do ông Tử Tư biên soạn là quyển thứ hai trong bộ Tứ Thư: Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, và Mạnh Tử.
- **Tử bi:** Hiền lành thương xót tất cả chúng sanh, không phân biệt sang hèn. *Tử Bi là hạnh đặc trưng của Phật*.
- **Tu chơn:** Tu chơn hay Tịnh luyện là sửa đổi con người của mình cho mỗi lúc mỗi thêm tốt đẹp với mục đích giải thoát luân hồi.
- **Dưỡng tánh:** Đức Chí Tôn đã dạy “*Tánh là chơn tướng của Chơn Thần, còn Tâm là chơn tướng của*

**Chơn Linh**”. Như vậy Tánh tức là sự thể hiện bên ngoài của Tâm. Cổ nhân có câu “*Nhơn chi sơ, Tánh bốn thiên*” nghĩa là cái bốn Tánh của con người do Trời ban cho lúc ban sơ vốn là lành, nhưng vì thâm nhiễm mùi trần mới trở nên người như thế này, người như thế khác. Do đó con người cần phải dưỡng cho cái Tánh được trở nên lành như thuở mới sanh ra.

- Một cội: Một gốc, gốc đó là Ngôi Thái Cực, tức là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- Ba nhánh: Chỉ 3 nền tôn giáo lớn là: *Phật Giáo, Tiên Giáo và Nho Giáo*. Đức Chí Tôn tùy theo thời kỳ, tùy theo nguơn hội hay căn cơ của chúng sanh mà mở ra các nền tôn giáo khác nhau, nhưng tựu trung mục đích vẫn là giáo hóa chúng sanh. Ba Đạo tuy giáo lý và phép tu hành có khác nhau nhưng cùng giống nhau ở mục đích là dạy nhơn sanh tu hành, tiến hóa trên đường đạo đức chơn chánh hầu giải thoát luân hồi.
- Lý sâu: lý lẽ cao sâu mầu nhiệm của Đạo.
- Thánh Kinh: các bài kinh do các Đấng Thiêng Liêng giảng cơ ban cho.

### PHÂN TÍCH Ý NGHĨA BÀI KHAI KINH

Bài Khai Kinh gồm có 3 phần:

#### 1.- PHẦN THỨ NHẤT, ĐẶT VẤN ĐỀ:

Gồm hai câu đầu, cho biết cội trần là biển khổ, nên Đức Thượng Đế ban ơn cứu độ chúng sanh.



## 2.- PHẦN THỨ NHÌ, GIẢI QUYẾT:

*Cứu độ bằng cách nào?*

Để thực hiện việc cứu độ chúng sanh, Đức Thượng Đế cho khai mở Tam Giáo để dạy con người làm phải, làm lành, làm điều thiện, tránh điều ác, giúp cho đời bớt khổ (*đó là phương pháp tích cực. Cha mẹ thương con, nếu giúp con bằng cách cho con ăn học để nên người, thì đó là phương pháp ‘tích cực’, nếu thương con mà cho tiền để xài là tình thương ‘tiêu cực’*).

Tam Giáo gồm có:

- **Thánh Giáo** dạy đạo trung dung.
- **Phật Giáo** dạy đức từ bi.
- **Tiên Giáo** dạy phép tu chơn dưỡng tánh.

Các tôn giáo trên tuy là 3 nhưng cũng từ một gốc là Đức Thượng Đế mà ra, và tựu trung cũng cùng một mục đích là giáo hóa nhơn sanh cho được giải thoát.

## 3.- PHẦN THỨ BA, KẾT LUẬN:

*Bản thân con người phải làm gì?*

Bản thân con người phải học để hiểu rõ lý lẽ sâu xa của Đạo thì tụng kinh mới được sự cảm ứng của các Đấng Thiêng Liêng, mới đạt kết quả tốt.





## NGỌC HOÀNG KINH



**B**ÀI KINH XUNG TỤNG CÔNG ĐỨC CỦA **ĐỨC NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ** THƯỜNG ĐƯỢC GỌI LÀ *Bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế* hay *bài Ngọc Hoàng Kinh*,... Người tín hữu Cao Đài thường gọi tắt là bài “*Đại La*”.

*Đại La Thiên Đế,*

*Thái Cực Thánh Hoàng.*

*Hóa dục quần sanh,*

*Thống ngự vạn vật.*

*Diệu diệu “Huỳnh Kim Khuyết”,*

*Nguy nguy “Bạch Ngọc Kinh”.*

*Nhược thiệt nhược hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa.*

*Thị không thị sắc, vô vi nhi dịch sử quần linh.*

*Thời thừa Lục long, du hành bất tức.*

*Khi phân Tứ tượng, oát triển vô biên.*

*Càn kiện cao minh, vạn loại thiên ác tất kiến.*

*Huyền phạm quang đại, nhứt toán họa phước lập phân.*

*Thượng chủng Tam thập lục Thiên, Tam thiên Thế giới.*

*Hạ ốc Thất thập nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu.*

*Tiên Thiên Hậu Thiên, tịnh dục **Đại Từ Phụ**.*

*Kim ngưỡng, cổ ngưỡng, phổ tế Tổng Pháp Tông.*

*Nãi **Nhứt, Nguyệt, Tinh, Thần** chi Quân,*

*Vì **Thánh, Thần, Tiên, Phật** chi Chủ.*

*Trạm tịch chơn Đạo,*

*Khôì mịch tôn nghiêìm.*

*Biếñ hóa vô cùng, lữ truyềñ Bửu Kinh dĩ giác thễ.*

*Linh oai mạc trắc, thường thi Thần giáo dĩ lợi sanh.*

*Hồng oai, Hồng từ, vô cực, vô thượng,*

*Đại Thánh, Đại Nguyên, Đại Tạo, Đại Bi.*

**Huyền Khung Cao Thượng Đế,**

**Ngọc Hoàng tích phúc hựu tội,**

**Đại Thiên Tôn.**

► KHẢO DỊ

**Oát triển:** có tài liệu ghi là: *Hoát triển* hay *Hoát truyển*.

Để việc tìm hiểu bài Kinh được thêm phần thuận lợi, chúng tôi mạn phép sắp xếp các câu kinh theo thể văn biên ngẫu, gồm từng cặp đối với nhau như hai con ngựa chạy song song. Cách phân câu này không ảnh hưởng đến việc đọc kinh.

### A.- TÌM HIỂU TỪNG CÂU

- ◻ **Đại La Thiên Đế:** *Đấng Vua Trời chưởng quản cõi vũ trụ bao la,*
- ◻ **Thái Cực Thánh Hoàng:** *Đấng Vua Trời ngự tại ngôi Thái Cực.*
- ◻ **Hóa dục quần sanh:** *Sanh hóa và nuôi dưỡng các loài sinh vật,*
- ◻ **Thống ngự vạn vật:** *Thống lãnh và cai trị muôn loài vật.*
- ◻ **Diệu diệu “Huỳnh Kim Khuyết”:** *Cửa Huỳnh Kim Khuyết sáng ngời và huyền diệu vô cùng,*
- ◻ **Nguy nguy “Bạch Ngọc Kinh”:** *Kinh thành Bạch Ngọc cao rộng với vợ nguy nga và hùng vĩ.*

- **Nhược thiết nhược hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa:** Trời tuy im lặng, như thật như hư, mà phô bày cả một cuộc biến đổi rộng lớn.
- **Thị không thị sắc, vô vi nhi dịch sử quần linh:** Là trống không, là có hình tướng, không ai thấy được sự điều hành của Trời mà tất cả Vạn Linh trong Càn Khôn Vũ Trụ đều do Đức Ngài điều khiển, sai khiến.
- **Thời thừa Lục long, du hành bất tức:** Thường cỡi sáu rồng, vân du khắp trời không ngừng nghỉ.
- **Khí phân Tứ tượng, oát triển vô biên:** Hai khí Dương quang và Âm quang phối hợp hóa sanh ra Tứ tượng, xoay chuyển qua lại, rộng ra không giới hạn.
- **Càn kiện cao minh, vạn loại thiện ác tất kiến:** Trời vô cùng mạnh mẽ và vô cùng sáng suốt, mọi việc lành điều ác của muôn loài vạn vật đều biết và thấy rõ.
- **Huyền phạm quảng đại, nhứt toán họa phước lập phân:** Luật Trời rộng lớn, bằng một diệu toán trong nhứt khắc, phân định rành rẽ từng điều họa điều phước.
- **Thượng chưởng Tam thập lục Thiên, Tam thiên Thế giới:** Bên trên thì cai quản 36 tầng Trời và ba ngàn Thế giới.
- **Hạ ốc Thất thập nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu:** Bên dưới thì trông coi 72 Địa cầu và Tứ Đại Bộ Châu (bốn Bộ Châu lớn).
- **Tiên Thiên Hậu Thiên, tịnh dục Đại Từ Phụ:** Trước khi tạo dựng Trời Đất và sau khi tạo dựng Trời Đất, Đức Thượng Đế nuôi dưỡng vạn linh đồng đều như nhau trong tình thương của Đấng Cha lành.
- **Kim ngưỡng, cổ ngưỡng, phổ tế Tổng Pháp Tông:**

*Thời nay cũng như thời xưa đều kính ngưỡng khi Đức Thượng Đế ban nền giáo pháp để làm căn cơ phổ độ chúng sanh.*

- ▣ **Nãi Nhứt, Nguyệt, Tinh, Thần chi Quân:** Ấy là vua của Nhứt, Nguyệt, Tinh và Thần (ngày giờ),
- ▣ **Vi Thánh, Thần, Tiên, Phật chi Chủ:** Là chủ của Thần, Thánh, Tiên, Phật.
- ▣ **Trạm tịch chơn Đạo:** Đạo Trời cao siêu, lặng lẽ,
- ▣ **Khôi mịch tôn nghiêm:** To lớn, yên lặng và uy nghiêm đáng kính.
- ▣ **Biến hóa vô cùng, lữ truyền Bửu Kinh dĩ giác thế:** Bằng cách biến hóa không cùng, Đức Thượng Đế đã nhiều lần truyền dạy nhiều kinh quý báu để giác ngộ người đời.
- ▣ **Linh oai mạc trắc, thường thi Thần giáo dĩ lợi sanh:** Dụng sự uy linh không lường được, Đức Thượng Đế thường ban bố nhiều nền Đạo linh thiêng để giáo hóa làm lợi ích cho nhơn sanh.
- ▣ **Hồng oai, Hồng từ:** Oai linh to lớn, lòng thương vô biên,
- ▣ **Vô cực, vô thượng:** Cao hơn tất cả, trên hết tất cả,
- ▣ **Đại Thánh, Đại Nguyên:** Đức Thánh lớn, lời nguyện lớn,
- ▣ **Đại Tạo, Đại Bi:** Công sáng tạo to tát, Đức từ bi bao la.
- ▣ **Huyền Khung Cao Thượng Đế:** Đấng Cao Đài Thượng Đế ngự trên vòm trời sâu thẳm và huyền diệu,
- ▣ **Ngọc Hoàng tích phước hựu tội:** Đức Thượng Đế ban phước và tha tội,
- ▣ **Đại Thiên Tôn:** Đấng được tôn kính nhất trong Càn

Khôn Vũ Trụ.

## B.- TÌM HIỂU Ý NGHĨA BÀI KINH

### I.- PHẦN THỨ NHẤT: MỞ ĐẦU

Bài Kinh NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ được khởi đầu bằng 6 câu kinh ngắn nói lên vị thế của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế trong Càn Khôn Vũ Trụ.

*Đại La Thiên Đế,  
Thái Cực Thánh Hoàng.  
Hóa dục quần sanh,  
Thống ngự vạn vật.  
Diệu diệu “Huỳnh Kim Khuyết”,  
Nguy nguy “Bạch Ngọc Kinh”.*

Hai câu đầu:

**ĐẠI LA THIÊN ĐẾ,  
THÁI CỰC THÁNH HOÀNG**

Trong Càn Khôn Vũ Trụ có một Đấng duy nhất tạo dựng nên Càn Khôn Vũ Trụ. Đấng ấy được người đời gọi bằng nhiều Hồng Danh khác nhau như là:

- Ông Trời
- Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế
- Đấng Đại La Thiên Đế
- Đấng Thái Cực Thánh Hoàng,...

Vậy “*Đại La Thiên Đế*” và “*Thái Cực Thánh Hoàng*” là hai trong những Hồng Danh của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

► TỪ VỰNG

- ◻ *Đại La*: tấm lưới lớn, ám chỉ bầu trời rộng bao la. Sách có câu: *Thiên La Địa Võng* là lưới trời và lưới đất.
- ◻ *Thiên Đế*: Vua Trời.
- ◻ *Thái Cực*: Ngôi của Đức Chí Tôn.
- ◻ *Thánh*: dùng để chỉ những gì thuộc về các Đấng Thiêng Liêng mà ở đây là Đức Thượng Đế. Ví dụ: Thánh Ngôn, Thánh Giáo.
- ◻ *Thánh Hoàng*: tiếng tôn xưng ông vua, ở đây là vị vua nơi cõi thiêng liêng, tức là Vua Trời.

Trong Kinh có câu: “*Thượng chương Tam thập lục Thiên, Tam thiên Thế Giới. Hạ ốc Thất thập nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu*”. *Tam Thập Lục Thiên* và *Tứ Đại Bộ Châu* là phần vô hình. Phần hữu hình gồm có 3000 Thế giới và 72 Địa cầu, cộng lại là 3072 ngôi sao. Các ngôi sao ấy được ví như những mắt lưới của một tấm lưới vĩ đại bao trùm cả Càn Khôn Vũ Trụ, do đó mới có từ *Đại La* là tấm lưới lớn.

Tóm lại, hai câu kinh trên nói lên vị thế của Đức Thượng Đế trong Càn Khôn Vũ Trụ.

Tạm hiểu ý nghĩa của hai câu kinh trên như sau:

- ***Đại La Thiên Đế*** là một trong những Hồng Danh của Đức Chí Tôn, có nghĩa là: *Vua Trời cõi Đại La Thiên, Đức Thiên Đế chương quản cõi vũ trụ bao la vô tận*.
- ***Thái Cực Thánh Hoàng*** cũng là một trong những Hồng danh của Đức Chí Tôn, có nghĩa là: *Đấng Thái Cực Thánh Hoàng, Vua Trời ngự nơi ngôi Thái Cực*.

Hai câu tiếp:

**HÓA DỤC QUÂN SANH,**



## THỐNG NGỰ VẠN VẬT.

### ► TỪ VỰNG

- ◻ Hóa Dục: sanh hóa và nuôi dưỡng.
- ◻ Quần sanh: chúng sanh, gồm Vật chất, Thảo mộc, Côn trùng, Thú cầm, Nhơn loại.
- ◻ Thống ngự: cai quản và trị vì một cách ổn định và có trật tự.
- ◻ Vạn vật: muôn loài vật.

Tạm hiểu ý nghĩa của hai câu kinh như sau:

- **Hóa dục quần sanh**: *Sanh hóa, nuôi dưỡng, và giáo hóa các loài sanh vật.*
- **Thống ngự vạn vật**: *Thống lãnh và cai trị muôn loài vật một cách ổn định.*

Hai câu cuối:

**DIỆU DIỆU “HUYỀNH KIM KHUYẾT”,  
NGUY NGUY “BẠCH NGỌC KINH”.**

### ► TỪ VỰNG

- ◻ Diệu diệu: sáng ngời và huyền diệu.
- ◻ Huyềnh kim: vàng ròng màu vàng.
- ◻ Khuyết: cái lâu canh đặt trước cổng vào một cung điện.
- ◻ Huyềnh Kim Khuyết: cổng đi vào một cung điện, ở đây là cung điện nhà Trời tức Bạch Ngọc Kinh.
- ◻ Nguy nguy: cao vòi vọi, nguy nga hùng vĩ.
- ◻ Bạch ngọc: một loại ngọc quý màu trắng.
- ◻ Kinh: kinh thành, thủ đô một nước, cũng có nghĩa là tòa lâu đài cao lớn dùng làm nơi đóng đô của vua.
- ◻ Bạch Ngọc Kinh: Kinh thành Bạch Ngọc, nơi ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Tạm hiểu ý nghĩa của hai câu kinh như sau:

- **Diệu diệu “Huỳnh Kim Khuyết”**: Cửa Huỳnh Kim Khuyết bằng vàng cực kỳ tinh vi mỹ lệ, sáng ngời và huyền diệu vô cùng. Trong *Sớ Văn Thượng Tấu* có câu: **“HUỲNH KIM KHUYẾT NỘI:...”**.
- **Nguy nguy “Bạch Ngọc Kinh”**: Kinh thành Bạch Ngọc Kinh toàn bằng ngọc trắng, rộng cao vòi vọi, nguy nga và hùng vĩ.

Hai câu kinh trên có ý xưng tụng tính vĩ đại của chỗ thường ngự của Đức Chí Tôn, nơi trung tâm vũ trụ, là kinh thành *Bạch Ngọc Kinh*, với cổng ra vào là *Huỳnh Kim Khuyết*.

Trong bài thuyết đạo của *Đức Hộ Pháp* về Càn Khôn Vũ Trụ, Đức Ngài có kể rằng lúc mới khai Đàn tại Càn Thơ có mấy vị Đồ Nho xin Đức Chí Tôn từ bi giảng rõ về hình thức của Càn Khôn Vũ Trụ. Đức Chí Tôn đáp có đoạn như sau: “... *Chỗ THẤY* ngự là nơi *Bạch Ngọc Kinh* là kinh thành toàn cả ngọc trắng rộng cao vòi vọi. Ngoài là *Huỳnh Kim Khuyết* cửa ngõ bằng vàng cực kỳ mỹ lệ...”.

Có thể hiểu:

*Huỳnh Kim Khuyết* là danh từ riêng chỉ nơi Đức Chí Tôn ngự. Trong quyển *Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống* (bản in tại Hoa Kỳ) nơi trang 135, Đức Hộ Pháp có giảng: “... chúng ta thấy từ trên dài tới dưới, một *Triều Chánh* không có miêng lưỡi nào tả cho đặng, oai quyền huyền bí làm sao đâu! Trên hết chúng ta ngó thấy Đức Chí Tôn ngự với cái *Triều Nghi* của Đức Ngài là *Huỳnh Kim Khuyết*”.

Thông thường, *Bạch Ngọc Kinh* được hiểu là danh từ riêng chỉ cung điện nơi Đức Chí Tôn thường ngự. Trong

quyển Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, nơi trang 171 (*bản in tại Hoa Kỳ*), Đức Hộ Pháp mô tả Bạch Ngọc Kinh là một tòa Thiên Các đẹp đẽ, màu sắc thay đổi sáng rõ, vận chuyển hình trạng biến hóa thay đổi như con vật sống, tồn tại vĩnh viễn. Hào quang sáng rực tỏa ra từ cùng khắp tòa Bạch Ngọc Kinh, ánh sáng này không nóng nực bức bối như ánh sáng mặt trời, mà lại dịu dàng và huyền bí lắm, làm cho người nhìn thấy sẽ trở nên thanh thản. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có bài thơ Tản Tả Bạch Ngọc Kinh mà hai câu đầu là:

*Một tòa Thiên các ngọc lâu lâu,  
Liên bắt cầu qua nhấp nhóa sao.*

Tòa Thánh Tây Ninh được Đức Hộ Pháp xây cất theo kiểu mẫu do Đức Lý Đại Tiên Trường giảng cơ vẽ ra căn cứ theo hình ảnh Bạch Ngọc Kinh nơi cõi thiêng liêng. Do vậy mà Tòa Thánh Tây Ninh được gọi là **Bạch Ngọc Kinh tại thế**.

► TÓM LẠI:

Bài Kinh được khởi đầu bằng 6 câu ngắn nói lên vị thế của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế trong Càn Khôn Vũ Trụ.

*Đại La Thiên Đế,  
Thái Cực Thánh Hoàng.  
Hóa dục quần sanh,  
Thống ngự vạn vật.  
Diệu diệu “Huỳnh Kim Khuyết”,  
Nguy nguy “Bạch Ngọc Kinh”.  
Là Vua Trời cõi Đại La Thiên, Đức Ngọc Hoàng*

*Thượng Đế sanh hóa, nuôi dưỡng và giáo hóa các loài sinh vật. Là Đấng Vua Trời ngự nơi Ngôi Thái Cực, Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế thống lãnh và cai trị muôn loài vật một cách ổn định.*

*Đức Ngài thường ngự nơi Bạch Ngọc Kinh cao vòi vọi, nguy nga hùng vĩ, với cổng Huỳnh Kim Khuyết sáng ngời và huyền diệu vô cùng.*

## **II. – PHẦN THỨ NHÌ: PHẦN TRỌNG TÂM**

**Phần trọng tâm của bài Kinh dạy cho biết một ít về việc Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế vận hành Càn Khôn Vũ Trụ.**

**I. Sáu câu Kinh sau đây, một lần nữa, nói lên ý thức về Tam Giáo đồng nguyên: Nho-Thích-Lão.**

*Nhược thiệt nhược hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa.*

*Thị không thị sắc, vô vi nhi dịch sử quần linh.*

*Thời thừa Lục long, du hành bất tức.*

*Khí phân Tứ tượng, oát triển vô biên.*

*Càn kiện cao minh, vạn loại thiện ác tất kiến.*

*Huyền phạm quảng đại, nhất toán họa phúc lập phân.*

*\* Hai câu đầu mang dấu ấn Phật Giáo với các từ như: thiệt, hư, không, sắc.*

Trong “*Tâm Kinh*” của Bát Nhã Học Phật Giáo có câu:

*“Sắc tức thị không, không tức thị sắc,*

*Sắc bất dị không, không bất dị sắc”*

- Sắc: những thứ có hình tướng, mắt phàm thấy rõ.
- Không: trống không, mắt phàm không thấy gì cả.

Nghĩa 2 câu trên:

- **Sắc** tức là **Không**, Không tức là **Sắc**.
- **Sắc** không khác với Không, **Không** không khác với **Sắc**.

Thuở tạo dựng Trời Đất, Đức Chí Tôn dùng hai Khí Dương Quang và Âm Quang, là hai chất khí không hình ảnh (tức là **Không**) để phối hợp sanh ra Càn Khôn Vũ Trụ và vạn vật có hình thể (tức là **Sắc**). Khi đã có **Sắc** Tướng rồi thì phải chịu theo *Luật Thành Tựu Hoại Diệt* để trở về **Không**, tức là trở về nguồn cội **Vô Vi**.

**Câu:**

**NHƯỢC THIỆT NHƯỢC HƯ,  
BẤT NGÔN NHI MẶC TUYÊN ĐẠI HÓA,**

có nghĩa: *Như thật như hư, không nói, mà cứ yên lặng tỏ bày một cuộc biến đổi rộng lớn.*

► **TỪ VỰNG:**

- Nhược: như là.
- Thiệt: thực, có hình ảnh cụ thể.
- Hư: trống không, không có gì cả.
- Nhi: mà.
- Mặc: yên lặng.
- Tuyên: tỏ bày, phô bày.
- Đại hóa: biến đổi rộng lớn.

**Câu:**

**THỊ KHÔNG THỊ SẮC, VÔ VI NHI DỊCH SỬ QUẦN LINH,**

có nghĩa: *Là trống không, là có hình tướng, ở trạng thái vô vi mà điều khiển tất cả Vạn Linh trong Càn Khôn Vũ Trụ.*

► TỪ VỰNG:

- ◻ Thị: là, ấy là.
- ◻ Vô: không.
- ◻ Vi: làm.
- ◻ Vô Vi: ở đây có nghĩa là làm nhưng không thấy hành động, nhưng vẫn có hiệu quả.
- ◻ Nhi: mà.
- ◻ Dịch Sử: sai khiến, điều khiển.
- ◻ Quần Linh: tất cả các Chơn Linh trong Càn Khôn Vũ Trụ.

Hai câu Kinh này ý nói: *Thượng Đế rất thần diệu,*

- ◻ *Tuy im lặng, như thật như hư, mà lại vận hành cả đại cuộc sinh sôi nảy nở của Vũ Trụ chính xác như có Trời hiện diện ở mỗi sự việc hay sự vật (nhược thiết), nhưng tìm thì không thấy gì cả (nhược hư).*
  - ◻ *Tuy không ai thấy được sự điều hành của Đức Ngài, nhưng tất cả Vạn Linh trong Càn Khôn Vũ Trụ đều do Đức Ngài điều khiển, sai khiến. Vạn Linh gồm đủ bát phẩm chơn hồn : Vật chất hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn.*
- ❖ *Hai câu giữa tải quan niệm Tiên Giáo với nhiều từ thường dùng trong Tiên Giáo như: thời, khí, oát, triển.*

**Câu:**

**THỜI THỪA LỤC LONG, DU HÀNH BẤT TỨC,**

có nghĩa: *Thường cõi sáu rồng, vân du khắp trời không ngừng nghỉ, ý nói: Đạo Trời vận hành khắp nơi không ngừng nghỉ.*

► TỪ VỰNG:

- ◻ Lục long: 6 con rồng. Nơi nóc Plafond dù ở 9 cấp Cửu Trùng Đài của Tòa Thánh Tây Ninh, có tạc 6 con rồng đan nhau theo ba màu Đạo: 2 rồng vàng, 2 rồng xanh, 2 rồng đỏ, để tượng trưng cho câu kinh “*Thời thừa lục long...*”.

**Câu:**

**KHÍ PHÂN TỬ TƯỢNG, OÁT TRIỂN VÔ BIÊN,**

có nghĩa: Hai khí Dương quang và Âm quang phối hợp hóa sanh ra Tử tượng, xoay chuyển qua lại, rộng ra không giới hạn, ý nói: Đạo phối hợp Âm Dương rồi sinh ra Tử Tượng, và vận hành cả Càn Khôn Vũ Trụ.

► TỪ VỰNG:

- ◻ Khí: Hư Vô chi Khí, hoặc hiểu ngầm là Nhị Khí tức khí Dương Quang và khí Âm Quang.
- ◻ Tử tượng: gồm Thái Dương (mặt trời), Thái Âm (mặt trăng), Thiếu Dương và Thiếu Âm (các ngôi sao và các hành tinh khác).
- ◻ Oát: xoay đi, chuyển động ra ngoài.
- ◻ Triển: xoay về, chuyển động hướng vào trong.
- ◻ Oát triển: xoay chuyển theo 2 hướng: đi về, qua lại, hàm ý là hai chiều vận động của Đạo.

Hai câu kinh này ý nói:

- Đạo Trời vận chuyển đi khắp nơi trong vũ trụ không lúc nào ngừng nghỉ, biến hóa huyền diệu, phù hợp với hoàn cảnh, thời cơ.
- Cả Càn Khôn Vũ Trụ bao gồm các tinh cầu thiên thể (gồm Thái Dương, Thái Âm, Thiếu Dương, Thiếu Âm)

*đều vận hành luân chuyển theo đúng qui luật thiên nhiên, ấy là Đạo.*

- ❖ *Hai câu cuối là lời dạy của Nho giáo với các từ như: thiên, ác, họa, phước.*

**Câu:**

**CÀN KIẾN CAO MINH, VẠN LOẠI THIÊN ÁC TẤT KIẾN,**

*có nghĩa: Trời vô cùng mạnh mẽ và vô cùng sáng suốt, mọi việc lành điều ác đều thấy rõ.*

▶ TỪ VỰNG:

- Càn: Quẻ đầu tiên trong Bát Quái, tượng trưng Trời.
- Kiến: mạnh mẽ.
- Cao minh: vô cùng sáng suốt.

**Câu:**

**HUYỄN PHẠM QUẢNG ĐẠI, NHỨT TOÁN HỌA PHƯỚC LẬP PHÂN,**

*có nghĩa: Luật Trời rộng lớn, bằng một diệu toán trong nhứt khắc, phân định rành rẽ từng điều họa phước.*

▶ TỪ VỰNG:

- Huyền: sâu xa mâu nhiệm.
- Phạm: khuôn mẫu.
- Huyền phạm: khuôn mẫu mâu nhiệm, ám chỉ qui luật của Tạo Hóa.
- Quảng đại: rộng lớn.
- Nhứt toán: diệu toán trong nhứt khắc, ở đây có nghĩa là thật nhanh.

Hai câu kinh này ý nói:

- *Trời vô cùng mạnh mẽ và vô cùng sáng suốt, mọi việc*



*lành điều ác của muôn loài vạn vật đều biết và thấy rõ.*

- *Luật Trời mẫu nhiệm, bao trùm tất cả, phân định rành rẽ từng việc lành điều dữ của chúng sanh một cách nhanh chóng.*

Kết Luận: Lồng vào các từ ngữ dùng trong 6 câu kinh vừa rồi, hiện lên một đặc điểm của giáo lý Cao Đài là: Dụng tinh ba của giáo lý Tam Giáo (*Nho, Thích, Lão*). Ý niệm này đã được thấy trong bài Khai Kinh: *Trung Dung Khổng Thánh chỉ rành, Từ Bi Phật dạy: Lòng thành lòng nhơn. Pháp Tiên Đạo: Tu chơn dưỡng tánh*. Đưa giáo lý Tam Giáo vào bài kinh xưng tụng Đức Thượng Đế, phải chăng Ông Trên muốn một lần nữa tạo ý thức về “*Tam Giáo đồng nguyên*” mà cho đến nay ý thức này cũng còn khá mới đối với nhiều người.

► TỪ VỰNG

- ◻ ***Dại hóa***: cuộc sinh hóa to lớn, ám chỉ toàn thể sự vận hành trong vũ trụ không có lúc nào ngừng nghỉ.
- ◻ ***Vô vi***: *vô* là không, *vi* là làm. Vô vi nghĩa đen là không làm, không can thiệp, nghĩa thường dùng là không hình ảnh hay thuộc vô hình, trái với hữu vi, ở đây có nghĩa là làm nhưng không thấy hành động, làm mà không ai thấy hoặc biết việc mình làm nhưng vẫn có hiệu quả.

*Chúng Sanh* và *Quần Sanh* đồng nghĩa với nhau, chỉ tất cả các loài có sự sống, gồm Vật Chất, Thảo Mộc, Thú Cầm và Nhơn Loại. Trong Chú Giải Pháp Chánh Truyền có câu: “*Vật chất hữu sanh, thảo mộc hữu sanh, thú cầm hữu sanh, nhơn loại hữu sanh, tức là chúng sanh*”.

*Vạn Linh* và *Quần Linh* đồng nghĩa với nhau, chỉ

tất cả các Chơn Linh trong Càn Khôn Vũ Trụ, gồm đủ Bát Hồn là: Vật Chất hồn, Thảo Mộc hồn, Thú Cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn và Phật hồn. Trong Phật Mẫu Chơn Kinh có câu: “*Bát hồn vận chuyển hóa thành chúng sanh*”.

2. *Bài Kinh cũng có phần nào dạy về Vũ Trụ Quan:*

THƯỢNG CHƯỞNG TAM THẬP LỤC THIÊN,

TAM THIÊN THẾ GIỚI.

HẠ ỐC THẤT THẬP NHỊ ĐỊA, TỬ ĐẠI BỘ CHÂU.

► TỪ VỰNG

- Thượng: ở trên.
- Chưởng: nắm giữ, cai quản.
- Tam thập lục Thiên: 36 tầng Trời.
- Tam thiên Thế giới: ba ngàn thế giới,
- Hạ: ở dưới.
- Ốc: nắm giữ, cai quản, trông coi.
- Thất thập nhị Địa: 72 quả Địa cầu.
- Tử Đại Bộ Châu: bốn Châu lớn ở bốn phương.

Hai câu Kinh này cho biết:

- Ở phần trên của Vũ Trụ, Đức Chí Tôn chưởng quản 36 tầng Trời (vô hình) và 3000 Thế Giới (hữu hình).
- Ở phần dưới của Vũ Trụ, Đức Chí Tôn chưởng quản 72 quả Địa Cầu (hữu hình) và 4 Bộ Châu lớn (vô hình).

**Tam thiên Thế giới**: ba ngàn thế giới, đây là thế giới hữu hình, còn sinh vật nhưng đã có sự tiến hóa rất cao về nhiều mặt. Trong quyển Luật Tam Thế, Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ có dạy như sau: “*Tam thiên Thế giới là ngôi vị, còn Thất thập nhị Địa là Trường thi Công quả*”.

**Tứ Đại Bộ Châu:** bốn Châu lớn ở bốn phương là: Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Nam Thiệm Bộ Châu, Bắc Câu Lư Châu. Quả Địa cầu 68 của chúng ta thuộc Nam Thiệm Bộ Châu. Trong Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần, có câu: “*Lòng sở vọng làm dâm tụng niệm, Xin giải nạn Nam Thiệm Bộ Châu*”.

Tam thiên Thế giới và Thất thập nhị Địa gồm 3072 tinh tú, thuộc về hữu hình. Đức Chí Tôn dạy Ngài Phối Sư Thái Bính Thanh vẽ đủ 3072 ngôi sao trên quả Càn Khôn tượng trưng cho Càn Khôn Thế Giới để thờ nơi Đền Thánh. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (*quyển I, trang 38, in năm 1972*), Đức CHÍ TÔN dạy:

*“Bính! Thấy giao cho con lo một Trái Càn Khôn, con hiểu nghĩa gì không? Cười... Một trái như trái đất tròn quây, hiểu không? Bề kính tâm 3 thước 3 tấc, nghe con! Lớn quá, mà phải vậy mới dựng, vì là cơ mẫu nhiệm Tạo Hóa trong ấy, mà sơn màu xanh da trời, Cung Bắc Đẩu và Tinh tú vẽ lên trên Trái Càn Khôn ấy. Thấy kể Tam thập lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí; tức là không phải tinh tú còn lại Thất thập nhị Địa và Tam thiên thế giới thì đều là Tinh tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao. Con phải biểu vẽ lên đó cho đủ”.*

3. **Hai câu kinh sau đây nói lên lòng thương yêu của Thượng Đế đối với vạn linh và lòng kính ngưỡng của chúng sanh đối với Đức Ngài:**

**TIỆN THIÊN, HẬU THIÊN, TỊNH DỤC ĐẠI TỪ PHỤ.**

**KIM NGŨƠNG, CỔ NGŨƠNG, PHỔ TẾ TỔNG PHÁP TÔNG.**

► **TỪ VỰNG**

- ◻ Tiên Thiên: thời kỳ trước khi vũ trụ hình thành.
- ◻ Hậu Thiên: thời kỳ sau khi vũ trụ hình thành.
- ◻ Tinh: đều ngang như nhau, không khác nhau.
- ◻ Dục: nuôi dưỡng.
- ◻ Đại Từ Phụ: Đấng Cha rất hiền, Đức Thượng Đế.
- ◻ Kim: thời nay.
- ◻ Cổ: thời xưa.
- ◻ Ngưỡng: kính ngưỡng mộ.
- ◻ Phổ tế: cứu giúp rộng khắp.
- ◻ Tổng: bao gồm tất cả.
- ◻ Tổng Pháp Tông: bao gồm tất cả các giáo pháp.

Hai câu kinh này ý nói:

- *Cả hai cõi Tiên Thiên và Hậu Thiên đều do Đức Thượng Đế nuôi dưỡng đồng đều như nhau trong tình thương của Đấng Cha lành,*
- *Thời nay cũng như thời xưa đều kính ngưỡng khi Đức Thượng Đế ban nên giáo pháp để làm căn cơ phổ độ chúng sanh.*

**Tiên Thiên**: thời kỳ trước khi vũ trụ hình thành, tức trước khi tạo dựng Trời Đất, thời kỳ này còn thuần Dương thuần Âm, tức thời kỳ trước khi phân Tứ Tượng. Thời kỳ này còn ở trạng thái Vô Vi, vô hình ảnh.

**Hậu Thiên**: thời kỳ sau khi vũ trụ hình thành, tức sau khi tạo dựng Trời Đất, thời kỳ này bắt đầu từ khi xuất hiện Tứ Tượng, tức là sau khi có Càn Khôn Vũ Trụ và vạn vật; thời kỳ này thuộc về hữu hình sắc tướng.

**Đại Từ Phụ**: Đấng Cha rất hiền, Đấng Cha Trời trọn lành, Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế.

4. *Hai câu kinh sau xác định rõ sự thống quản toàn diện của Đấng Thượng Đế từ cõi Thượng Thiên đến cõi Hạ Giới, bổ sung phần tán tụng ở hai câu trên:*

**NĂI NHỰT, NGUYỆT, TINH, THẦN CHI QUÂN,  
VI THÁNH, THẦN, TIÊN, PHẬT CHI CHỦ.**

► TỪ VỰNG

- Nãi: ấy là.
- Nhựt Nguyệt Tinh: Mặt Trời, Mặt trăng, Ngôi Sao.
- Thần: ngày giờ, chỉ về thời gian.
- Chi: tiếng đệm.
- Quân: vua.
- Vi: làm.
- Thánh, Thần, Tiên, Phật: bốn cấp phẩm vị thiêng liêng dành cho những người đạo đức tu đắc quả.  
Hai câu kinh này ý nói:
  - *Đấng Thượng Đế là vua của Nhựt, Nguyệt, Tinh, Thần, nghĩa là vua của Không gian và Thời gian,*
  - *Đấng Thượng Đế là chủ tể Càn Khôn Thế Giới, đứng đầu tất cả các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật.*

Nhựt Nguyệt Tinh phân bố khắp bầu trời, biểu thị không gian, Thần là ngày giờ, chỉ về thời gian. Đấng Thượng Đế cai quản cả không gian và thời gian, tức cai quản cả vũ trụ này. Đấng Thượng Đế chẳng những là chủ của các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật mà còn là Người sanh ra các Đấng ấy nữa. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (*quyển I, trang 43*), Đấng Chí Tôn có dạy: “*Khai Thiên Địa vốn Thấy, sanh Tiên, Phật cũng Thấy. Thấy đã nói một Chơn Thần mà biến Càn Khôn Thế Giới và cả nhơn loại... Có Thấy mới có các con, có các con rồi mới có chư Thần, Thánh, Tiên, Phật*”.

5. *Hai câu kinh sau đây nói lên sự cao siêu và tôn nghiêm của Đạo Trời:*

**TRẠM TỊCH CHƠN ĐẠO,  
KHÔI MỊCH TÔN NGHIÊM.**

▶ TỪ VỰNG

- ◻ Trạm: sâu dày, trong trẻo, không bợn nhơ, cao siêu.
- ◻ Tịch: yên lặng, im lìm, lặng lẽ.
- ◻ Chơn Đạo: chánh Đạo, nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn.
- ◻ Khôi: to lớn, to tát.
- ◻ Mịch: bao la, mênh mông.
- ◻ Tôn nghiêm: uy nghiêm, oai nghi đáng kính nể.

Sau đây là ý nghĩa của hai câu Kinh trên:

- *Đạo Trời chơn chánh cao siêu và yên lặng,*
- *To lớn và uy nghiêm đáng kính.*

Hai câu Kinh này ý nói:

- *Bằng sự cao siêu và bao quát khắp Càn Khôn Vũ Trụ, Đạo Trời dù thị hiện hết sức lặng lẽ nhưng vẫn trọn vẹn nét uy nghi và tôn nghiêm.*

6. *Hai câu sau đây nói lên sự linh động của Đức Thượng Đế trong việc giáo hóa và giác ngộ nhưn sanh:*

**BIẾN HÓA VÔ CÙNG, LỮ TRUYỀN BỬU KINH DĨ GIÁC THỂ.  
LINH OAI MẠC TRẮC, THƯỜNG THI THẦN GIÁO DĨ LỢI SANH.**

▶ TỪ VỰNG

- ◻ Biến hóa: thay đổi từ hình thức này sang hình thức khác, tùy hoàn cảnh.
- ◻ Vô cùng: không có chỗ giới hạn.
- ◻ Lữ: nhiều lần.

- Truyền: truyền dạy, truyền bá.
- Bửu kinh: kinh sách quý báu.
- Dĩ: để mà.
- Thế: đời, người đời.
- Giác thế: giác ngộ người đời, giác ngộ trần thế.
- Linh: thiêng liêng, mầu nhiệm.
- Oai: trang nghiêm khiến người khác phải nể sợ.
- Mạc: không.
- Trắc: đo lường.
- Thường: thường xuyên.
- Thi: ban bố.
- Thần: thiêng liêng mầu nhiệm.
- Giáo: tôn giáo, lời dạy.
- Thần giáo: lời dạy mầu nhiệm, ý nói nền Đạo linh thiêng không phải của người phàm.
- Dĩ: để mà.
- Lợi sanh: làm lợi ích cho chúng sanh.

Hai câu kinh này ý nói:

- *Bằng cách biến hóa không cùng, tùy thời, tùy trình độ, tùy hoàn cảnh để giúp cho sự tiếp thu được thuận lợi, Đức Thượng Đế đã nhiều lần truyền dạy kinh sách quý báu để giác ngộ người đời,*
- *Dụng sự linh thiêng mầu nhiệm không lường được, Đức Thượng Đế đã nhiều lần ban xuống trần thế nhiều nền Đạo linh thiêng để giúp ích cho nhơn sanh (Chữ “Thần Giáo” ứng hợp với chữ “Bửu Kinh” ở câu trên).*

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Đức Chí Tôn có dạy như sau:

*“Các con phải biết rằng: THẤY là huyền diệu thế nào? Cách dạy, THẤY buộc tùy thông minh của mỗi đứa mà dạy. Dầu cho thấy phàm tục cũng phải vậy, nếu đứa nào dở mà dạy cao kỳ, nó biết đâu mà hiểu đặng.*

■ (TNHT.I.8 – in 1972)

Từ xưa đến nay, Đức Thượng Đế đã nhiều lần cho các Đấng Phật, Tiên giáng trần mở đạo cứu đời. Các Đấng tùy theo hoàn cảnh, tùy theo thời cơ mà dạy dỗ chúng sanh.

- ❖ Vào **Nhứt Kỳ Phổ Độ** có các Đấng sau đây giáng trần để lập đạo:
  - **Đức Nhiên Đấng Cổ Phật làm giáo chủ Đạo Phật,**
  - **Đức Thái Thượng Đạo Tổ làm giáo chủ Đạo Tiên,**
  - **Đức Văn Tuyên Đế Quân làm giáo chủ Đạo Thánh.**

Trong Nhứt Kỳ Phổ Độ, tri thức của nhơn loại còn đơn giản, Ôn Trên thường dùng đến huyền diệu kèm theo linh vật chứng minh cụ thể. Đời vua Phục Hy (2852–2737 trước TL), Trời ban xuống đất Trung Hoa con Long Mã (*nổi lên giữa sông Hoàng Hà*), trên lưng có những cái chấm tạo thành một bức đồ gồm 55 chấm, vua ghi nhớ, vẽ lại thành bức vẽ gọi là Hà Đồ. Chiêm nghiệm Hà Đồ, Ngài chế tác nên Bát Quái Tiên Thiên, đó là những nền tảng ban đầu của Kinh Dịch. Vào khoảng 1300 năm trước Tây Lịch, tại Tây Á, Thánh Moise được Đức Thượng Đế trực tiếp ban “*10 Điều Răn*” chứng thực vào một tảng đá. Đây là minh chứng cụ thể giúp Ngài rao giảng Cựu Ước.

- ❖ Vào **Nhị Kỳ Phổ Độ** có các Đấng sau đây giáng trần để mở đạo:
  - **Đức Phật Thích Ca làm giáo chủ Đạo Phật,**
  - **Đức Lão Tử làm giáo chủ Đạo Tiên,**



- *Đức Khổng Tử chấn hưng Đạo Nho (Đạo Thánh).*
- *Đức Chúa Jésus Christ giáng sanh mở Thánh Giáo.*

Trong Nhị Kỳ Phổ Độ, đã có chữ viết. Các Đấng Giáo Chủ ấy đã thuyết giảng nhiều giáo lý cao siêu, ghi lại thành kinh sách quý báu gọi “*bửu kinh*” để giác ngộ người đời.

- ❖ Trong Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức CHÍ TÔN cho mở và chấn hưng các tôn giáo là Phật Giáo, Tiên Giáo, Nho Giáo, Thánh Giáo tức Thiên Chúa Giáo, với những vị Giáo Chủ khác nhau, nhưng nay vào **Tam Kỳ Phổ Độ**, Đức CHÍ TÔN chỉ cho mở có một Đạo duy nhứt, với Giáo Lý là sự tổng hợp có sáng tạo của tinh hoa giáo lý *Tam Giáo* và *Ngũ Chi* đã có từ xưa “*Phổ tế Tổng Pháp Tông*”, hiệp với *Thánh Giáo* ngày nay của Đức CHÍ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ, lập thành một nền **Tân Giáo Lý**, tạo thành một nền Tôn Giáo Đại Đồng, gồm đủ các phương diện của một nền Đại Đạo chơn chánh, do **Chính Đức CHÍ TÔN làm Giáo Chủ**, đó là **Đạo Cao Đài**.

Đức Thượng Đế giao cho các Đấng sau chưởng quản Đạo Cao Đài về mặt vô vi:

- *Đức Lý Đại Tiên Trưởng: Nhứt Trấn Oai Nghiêm, đại diện Đức Lão Tử, cầm quyền Tiên Giáo,*
- *Đức Quan Âm Như Lai: Nhị Trấn Oai Nghiêm, đại diện Đức Phật Thích Ca, cầm quyền Phật Giáo,*
- *Đức Quan Thánh Đế Quân: Tam Trấn Oai Nghiêm, đại diện Đức Khổng Tử, cầm quyền Nho Giáo.*

### III.- PHẦN THỨ BA: ĐOẠN KẾT

Các câu sau cùng tạo thành Đoạn Kết của Bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, nói lên sự tán tụng uy quyền và công đức to lớn cũng như lòng từ bi bác ái bao la của Đấng Huyền Khung Cao Thượng Đế, là Đấng Cha Lành hằng ban phước và xá tội cho chúng sanh:

**HỒNG OAI, HỒNG TỪ, VÔ CỰC, VÔ THƯƠNG,  
ĐẠI THÁNH, ĐẠI NGUYỆN, ĐẠI TẠO, ĐẠI BI.**

► TỪ VỰNG

- Hồng: to lớn.
- Oai: trang nghiêm đáng nể.
- Từ: lòng thương yêu của người trên đối với kẻ dưới, ở đây có nghĩa là lòng thương yêu chúng sanh.
- Vô cực: không cùng tận, không giới hạn.
- Vô thương: cao trổi hơn hết thầy, không còn gì cao hơn nữa.
- Đại: lớn.
- Thánh: Đức Thánh.
- Nguyện: lời nguyện.
- Đại Nguyện: lời nguyện thực hiện cho cả chúng sanh.
- Tạo: dựng nên, làm ra.
- Bi: lòng thương xót các cảnh khổ não của chúng sanh.

Hai câu kinh trên ý nói:

- *Đức Thượng Đế có sự oai nghi to lớn và tình thương vô biên.*
- *Với đức thánh to lớn và lòng thương chúng sanh, Thượng Đế có lời đại nguyện là dùng quyền sáng tạo để cứu vớt phần hồn của nhơn sanh.*

Lời Đại nguyện của Đức Chí Tôn mỗi phen mở Đạo:  
*“Mỗi phen Thấy đến mở Đạo thì là phải cam đoan và  
 lãnh các con, chẳng khác nào kẻ nghèo lãnh nợ. Các  
 con làm tội lỗi bao nhiêu, oan nghiệt bấy nhiêu Thấy  
 đều lãnh hết”*

■ (TNHT, quyển I, trang 86 – in năm 1972).

**Hồng oai** của Đức Thượng Đế là cái oai quyền to lớn do lòng thương yêu mà có, chớ không phải do sức mạnh vũ lực đè nén người, nhờ đó mà làm cho người ta phải tâm phục.

**Hồng từ** của Đức Thượng Đế là lòng thương yêu to lớn, không vì lợi ích riêng cho mình mà vì lợi ích cho xã hội nhơn quần. Đó là lòng thương yêu cao cả, vượt trên ích kỷ nhỏ nhen để đem lại lợi ích chung.

HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐẾ,  
 NGỌC HOÀNG TÍCH PHƯỚC HỮU TỘI,  
 ĐẠI THIÊN TÔN.

► TỪ VỰNG

- ◻ Huyền: huyền diệu, sâu xa kín đáo.
- ◻ Khung: to lớn cao rộng cùng cực như vòm trời.
- ◻ Huyền Khung: vòm trời sâu thẳm kín đáo, huyền diệu.
- ◻ Cao Thượng Đế: Đấng Cao Đài Thượng Đế.
- ◻ Ngọc Hoàng: Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế.
- ◻ Tích phước: tứ phước, ban phước, ban cho điều tốt.
- ◻ Hữu: rộng rãi tha thứ.
- ◻ Hữu tội: xá tội, tha tội.
- ◻ Đại Thiên Tôn: Đấng đượ tôn kính nhứt trong Càn Khôn Vũ Trụ, chỉ dùng cho Đức Chí Tôn mà thôi.

Các câu Kinh sau đây có nghĩa là:

- *Đức Chí Tôn với các Hồng danh khác nhau như: Huyền Khung Cao Thượng Đế, Cao Đài Thượng Đế, Đại Thiên Tôn, là Đấng Cha Lành được tôn kính nhất trong Càn Khôn Vũ Trụ, hằng ban phúc và xá tội cho chúng sanh.*

Chỉ có Đức Chí Tôn mới được gọi là *Đại Thiên Tôn*, các Đấng khác đều nhỏ hơn Đức Chí Tôn nên chỉ gọi là *Thiên Tôn*, thí dụ như:

- *Nhiên Đăng Cổ Phật Vô vi Xiển giáo Thiên Tôn*
- *Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn*
- *Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thanh Thế Thiên Tôn*
- *Điều Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn*
- *Huyền Khung Cao **Thượng Đế** Ngọc Hoàng **Đại** Thiên Tôn.*

Xin chú ý đến từ “*Hữu tội*”. Theo Hán Việt Từ Điển của Ông Đào Duy Anh thì *Hữu* có nghĩa là rộng rãi khoan thứ. Ở đây, *Hữu tội* có nghĩa là rộng lòng tha thứ tội lỗi cho chúng sanh. Trong lần *Khai Đạo Kỳ Ba* này, *Đức Chí Tôn* tha thứ tội lỗi cho chúng sanh một cách hết sức là rộng lượng. Khi một tín đồ vừa mới nhập môn thì *Đức Chí Tôn* cho được hưởng Phép Giải Oan để được cởi bỏ tất cả các nghiệp chướng của nhiều kiếp trước.

Trong bài Kinh Giải Oan, *Đức Hộ Pháp* có dạy như sau:

*May gặp đặng hồng ân chan rười,  
Giải trái oan sạch tội tiên khiên.*

Trong bài Kinh Cầu Bà Con Thân Bằng Cổ Hữu Đả Qui Liễu, *Tiên Nương Đoàn Thị Diễm* đã dạy:

*Chí Tôn xá tội giải oan,  
Thánh, Thần, Tiên, Phật cứu nàn độ căn.*

Và trong bài *Kinh Hạ Huyền*, Đức Quan Âm Bồ Tát cũng đã dạy:

*Phép Giải oan độ hồn khỏi tội,  
Phước tiêu điều năm mối trường sanh.*

*Trong kiếp sống, nếu một người không biết giữ Đạo mà đến giờ chót biết hồi tâm tin tưởng Đức Chí Tôn thì người ấy cũng được Hội Thánh cho hưởng phép cầu hồn và cầu siêu cho linh hồn được siêu thoát, đúng theo các câu sau trong bài *Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối*:*

*Dầu trọn kiếp sống không nên Đạo,  
Dầu oan gia tội báo buộc ràng,  
Chí Tôn xá tội giải oan,  
Thánh, Thần, Tiên, Phật cứu nàn độ vong.*

Đức Chí Tôn chẳng những xá tội cho chúng ta mà còn xá tội cho cả cha mẹ chúng ta đã qui liễu, đúng theo các câu sau đây của bài *Kinh Tụng Cha Mẹ Đã Qui Liễu*:

*Sắp mình cúi lạy Từ Bi,  
Tiên khiến phụ mẫu Tam Kỳ xá ân.*

Đức Chí Tôn còn cho phép con cái tu hành lập công lập đức giúp cho Cha Mẹ:

*Thong dong cõi thọ nương hồn,  
Chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa.*

Ngoài ra Đức Chí Tôn còn cứu giúp cả ông bà chúng ta đã qui liễu, như các câu sau đây trong bài *Kinh Cầu Tổ Phụ Đã Qui Liễu*:

*Dầu tội chường ở miền Địa giải,*

*Dầu oan gia ở ngoại Càn khôn,  
Dầu mang xác tục hay hôn,  
Nhớ cầu Từ Phụ Chí Tôn cứu nàn.*

- ❖ Lời dạy sau đây của Đức Hộ Pháp trong Quyển LỜI PHÊ, trang 112–113, cho thấy lòng Từ Bi của Đức Chí Tôn bao la là đường nào! Đức Hộ Pháp dạy như sau:

*“Đức CHÍ TÔN là Đại Từ Phụ khi đến độ Bản Đạo, Bản Đạo có hỏi về phương tận độ các vong linh nhân loại thì có nói quả quyết như vậy”:*

*“Dầu cho có kẻ nào phạm tội dẫy dầy trên mặt đất mà khi hấp hối rồi chỉ kêu lấy danh Ta thì cũng đặng siêu thoát...”.*

Ngày 16 tháng 6 năm Ất Mùi

(dl: 3-8-1955)

HỘ PHÁP

(Ấn Ký)

- ❖ Trước đó, vào ngày 11-3-1949 (12-2-Kỷ Sửu), trong Quyển Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống, trang 130–131, bản in tại Hoa Kỳ, Đức Hộ Pháp cũng đã dạy tương tự như trên:

*“Hồi thử tội tình của chúng ta đã làm trong kiếp sanh, Đức Chí Tôn để trong phương pháp nói rằng: Tội tình các con dẫy dầy nơi mặt địa cầu này, mà đến giờ chót các con biết kêu Danh THẤY thì THẤY đến cứu, THẤY đem Bí Pháp giải thoát để trong tay các con đặng các con đoạt chơn pháp giải thoát đó vậy.*

Kêu Danh THẤY là niệm:

*“Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”.*

Thật rõ ràng Đức Chí Tôn là Đấng Đại Từ Đại Bi, và Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ rất xứng đáng với danh là Đại Ân Xá Kỳ Ba.

**Tam Giáo:** *Phật Giáo, Tiên Giáo, Thánh Giáo.*

**Ngũ Chi:** *Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần Đạo, Nhơn Đạo.*







## PHẬT GIÁO KINH



**B**ÀI KINH XUNG TỤNG CÔNG ĐỨC CỦA ĐỨC NHIÊN ĐĂNG CỔ PHẬT THƯỜNG ĐƯỢC GỌI LÀ BÀI KINH Phật Giáo, bài Nhiên Đăng Cổ Phật chí tâm qui mạng lễ...

Cũng như ở bài kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế, để cho việc tìm hiểu được thêm phần thuận lợi, chúng tôi xin sắp xếp các câu kinh theo thể văn biền ngẫu, gồm từng cặp đối với nhau như hai con ngựa chạy song song.

**Hỗn Độn Tôn Sư,**

**Càn Khôn Chủ Tổ.**

Qui Thế giải ư nhứt khí chi trung,

Ốc trần hườn ư song thủ chi nội.

Huệ đăng bất diệt,

Chiếu Tam thập lục Thiên chi quang minh.

Đạo pháp trường lưu,

Khai Cửu thập nhị Tào chi mê muội.

Đạo cao vô cực,

Giáo xiển hư linh.

Thổ khí thành hồng, nhi nhứt trụ xang thiên.

Hóa kiếm thành xích, nhi tam phân thác địa.

Công tham Thái Cực, phá nhứt khiếu chi huyền quan.

Tánh hiệp vô vi, thống Tam Tài chi bí chí.

Đa thi huệ trạch,

Vô lượng độ nhơn.

*Đại Bi, Đại Nguyên,  
Đại Thánh, Đại Từ,  
Tiên Thiên Chánh Đạo,  
Nhiên Đăng Cổ Phật,  
Vô vi Xiển Giáo Thiên Tôn.*

▶ KHẢO DỊ:

- ◻ **Xang Thiên:** có tài liệu in là *Xanh Thiên*. Xanh đồng nghĩa với Xang, Xang là âm thuần Việt, Xanh là âm Hán Việt.
- ◻ **Huyền quan:** có tài liệu in là Huyền quang.  
(*Quan*: Cái cửa ải. *Quang*: Sáng, ánh sáng).

**A.- TÌM HIỂU TỪNG CÂU**

- ◻ **Hỗn Độn Tôn Sư:** *Vị Thầy đáng kính được hóa sanh ra trong thời Hỗn Độn sơ khai,*
- ◻ **Càn Khôn Chủ Tế:** *Là Đấng Chúa Tế cả Càn Khôn Vũ Trụ.*
- ◻ **Qui Thế giải ư nhứt khí chi trung:** *Gom các Thế Giới vào trong một Khí Hư Vô,*
- ◻ **Ốc trần huồn ư song thủ chi nội:** *Nắm giữ các cõi trần vào trong lòng hai bàn tay.*
- ◻ **Huệ đăng bất diệt, chiếu Tam thập lục Thiên chi quang minh:** *Tâm linh bất diệt của Tôn Sư như ngọn đèn soi sáng khắp 36 tầng Trời.*
- ◻ **Đạo pháp trường lưu, khai Cửu thập nhị Tào chi mê muội:** *Đạo Pháp như dòng nước chảy hoài không dứt, khai mở tâm tánh cho 92 ức Nguyên nhơn còn đang mê muội nơi cõi trần.*

- ◻ **Đạo cao vô cực:** Đạo thì cao thâm vô cùng tận,
- ◻ **Giáo xiển hư linh:** Giáo lý dạy cho hiểu rõ về lẽ mẫu nhiệm của Đạo (hư linh được hiểu là lẽ mẫu nhiệm của Đạo).
- ◻ **Thổ khí thành hồng, nhi nhứt trụ xang thiên:** Phun ra chất khí tạo thành một cái mống (cầu vồng) dùng làm như một cây trụ để chống đỡ bầu trời.
- ◻ **Hóa kiếm thành xích, nhi tam phân thác địa:** Biến hóa bửu kiếm thành cây thước mà 3 với phân đủ đỡ vững giềng đất không rung động.
- ◻ **Công tham Thái Cực, phá nhứt khiếu chi huyền quan:** Công đức sánh cùng Trời (Thái Cực), mở ra được huyền quan khiếu (để phối hiệp với Trời).
- ◻ **Tánh hiệp vô vi, thống Tam Tài chi bí chi:** Đức Ngài đã hòa hiệp cùng với Trời Đất và nắm được cái khóa huyền bí của Tam Tài: Thiên, Địa, Nhơn.
- ◻ **Đa thi huệ trạch:** Nhiều lần ban bố ơn huệ,
- ◻ **Vô lượng độ nhơn:** Cứu giúp người đời nhiều vô kể.
- ◻ **Đại Bi, Đại Nguyện:** Lòng thương lớn, lời nguyện lớn,
- ◻ **Đại Thánh, Đại Từ:** Thánh đức lớn, lòng từ lớn,
- ◻ **Tiên Thiên Chánh Đạo:** Mỗi Đạo chơn chánh có từ trước khi Vũ Trụ hình thành,
- ◻ **Nhiên Đăng Cổ Phật:** Vị Phật có từ xưa hiệu là Nhiên Đăng
- ◻ **Vô vi Xiển Giáo Thiên Tôn:** Đấng Thiên Tôn của nền chánh giáo vô vi.

## B.- TÌM HIỂU Ý NGHĨA BÀI KINH

Phật Giáo.- Danh từ Phật Giáo được dùng để chỉ

*những tôn giáo mà giáo lý dạy tín đồ tu thành Phật.*

**Thích Giáo.** – *Danh từ Thích Giáo chỉ tôn giáo do Đức Phật Thích Ca lập ra tại Ấn Độ và do Đức Phật Thích Ca làm Giáo Chủ.*

Thích Giáo dạy tín đồ tu thành Phật, nên Thích Giáo cũng là Phật Giáo, nhưng danh từ Phật Giáo có nghĩa rộng hơn, vì Thích Giáo là chỉ riêng về tôn giáo của Đức Phật Thích Ca, còn Phật Giáo là chỉ chung các tôn giáo mà giáo lý dạy tín đồ tu thành Phật. Do đó, *Bà La Môn Giáo, Pythagore Giáo*, là thuộc về Phật Giáo, chứ không thuộc về Thích Giáo.

Cho nên, bài Xưng Tụng Đức Nhiên Đăng Cổ Phật được gọi là bài Kinh Phật giáo thì sát nghĩa hơn. Do đó, khi cúng Tiểu Đàn hoặc Đại Đàn Đức Chí Tôn, trước khi Đồng Nhi tụng bài Kinh Phật Giáo, thì Lễ Sĩ xướng như sau:

*“Thành kính tụng Phật Giáo Tâm Kinh”.*

Theo giáo lý của Đạo Cao Đài thì:

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật là vị Phật xưa nhất, đầu tiên hơn hết trong hằng hà sa số chư Phật trong Càn Khôn Vũ Trụ này. Ngài được hóa sanh ra từ thời Hỗn Độn, sau khi ngôi Thái Cực xuất hiện và trước khi tạo dựng Trời Đất. Ngài giáng trần ở nước Ấn Độ, ứng vào đời vua Huỳnh Đế bên Tàu mở ra Phật Giáo thời Như Kỳ Phổ Độ (*TNHT.I.28*).

Đức Nhiên Đăng Cổ Phật hiện nay chưởng quản từng Trời Hư Vô Thiên,... nơi đó có Ngọc Hư Cung để họp Triều đình của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, thiết lập Thiên Triều cai trị Càn Khôn Thế Giới.

Nối tiếp Đức Nhiên Đăng Cổ Phật thì có Đức Phật Thích Ca giảng sanh ở Ấn Độ, ứng vào đời nhà Châu bên Tàu, khai mở Phật Giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ (TNHT.I.28).

### I.- PHẦN THỨ NHỨT: PHẦN MỞ ĐẦU

Bài kinh được khởi đầu bằng bốn câu ngắn cho biết rằng: Có một vị Tôn Sư không do ai sinh thành, hóa sinh ra từ khi Trời Đất chưa được dựng nên và làm chủ cả Càn Khôn Vũ Trụ. Vị Tôn Sư ấy gom Vũ Trụ vào trong một Khí Hư Vô và nắm các cõi trần vào trong lòng hai bàn tay.

*Hỗn Động Tôn Sư,*

*Càn Khôn Chủ Tế.*

*Qui Thế giải ư nhất khí chi trung,*

*Ốc trần huồn ư song thủ chi nội.*

Hai câu đầu:

**HỖN ĐỘNG TÔN SƯ,  
CÀN KHÔN CHỦ TẾ.**

#### ► TỪ VỰNG

- ◻ Hỗn Động: thời kỳ sau khi xuất hiện Ngôi Thái Cực, trước khi tạo dựng Trời Đất, lúc Trời đất chưa phân lập.
- ◻ Tôn Sư: tiếng tôn kính để gọi thầy của mình.
- ◻ Càn Khôn: Càn là trời, Khôn là đất, Càn Khôn chỉ toàn thể Vũ Trụ.
- ◻ Chủ Tế: chúa tế, người đứng đầu có quyền lực thống trị hết thảy.

Hai câu Kinh trên cho biết:

- Có một bậc Thầy đáng kính được hóa sanh ra trong thời kỳ Hỗn Độn sơ khai, là Chúa Tể cả Càn Khôn Vũ Trụ.

Hai câu sau:

**QUI THẾ GIÁI Ư NHỨT KHÍ CHI TRUNG,  
ỐC TRẦN HƯỜN Ư SONG THỦ CHI NỘI.**

► TỪ VỰNG

- ◻ Qui: gom vào một chỗ.
- ◻ Thế Giới: hay Thế Giới, nghĩa thông thường là hoàn cầu, hiểu rộng ra là 3000 Thế Giới, cả Vũ Trụ.
- ◻ Ư: ở tại, ở trong.
- ◻ Nhứt khí: là khí Nguyên thủy có trước khi Vũ Trụ hình thành, đó là Khí Hư Vô.
- ◻ Chi: tiếng đệm.
- ◻ Trung: ở trong.
- ◻ Ốc: nắm giữ, nghĩa bóng là chi phối.
- ◻ Trần hườn: trần gian, các cõi trần, 72 Địa cầu.
- ◻ Song thủ: hai tay.
- ◻ Ư song thủ chi nội: trong hai bàn tay. Song thủ là hai tay nhưng hàm ý chỉ Lương Nghi tức Âm Dương nhị khí.

Ghi Chú: *Càn Khôn Vũ Trụ* đồng nghĩa *Càn Khôn Thế Giới*.

Hai câu Kinh trên ý nói Đức Nhiên Đăng Cổ Phật:

- Gom các thế giới vào trong một Khí Hư Vô. Hiểu thoạt ý theo chiều ngược lại : *Cả Vũ Trụ vạn vật này đều được sinh ra từ Khí Hư Vô.*
- Nắm giữ các cõi trần vào trong lòng hai bàn tay. Ý nói : *Cả Vũ Trụ này đều nằm trong sự chi phối của hai nguyên lý Âm và Dương (như ngày đêm, nóng lạnh,*

*cứng mềm,...).*

## II.- PHẦN THỨ NHÌ: PHẦN TRỌNG TÂM

Phần cuối của bài kinh sẽ cho biết vị Tôn Sư thời Hỗn Độn là Đức Nhiên Đăng Cổ Phật.

Phần trọng tâm của bài Kinh dạy cho chúng ta biết về quyền pháp cao siêu mầu nhiệm của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật, cũng như tâm linh bất diệt của Đức Ngài như ngọn đèn chiếu sáng khắp 36 cõi Trời. Đạo Pháp của Đức Ngài vận hành mãi mãi để khai hóa 92 ức Nguyên nhơn còn đang mê muội nơi cõi trần.

1. Hai câu Kinh sau đây cho biết tâm linh bất diệt của Đức Nhiên Đăng ảnh hưởng đến cả 36 cõi Trời, và Đạo Pháp trường lưu bất tuyệt của Đức Ngài khai hóa cả 92 ức Nguyên nhơn còn đang mê muội của Địa Cầu 68.

HUỆ ĐĂNG BẤT DIỆT,  
CHIẾU TAM THẬP LỤC THIÊN CHI QUANG MINH.  
ĐẠO PHÁP TRƯỜNG LƯU,  
KHAİ CỬU THẬP NHỊ TÀO CHI MÊ MUỘI.

### ► TỪ VỰNG

- Huệ đăng: đèn trí huệ, cũng gọi là tâm đăng tức đèn trong lòng ta, ám chỉ tâm linh sáng suốt của con người.
- Bất diệt: trường tồn mãi mãi.
- Tam thập lục Thiên: 36 tầng Trời.
- Chi: tiếng đậm.
- Quang minh: sáng tỏ.
- Đạo Pháp: chánh pháp của Đạo.

- ◻ Trường lưu: chảy mãi không bao giờ ngừng.
- ◻ Khai: giáo hóa, mở mang.
- ◻ Tào: bọn, đám, nhóm người.
- ◻ Cửu thập nhị Tào: ám chỉ 92 ức Nguyên Nhơn.
- ◻ Mê muội: đầu óc tối tăm, không phân biệt phải trái,....

Tạm hiểu hai câu kinh trên như sau:

- *Cây đèn trí huệ cháy hoài không dứt, chiếu sáng 36 tầng Trời. Ý nói: Tâm linh bất diệt của Tôn Sư như ngọn đèn chiếu sáng khắp cả 36 tầng Trời.*
- *Đạo Pháp như dòng nước chảy hoài không dứt, khai mở tâm tánh cho 92 ức Nguyên Nhơn còn đang mê muội nơi cõi trần.*

Theo Giáo Lý Đạo Cao Đài, Đức Phật Mẫu có cho 100 ức Nguyên Nhơn đầu kiếp xuống cõi trần. Cho tới Nhị Kỳ Phổ Độ có 8 ức Nguyên Nhơn được qui hồi cứu vị. Còn lại 92 ức Nguyên Nhơn đang mê muội ở cõi trần. “Đức CHỈ TÔN giao cho Đức Phật Mẫu cơ quan siêu thoát ấy, phải làm thế nào đặng tận độ 92 ức Nguyên Nhơn trở về cứu vị” (Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp trong Lễ Hội Yến DTC 15-9-1951).

Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu vì lòng Đại Từ Đại Bi, giáng cơ khai Đạo mở Đại Ân Xá Kỳ Ba để tận độ chúng sanh và 92 ức Nguyên Nhơn trở về ngôi vị cũ, như lời dạy sau đây trong Phật Mẫu Chơn Kinh:

*Phục nguyên nhơn hườn hồn Phật tánh,  
Giáo hóa hườn hữu hạnh hữu duyên.*

Tạm hiểu hai câu trên:

- *Đức Phật Mẫu giáo hóa các Nguyên Nhơn để rời hoàn*



trả và bảo tồn Phật tánh cho mỗi người, và đem họ về với ngôi vị cũ,

- *Giáo hóa các linh hồn có may mắn và có duyên phần gặp được mỗi Đạo để lo tu hành.*
2. *Hai câu sau đây cho biết rằng Đạo tuy cao siêu vô cùng, nhưng nhờ có giáo lý làm sáng tỏ nên người học Đạo mới hiểu được lẽ mẫu nhiệm của Đạo.*

**ĐẠO CAO VÔ CỰC,  
GIÁO XIỂN HƯ LINH.**

► TỪ VỰNG

- Vô cực: không cùng tận, không giới hạn.
- Xiển: mở rộng ra, làm sáng tỏ, làm cho rõ ràng.
- Côi Hư linh: côi hư không linh diệu trên thượng tầng không khí, trống không nhưng rất linh thiêng mẫu nhiệm.

Hai câu kinh trên ý nói:

- *Đạo thì cao thâm vô cùng tận, nhưng nhờ có giáo lý giảng giải nên người học Đạo hiểu được lẽ mẫu nhiệm của Đạo (Hư Linh: cái lý huyền diệu ẩn ẩn hiện hiện).*

Nói khác đi: Đạo thì ẩn, vô vi, còn Tôn giáo thì hiện, hữu vi. Lấy cái hữu vi mà đạt tới cái vô vi, đó là chức năng của tôn giáo, và là sứ mạng của các bậc Giáo Tổ xưa nay. Đức Chí Tôn cũng đã có dạy: “Đạo vốn vô vi, Thấy phải dùng hữu hình để dẫn đến vô vi...”.

(Có thể hiểu hai câu trên như sau: *Đạo Pháp cao siêu vô cùng tận, dạy cho biết rõ về côi Hư linh, tức côi trời linh thiêng mẫu nhiệm.* Nhưng hiểu như thế thì chữ **Giáo** là động từ “verb” trong khi chữ **Đạo** ở câu trên lại là danh từ “noun”).

3. *Bốn câu kinh sau đây nói lên Quyền Pháp vô biên của Đức Nhiên Đăng, ngoài ra còn có ý nghĩa về phép Luyện Đạo: Luyện cho Hậu Thiên biến thành Tiên Thiên, tức là hữu hình trở thành vô hình thì Hườn Hư đắc đạo.*

**THỔ KHÍ THÀNH HỒNG, NHI NHỨT TRỤ XANG THIÊN.**

**HÓA KIỂM THÀNH XÍCH, NHI TAM PHÂN THÁC ĐỊA.**

► TỪ VỰNG

- ◻ Thổ khí: phun ra chất khí, hà hơi.
- ◻ Hồng: cầu vồng, cái móng trời.
- ◻ Nhi: tiếng dùng để chuyển ý, có nghĩa là *mà* hay *như*.
- ◻ Nhứt trụ: một cây cột.
- ◻ Xang hay xanh: chống đỡ, chôi, nâng đỡ.
- ◻ Thiên: Trời.
- ◻ Hóa: biến hóa.
- ◻ Kiểm: cây gươm, cây kiếm.
- ◻ Xích: thước đo, cây thước.
- ◻ Tam phân: ba phân của cây thước.
- ◻ Thác: nâng đỡ vật lên (*còn có nghĩa là mở rộng ra*).
- ◻ Thác địa: mở rộng lãnh thổ (*theo Hán Việt TĐ/ĐDA*).

Hai câu kinh trên ý nói:

- *Phun ra chất khí tạo thành một cái móng dùng làm như một cây trụ để chống đỡ bầu trời.*
- *Hóa bữu kiếm thành cây thước mà 3 phân đủ đỡ vừng giêng đất không cho rung động (Có thể hiểu : đủ mở mang cõi đất đai).*

Người xưa cho rằng bầu trời là một cái lưới lớn (Đại La), nếu không có gì chống đỡ thì lưới trời sẽ sập. Đức

Nhiên Đăng Cổ Phật với Quyển Pháp vô biên có thể chống đỡ bầu trời không cho sập và giữ vững đất đai không cho rung động để nhơn loại và mọi vật được sống yên ổn.

Hai câu này còn hàm ý về phép luyện đạo.

**CÔNG THAM THÁI CỤC, PHÁ NHỨT KHIẾU CHI HUYỄN QUAN.  
TÁNH HIỆP VÔ VI, THỐNG TAM TÀI CHI BÍ CHỈ.**

► TỪ VỰNG

- ◻ Công: công đức, công nghiệp, công lao.
- ◻ Tham: góp phần vào, xen dự vào.
- ◻ Tham: còn có nghĩa là ngang bằng, sánh bằng. Ví dụ: *Tham thiên* là cao ngất trời, ngang hàng với Trời (*Theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh, và của Nguyễn Văn Khôn*).
- ◻ Thái Cực: Ngôi của Đức Chí Tôn.
- ◻ Công tham Thái Cực: Công Đức sánh với Thái Cực, tức với Thượng Đế, hoặc Công Đức tham dự vào công việc của Thượng Đế.
- ◻ Phá: làm cho vỡ ra, khai mở ra.
- ◻ Khiếu: cái lỗ hổng.
- ◻ Khiếu huyền quan hay huyền quan: khiếu là một lỗ nhỏ, hay là một cái cửa khi luyện Đạo, người ta phải khai khiếu này thì mới đắc Đạo được.
- ◻ Tánh: tức Chơn thần.
- ◻ Hiệp: hợp, hòa hiệp, hiệp với.
- ◻ Vô vi: cõi vô vi, cõi Hư vô.
- ◻ Tánh hiệp vô vi: Đức Nhiên Đăng Cổ Phật hòa hiệp cùng với Trời Đất.

Hai câu kinh trên ý nói:

- Công đức của Đức Thái Thượng lớn sánh cùng Thái Cực, tức sánh cùng Trời, mở ra được cửa huyền quan khiếu (mà phối hiệp với Trời). Cũng có thể hiểu như sau : Đức Ngài góp công cùng Đức Chí Tôn, khai phá thông suốt Khiếu Huyền Quan (cho tánh hiệp với vô vi).
- Đức Ngài đã hòa hiệp cùng với Trời Đất và đã nắm được cái khóa bí yếu của Tam Tài : Thiên, Địa, Nhơn.

Hai câu kinh này nói về phép luyện đạo. *Hàm ý*: luyện khí công, luyện hơi thở, làm cho trí não sáng suốt như ánh sáng Thái Cực, để dùng đó mà khai khiếu huyền quan cho thông suốt, thì cái Chơn Thần được Hườn Hư mà trở lại trạng thái vô vi, tức là Tinh Khí Thần hiệp nhứt, chừng đó mới chưởng quản cả Tam Tài trong một ý chỉ nhiệm mầu, bấy giờ mới làm chủ được “*Tiểu Thiên Địa*” của mình, tức là đắc đạo. *Tiểu Thiên Địa* là Vũ Trụ nhỏ, tức là con người. Đối lại là *Đại Thiên Địa* là Trời Đất, là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

► GHI CHÚ:

*Nhứt khiếu chi huyền quan*: một cái huyền quan khiếu. Trong quyển *Thiên Đạo*, trang 126 (*Bản in tại Hoa Kỳ vào tháng 7 năm 2001*), Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu giải về huyền quan khiếu như sau: “*Người tu hành chừng nào luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần hườn Hư, luyện Hư hườn Vô, thì Huyền quan khiếu ấy mở hoát ra. Huyền quan nhứt khiếu ấy là chi? Là Thiên Nhân vậy. Nó ở ngay nê hườn cung, gom trọn chơn dương chánh đạo*”.

*Tánh*: là cái phần thiêng liêng mà Trời ban cho mỗi con người, là bản thể chơn thật của con người và vốn là tốt đẹp, “*Nhơn chi sơ, Tánh bốn thiên*”. Đức Chí Tôn dạy rằng

*Tánh là chơn tướng của Chơn thần, Tâm là chơn tướng của Chơn linh.* Tâm tức Chơn linh là hình thể thứ nhất, Tánh tức Chơn thần là hình thể thứ nhì, xác phàm thú chất là hình thể thứ ba. Có thể hiểu một cách đơn giản:

*Tánh:* tức Chơn thần là hình thể thứ nhì.

4. *Hai câu Kinh sau đây ý khen ân huệ và sự cứu giúp đời của Đức Nhiên Đăng nhiều vô kể.*

**ĐA THI HUỆ TRẠCH,  
VÔ LƯỢNG ĐỘ NHƠN.**

► TỪ VỰNG

- ◻ *Đa thi:* ban bố nhiều. *Thi ân* là ban ơn.
- ◻ *Huệ Trạch:* huệ và trạch đồng nghĩa, là ơn huệ, ơn trạch do Ông Trên ban xuống.
- ◻ *Vô lượng:* không lường được, không đo được.
- ◻ *Độ nhơn:* cứu giúp người đời.

Hai câu kinh trên có ý:

- *Khen sự giúp đời của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật: Nhiều lần ban bố ơn huệ, cứu giúp người đời nhiều không kể hết.*

**III.- PHẦN THỨ BA: ĐOẠN KẾT**

*Năm câu chót của bài kinh kết luận rằng: vị Tôn Sư có từ thời Hỗn Độn sơ khai chính là Đấng Đại từ Đại bi, Đại thánh Đại nguyện mà Hồng danh là Nhiên Đăng Cổ Phật và vi Xiển Giáo Thiên Tôn.*

**ĐẠI BI, ĐẠI NGUYỆN,  
ĐẠI THÁNH, ĐẠI TỪ,**

► TỪ VỰNG

- ◻ Đại: lớn.
- ◻ Bi: lòng thương xót chúng sanh trước các cảnh khổ não.
- ◻ Nguyện: lời hứa với bản thân và cố gắng thực hiện cho bằng được.
- ◻ Thánh: đức Thánh, sự thiêng liêng mầu nhiệm, linh thiêng siêu phàm.
- ◻ Tử: lòng thương yêu của người trên đối với kẻ dưới.

Hai câu trên nói lên lòng thương chúng sanh của Đức Phật:

- *Thương xót chúng sanh bao la, chí nguyện lớn lao, thánh đức to tát, tình thương rộng khắp.*

Phật vì thương xót chúng sanh, nên mỗi vị đều có phát ra lời Đại Nguyện. Sách Dũơng Tử có câu: “*Phật ái chúng sanh như mẫu ái tử*”.

#### **TIÊN THIÊN CHÁNH ĐẠO,**

- *Mỗi Đạo chơn chánh có từ trước khi Vũ Trụ hình thành,*
- #### **NHIÊN ĐĂNG CỔ PHẬT,**
- *Vị Phật có từ xưa hiệu là Nhiên Đăng,*
- #### **VÔ VI XIỂN GIÁO THIÊN TÔN.**
- *Đấng Thiên Tôn của nền chánh giáo vô vi.*

Theo giáo lý Cao Đài thì Đức Nhiên Đăng là vị Phật thời Nhứt Kỳ Phổ Độ, Đức Thích Ca là vị Phật thời Nhị Kỳ Phổ Độ. *Nhiên* là đốt cháy, *Đăng* là cây đèn, *Nhiên Đăng* theo nghĩa đen là đốt đèn, đèn thắp sáng, tượng trưng trí tuệ giác ngộ, tức tâm linh sáng suốt của con người.

#### ▶ **TỪ VỰNG**

- ◻ Tiên Thiên: thời kỳ trước khi Vũ Trụ hình thành, thời

kỳ còn thuần Dương thuần Âm, tức thời kỳ trước khi phân Tứ Tượng. Thời kỳ này còn ở trạng thái Vô vi, vô hình ảnh.

- Chánh Đạo: mỗi Đạo chơn chánh.
- Cổ Phật: vị Phật có từ xa xưa.
- Xiển Giáo: nền đạo quang minh, là chánh giáo.
- Vô vi: không âm thịnh sắc tướng (*trái với hữu vi*).
- Thiên Tôn: chức phẩm do Thượng Đế ban cho.

▶ GHI CHÚ:

Không nên lầm lẫn từ *Xiển Giáo* trong bài kinh này với từ *Xiển Giáo* trong truyện Phong Thần. Trong truyện Phong Thần, Xiển Giáo đối nghịch với Triệt Giáo.

Trong truyện Phong Thần:

– *Xiển Giáo* là *Chánh Giáo Đạo Tiên* mà các đệ tử theo học Đạo đều là do con người tu thành, do **Đức Nguơn Thủy** làm giáo chủ,

– *Triệt Giáo* cũng là *Đạo Tiên* mà các đệ tử phần nhiều là do thú vật tu thành, do **Đức Thông Thiên** làm giáo chủ.

Cả hai vị (*Đức Nguơn Thủy và Đức Thông Thiên*) đều là học trò của Đức Hồng Quân Lão Tổ.

**Đức Hồng Quân Lão Tổ** có 3 người học trò là: **Đức Lão Tử**, **Đức Nguơn Thi** và **Đức Thông Thiên**. Đức Lão Tử là học trò lớn nhất.

▶ GHI CHÚ:

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển có câu:

“Phong Thân đừng tưởng chuyện mờ hồ.”

■ (TNHT, Q1, trg 95 – in năm 1972)



## TAM GIÁO

### ❖ Kinh Phật Giáo

*Bài Kinh Phật Giáo xưng tụng công đức của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật. Đức Ngài được hóa sinh ra vào thời kỳ hỗn độn sơ khai, nghĩa là thời kỳ sau khi xuất hiện Ngôi Thái Cực, trước khi tạo dựng Trời Đất.*

### ❖ Kinh Tiên Giáo

*Bài Kinh Tiên Giáo xưng tụng công đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân và Đức Lão Tử. Đức Thái Thượng Đạo Quân được Khí Tiên Thiên hóa sanh ra, sau Đức Nhiên Đăng. Đức Ngài là vị Tiên đầu tiên trong CKVT. Đến thời Nhị Kỳ PD, Đức Ngài chiết Chơn Linh giáng sanh xuống cõi trần là Đức Lão Tử.*

### ❖ Kinh Nho Giáo

*Bài Kinh Nho Giáo xưng tụng công đức của Đức Văn Xương Đế Quân và Đức Khổng Thánh Tiên Sư. Đức Khổng Thánh giáng sanh vào năm 551 trước Tây Lịch, là “Văn Xương Tiên hạ trần đặng thừa mạng lệnh THẤY làm Chương Giáo Nhơn Đạo” trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ.*



## TIÊN GIÁO KINH



**B**ÀI KINH XỨNG TỤNG CÔNG ĐỨC CỦA ĐỨC THÁI THƯỢNG ĐẠO TỔ THƯỜNG ĐƯỢC GỌI LÀ BÀI Kinh Tiên Giáo, bài Tiên Thiên Khí Hóa,....

Cũng như ở hai bài Ngọc Hoàng Kinh và Phật Giáo Kinh, để cho việc tìm hiểu được thêm phần thuận lợi, chúng tôi xin sắp xếp các câu kinh theo thể văn biên ngẫu, gồm từng cặp đối với nhau như hai con ngựa chạy song song.

*Tiên Thiên Khí hóa,  
Thái Thượng Đạo Quân.  
Thánh bất khả tri,  
Công bất khả nghị.  
Vô vi cư Thái Cực chi tiên.  
Hữu thi siêu quần chơn chi thượng.  
Đạo cao nhứt khí, diệu hóa Tam Thanh.  
Đức hoán hư linh, pháp siêu quần Thánh.  
Nhị nguyệt thập ngũ, phân tánh giáng sanh.  
Nhứt thân ức vạn, diệu huyền thần biến.  
Tử khí đông lai, quảng truyền Đạo Đức.  
Lưu sa tây độ, pháp hóa tướng tông.  
Sản Tất Viên, Phương Sóc chi bối, đơn tích vi mang.  
Khai Thiên Địa, nhơn vật chi tiên, Đạo kinh hạo kiếp.  
Cần Khôn oát vạn, nhứt nguyệt chi quang.  
Đạo pháp bao la, Cửu Hoàng Tỉ Tổ.*

*Đại Thiên Thế giới, dương tưng từ ân.  
Vinh kiếp quần sanh, ngưỡng kỳ huệ đức.  
Đại Thần Đại Thánh,  
Chí cực chí tôn.  
Tiên Thiên chánh nhứt,  
Thái Thượng Đạo Quân,  
Chưởng Giáo Thiên Tôn.*

► KHẢO DỊ

- ◻ **Đơn tích vi mang:** Có tài liệu ghi là: *Đơn tích duy mang.*
- ◻ **Cần Khôn oát vận:** Có tài liệu ghi là: *hoát vận*

**A.- TÌM HIỂU TỪNG CÂU**

- ◻ **Tiên Thiên Khí hóa:** *Khí Tiên Thiên hóa sanh ra*
- ◻ **Thái Thượng Đạo Quân:** *Đức Thái Thượng Đạo Quân.*
- ◻ **Thánh bất khả tri:** *Sự linh thiêng mầu nhiệm của Đức Ngài không thể hiểu biết hết được,*
- ◻ **Công bất khả nghị:** *Công đức của Đức Ngài không thể luận bàn cho hết được.*
- ◻ **Vô vi cư Thái Cực chi tiên:** *Vào thời Vô Thi (trước khi có Ngôi Thái Cực), Đức Thái Thượng Đạo Quân đã có rồi nhưng còn tiềm ẩn trong Khí Tiên Thiên ở trạng thái vô vi.*
- ◻ **Hữu thi siêu quần chơn chi thượng:** *Vào thời Hữu Thi (từ khi có Ngôi Thái Cực, nghĩa là từ khi Vũ Trụ đã hình thành), Đức Ngài là cao trội hơn các bậc Tiên Thánh.*
- ◻ **Đạo cao nhứt khí, diệu hóa Tam Thanh:** *Đạo vốn*

*là một Khí Hư Vô biến hóa thân diệu ra ba cõi Thanh Thiên.*

- ◻ **Đức hoá hư linh, pháp siêu quần Thánh:** *Thánh Đức sáng rực khắp các cõi Trời, Quyền Pháp cao vượt hẳn lên trên các bậc Thánh.*
- ◻ **Nhị nguyệt thập ngũ, phân tánh giảng sanh:** *Ngày rằm tháng hai, chiết Chơn Linh giảng sanh xuống cõi trần.*
- ◻ **Nhứt thân ức vạn, diệu huyền thân biến:** *Một thân mình biến hóa thân diệu thành vô số Nguyên Nhơn khác nhau.*
- ◻ **Tử khí đông lai, quảng truyền Đạo Đức:** *Làn khí màu đỏ tia đến từ hướng Đông, rộng truyền sách Đạo Đức Kinh.*
- ◻ **Lưu sa tây độ, pháp hóa tướng tông:** *Qua vùng sa mạc Lưu Sa ở hướng Tây để giúp người đời, Giáo Pháp trở thành nền tảng của một Tôn Giáo có thể tướng.*
- ◻ **Sản Tất Viên, Phương Sóc chi bối, đơn tích vi mang:** *Đào tạo ra các vị Trang Tử và Đông Phương Sóc, dạy việc tu luyện đến từng chi tiết để không bị lầm lạc.*
- ◻ **Khai Thiên Địa, nhơn vật chi tiên, Đạo kinh hạo kiếp:** *Khi Vũ Trụ hình thành, Đức Ngài có trước loài người và loài vật, Đạo của Đức Ngài trải qua nhiều kiếp lâu đời.*
- ◻ **Càn Khôn oát vạn, nhứt nguyệt chi quang:** *Trời Đất xoay chuyển vận hành, tạo nên ánh sáng của hai vầng Nhứt Nguyệt.*
- ◻ **Đạo pháp bao la, Cửu Hoàng Tỉ Tổ:** *Với Đạo Pháp rộng lớn vô biên, Đức Ngài là Thủy Tổ của 9 vị vua khai*

*hóa nhưn loại (và là Thủy Tổ của loài người).*

- ◻ **Đại Thiên Thế giới, dương tưng từ ân:** *Tất cả thế giới trong Vũ Trụ, đâu đâu cũng ca ngợi ơn lành của Đức Ngài.*
- ◻ **Vĩnh kiếp quần sanh, ngưỡng kỳ huệ đức:** *Muôn đời muôn kiếp, chúng sanh luôn luôn ngưỡng cầu ơn đức của Đức Ngài.*
- ◻ **Đại Thần Đại Thánh, Chí cực chí tôn:** *Bậc Thần lớn, bậc Thánh lớn, lớn hơn hết và được tôn kính hơn hết.*
- ◻ **Tiên Thiên chánh nhưt, Thái Thượng Đạo Quân:** *Trước khi tạo dựng Trời Đất, Đức Thái Thượng Đạo Quân là Ngôi Một, và là Đấng quan trọng bậc nhất.*
- ◻ **Chưởng Giáo Thiên Tôn:** *Đức Thái Thượng Đạo Quân là Giáo Chủ Đạo Tiên, và là một Đấng Thiên Tôn.*

## B.- TÌM HIỂU Ý NGHĨA BÀI KINH

Đức Thái Thượng Đạo Quân là vị Tiên đầu tiên trong Càn Khôn Vũ Trụ, là thủy tổ của Đạo Tiên, và đứng đầu các bậc Thánh Tiên.

Đức Thái Thượng Đạo Quân do khí Tiên Thiên hóa sanh ra nên Quyền Pháp của Đức Ngài vô cùng cao siêu, thiên biến vạn hóa, không ai có thể biết rõ hết được (*vi Khí Tiên Thiên rất nên huyền diệu*). Từ khi có loài người xuất hiện, Đức Ngài đã hiện xuống cõi trần rất nhiều lần qua những danh vị khác nhau để giáo hóa nhưn sanh, cứu độ những người có duyên, rồi lại trở về cõi Thượng Thiên, nhưng không đâu thai xuống trần để mang xác phàm như Đức Phật Thích Ca hay Đức Chúa Jesus. Trong thời Nhưt Kỳ Phổ Độ, Đức Ngài là giáo chủ của Đạo Tiên.

Mãi đến thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Ngài mới chiết Chơn Linh giáng sanh xuống trần là *Đức Lão Tử* để xiển dương Tiên Giáo, nên còn gọi Đức Ngài là *Thái Thượng Lão Quân*. Đối với Đạo Cao Đài, Đức Thái Thượng Đạo Quân và Đức Lão Tử được coi như là một. Đức Lão Tử viết ra bộ sách “*Đạo Đức Kinh*” để làm giáo lý căn bản cho Đạo Tiên.

Việc đầu thai của Đức Ngài cũng rất huyền diệu. Bà mẹ Ngọc Nữ mang thai Đức Ngài đến 72 năm, nên đứa con mới sanh ra (*sanh nơi nách*) đầu đã bạc trắng, do đó mới gọi là *Lão Tử*. Vừa mới được sanh ra, Lão Tử chỉ *cây lý* bảo rằng đó là Họ của ông, và xưng hiệu là *Lão Đàm*. Ngoài ra mỗi tai có đến 3 lỗ ở bên trong, nên Đức Ngài còn có tên là *Lý Nhĩ*.

### I.- PHẦN THỨ NHẤT: MỞ ĐẦU

Bài kinh được khởi đầu bằng 4 câu ngắn dạy về Nguyên Căn và Thánh Đức cũng như Công Đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân.

*Tiên Thiên Khí hóa,  
Thái Thượng Đạo Quân.  
Thánh bất khả tri,  
Công bất khả nghị.*

*Đức Thái Thượng Đạo Quân, Thủy Tổ của Đạo Tiên, do Khí Tiên Thiên hóa sinh ra, nên sự mẫu nhiệm và công đức của Đức Ngài không thể hiểu biết hết, không thể luận bàn cho rõ được.*

Hai câu đầu:

**TIÊN THIÊN KHÍ HÓA,**

### THÁI THƯỢNG ĐẠO QUÂN.

► TỪ VỰNG

- ◻ Tiên Thiên Khí: chất khí có trước khi Vũ Trụ hình thành, thường được gọi là Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí. Khí này rất nên huyền diệu.
- ◻ Hóa: biến hóa, hóa sanh.
- ◻ Thái Thượng Đạo Quân: cũng gọi là Thái Thượng Lão Quân, là vị Tiên đầu tiên trong Càn Khôn Vũ Trụ, là Thủy Tổ của Đạo Tiên.

Hai câu Kinh trên cho biết:

- *Khí Tiên Thiên hóa sanh ra Đức Thái Thượng Đạo Quân.*

Ghi Chú.– Khí Hư Vô có trước Trời Đất nên còn được gọi là *Khí Tiên Thiên*. Thoạt tiên Khí Hư Vô hóa sanh ra Đức Chí Tôn. Sau đó, Khí Hư Vô, tức Khí Tiên Thiên, hóa sanh ra Đức *Nhiên Đẳng Cổ Phật*, là vị Phật đầu tiên trong Càn Khôn Vũ Trụ, kế tiếp hóa sinh ra Đức *Thái Thượng Đạo Quân*, là vị Tiên đầu tiên trong CKVT, là Thủy Tổ của Đạo Tiên.

Hai câu sau:

### THÁNH BẤT KHẢ TRI, CÔNG BẤT KHẢ NGHỊ.

► TỪ VỰNG

- ◻ Thánh: Thánh đức, hiểu thoát ý là sự linh thiêng mẫu nhiệm, siêu phàm.
- ◻ Bất khả tri: không thể biết được.
- ◻ Công: công đức, công ơn.
- ◻ Bất khả nghị: không thể luận bàn được.

Hai câu Kinh trên ý nói:

- *Thánh đức, tức sự linh thiêng mầu nhiệm siêu phàm của Đức Ngài, to tát đến đôi không thể hiểu hết được,*
- *Công đức của Đức Ngài đối với hơn loại cao dày đến đôi không thể luận bàn cho rõ được.*

Bài Khai Kinh cũng có xưng tụng công đức của Đức Ngài như sau:

*Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông,  
Ra tay dẫn độ, dày công giúp đời.*

## II.- PHẦN THỨ NHÌ: PHẦN TRỌNG TÂM

Phần trọng tâm của bài Kinh dạy cho chúng ta biết rằng Đức Thái Thượng Đạo Quân là Đấng Thiêng Liêng tối cao đã “có” từ Tiên Thiên Chi Khí. Đến thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Ngài chiết Chơn Linh giáng sinh xuống cõi trần là Đức Lão Tử để độ đời, với bộ sách Đạo Đức Kinh làm nền tảng cho Tiên Giáo.

1. *Hai câu kinh sau đây cho biết lúc nào Đức Thái Thượng Đạo Quân đã được hóa sanh ra và cũng cho biết vị thế của Đức Ngài đối với các bậc Tiên Thánh.*

**VÔ VI CỰ THÁI CỤC CHI TIÊN.**

**HỮU THỈ SIÊU QUÂN CHƠN CHI THƯỢNG.**

### ▶ TỪ VỰNG

- Vô vi: nghĩa đen là không làm, hoặc làm nhưng không thấy hành vi; hiểu thoát ý là tiềm ẩn, chưa có hình trạng, không âm thanh sắc tướng.
- Vô Vi: một đạo lý được Đức Lão Tử đề cao.
- Cư: ở.
- Chi: tiếng đệm.
- Thái Cục chi tiên: trước khi có Ngôi Thái Cực.

- ◻ Thái Cực: Ngôi của Đức Chí Tôn. Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển (quyển II, trang 170 – in 1972), Đức Chí Tôn có dạy: “*Thầy đã nói với các con rằng: khi chưa có chi trong Càn Khôn Thế Giới thì khi Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lương Nghi, Lương Nghi phân ra Tú Tượng, Tú Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn Khôn Thế Giới*”.
- ◻ Hữu Thi hay Hữu Thủy: là có bắt đầu, đã có nguồn gốc rồi. Thời Hữu Thi được kể từ khi Càn Khôn Vũ Trụ được hình thành. Trước thời Hữu Thi là thời Hỗn Mang, chỉ có Hư Vô Chi Khí, không biết nguồn gốc, nên được gọi là Vô Thi.
- ◻ Siêu: vượt lên trên.
- ◻ Quần: nhiều người họp lại.
- ◻ Chơn: những vị tu hành đắc quả thành Tiên, Thánh, và được gọi là Chơn Nhơn.
- ◻ Thượng: ở trên.
- ◻ Siêu quần chơn chi thượng: vượt trội hơn các bậc Tiên Thánh.

Hai câu Kinh trên có thể hiểu là:

- Vào thời Vô Thi (trước khi có ngôi Thái Cực, tức là trước khi có Vũ Trụ), Đức Thái Thượng Đạo Quân đã có rồi nhưng còn tiềm ẩn trong Khí Tiên Thiên ở trạng thái vô vi.
- Vào thời Hữu Thi (sau khi đã có ngôi Thái Cực, tức là lúc Vũ Trụ đã hình thành), Đức Thái Thượng Đạo Quân là cao trội hơn tất cả các bậc Tiên Thánh.

**Tiên Thiên** là thời kỳ trước khi tạo dựng Trời Đất



(trước Tứ Tượng): Thời Vô thi.

**Hậu Thiên** là thời kỳ sau khi tạo dựng Trời Đất (sau Tứ Tượng): Thời Hữu thi.

(Có tài liệu giảng câu thứ nhất như sau: “Đạo Vô Vi ở trước ngôi Thái Cực”, có thể hiểu là: Đạo của Đức Thái Thượng Đạo Quân đã có trước khi Ngôi Thái Cực hình thành, nhưng còn tìm ẩn, chưa được triển khai ra?).

2. Hai câu kinh sau đây nói về Đạo Pháp cao siêu của Đức Thái Thượng Đạo Quân.

**ĐẠO CAO NHỨT KHÍ, DIỆU HÓA TAM THANH.**

**ĐỨC HOÁN HƯ LINH, PHÁP SIÊU QUẢN THÁNH.**

► **TỪ VỰNG**

- **Đạo:** Vào thời nguyên thủy, thuở chưa có Trời Đất nghĩa là chưa có Càn Khôn Vũ Trụ, trong khoảng không gian bao la có một chất khí mịt mịt mờ mờ rất linh thiêng và huyền diệu vô cùng, tồn tại không biết từ thời nào. Đạo Cao Đài gọi khí ấy là *Hư Vô Chi Khí*.
  - Lão Giáo gọi khí ấy là **Đạo**.
  - Nho Giáo gọi khí ấy là *Vô Cực*.
  - Phật Giáo gọi khí ấy là *Chơn Như*.
- **Đạo cao:** Đạo Pháp cao siêu.
- **Nhứt khí:** Khí Tiên Thiên, cũng gọi là Nguơn Khí, khí này rất huyền diệu.
- **Diệu hóa:** biến hóa một cách thần diệu.
- **Tam Thanh:** ba thứ cao quý, gồm Thái Thanh, Thượng Thanh và Ngọc Thanh. Đạo Cao Đài thường dùng *Tam Thanh* để đối với *Tam Giáo* (*Thích, Đạo, Nho*) và đối với *Tam Sắc* (*Vàng, Xanh, Đỏ*). Nên lá cờ của

Đạo Cao Đài được gọi là *Cờ Tam Thanh*, gồm 3 màu Vàng, Xanh, Đỏ.

- Đức: đức độ, công đức, thánh đức.
- Hoán: chiếu sáng rực rỡ.
- Hư Linh: cõi trời thiêng liêng huyền diệu.
- Pháp: phép tắc, phép thuật, cũng có thể hiểu là Đạo Pháp (*Chánh pháp của Đạo*).
- Siêu: vượt lên hơn hẳn.
- Quần Thánh: các bậc Thánh.

Hai câu Kinh trên có thể hiểu như sau:

- *Đạo cao cả vốn là khí Hư Vô, biến hóa thần diệu ra Tam Thanh, gồm ba ngôi là : Thái Thanh, Thượng Thanh và Ngọc Thanh.* (Sách có câu : *Tiên Thiên Hư Vô Hạo Nhiên chi Khí viết Đạo*).
- *Thánh Đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân chiếu sáng rực khắp các cõi Trời, và phép mầu của Đức Ngài vượt hơn hẳn của các bậc Thánh.*

Có thể hiểu câu thứ nhất như sau: Đạo Pháp của Đức Thái Thượng Đạo Quân rất cao siêu, Đức Ngài có thể lấy một Nguơn khí mà biến hóa huyền diệu ra ba cõi Thanh Thiên gồm: Thái Thanh Thiên, Thượng Thanh Thiên và Ngọc Thanh Thiên. (Sách có câu: “*Nhứt Khí hóa Tam Thanh*”). Câu kinh này nói lên tính chất vô cùng cao siêu của Đạo Pháp của Đức Ngài.

*Tìm hiểu từ Tam Thanh. Tam là ba, Thanh là cao quý.*

*Tam Thanh* là ba luồng điện quang (*vàng, xanh, đỏ*), ba làn thanh khí nuôi dưỡng vạn loại.

*Tam Thanh* là 3 ngôi, 3 cõi Trời: Ngọc Thiên Thanh,

Thượng Thiên Thanh, Thái Thiên Thanh.

**Tam Thanh** là 3 thứ cao quý, tượng trưng cho Tam Bửu Tinh Khí Thần của con người: Ngọc Thanh là *Tinh*, Thượng Thanh là *Khí*, Thái Thanh là *Thần*.

**Tam Thanh** là 3 vị do Đức Lão Tử dùng Nguyên Khí huyền diệu của Đức Ngài mà hóa ra, đó là Ngọc Thanh Đạo Nhơn, Thượng Thanh Đạo Nhơn, Thái Thanh Đạo Nhơn (*Theo truyện Phong Thần*).

3. **Hai câu kinh sau đây cho biết ngày 15-2 âm lịch là lần đầu tiên Đức Thái Thượng Đạo Quân đã huyền diệu chiết Chơn Linh giáng sanh xuống cõi trần là Đức Lão Tử.**

**NHỊ NGOẠT THẬP NGŨ, PHÂN TÁNH GIÁNG SANH.**

**NHỨT THÂN ỨC VẠN, DIỆU HUYỀN THẦN BIẾN.**

► TỪ VỰNG

- ◻ Nhị ngoạt thập ngũ: Rằm tháng hai âm lịch, ngoạt còn đọc là nguyệt.
- ◻ Tánh: Đức Chí Tôn dạy rằng **Tánh** là chơn tướng của Chơn thần, **Tâm** là chơn tướng của Chơn linh. **Tâm** tức Chơn linh là hình thể thứ nhì, **Tánh** tức Chơn thần là hình thể thứ nhì, *xác phàm* thứ chất là hình thể thứ ba. Có thể hiểu một cách đơn giản: **Tâm** là Chơn Linh, **Tánh** tức Chơn thần.

Đối với con người, **Tâm** và **Tánh** có chỗ khác nhau: **Tâm** thì ở bên trong, **Tánh** thì thể hiện bên ngoài. Nhưng đối với các **Đấng Tiên**, **Phật** thì **Tâm** và **Tánh** hiệp làm một, hiệp nhứt với Chơn Linh. Như vậy:

- ◻ Phân tánh giáng sinh: có nghĩa là chiết Chơn Linh

giáng sinh xuống cõi trần.

- ◻ Nhứt thân: một thân, ở đây được hiểu là một Đại Chơn Linh.
- ◻ Ức vạn: nhiều vô số (*ức=100 000, vạn=10 000*).
- ◻ Điều Huyền: mâu nhiệm.
- ◻ Thần biến: biến hóa vô cùng mâu nhiệm.

Hai câu Kinh trên cho biết:

- *Ngày rằm tháng hai, Đức Thái Thượng Đạo Quân chiết Chơn Linh giáng sanh xuống cõi trần là Đức Lão Tử để độ đời.*
- *Đức Thái Thượng Đạo Quân khi giáng sanh xuống cõi trần có thể dùng phép mâu nhiệm biến hóa thành muôn vàn (vô số) Nguyên Nhơn khác nhau.*

Ghi Chú: Đức Lão Tử (604? – 531 trước TL: theo từ điển The American Heritage...) giáng sinh trước Đức Khổng Tử, nhưng không rõ năm nào, tài liệu sử không thống nhất với nhau. Đức Khổng Tử (551 – 479 trước TL: theo từ điển Larousse) sanh sau Đức Lão Tử. Theo Sử Ký của Tư Mã Thiên thì Đức Khổng Tử có đến hỏi Đức Lão Tử về Lễ, điều này chứng tỏ Đức Khổng Tử và Đức Lão Tử có sống chung trong cùng một thời (*Hai vị gặp nhau vào khoảng 517? trước Tây Lịch*).

4. *Hai câu kinh sau đây cho thấy một trong nhiều trường hợp Đức Lão Tử truyền bá Đạo Tiên và ra tay độ đời.*

**TỬ KHÍ ĐÔNG LAI, QUẢNG TRUYỀN ĐẠO ĐỨC.**

**LƯU SA TÂY ĐỘ, PHÁP HÓA TƯỚNG TÔNG.**

▶ TỪ VỰNG

- ◻ Tử khí: làn khí màu đỏ tía trông giống như đám mây

màu đỏ tía hiện ra trên bầu trời.

- Đông lai: từ hướng Đông đến, ám chỉ từ thành Lạc Dương (là chỗ ở của Đức Lão Tử) sang ải Hàm Cốc.
- Quảng: rộng lớn.
- Quảng truyền: truyền bá rộng rãi.
- Đạo Đức: Đạo Đức Kinh.
- Lưu Sa: Lưu là chảy, Sa là cát, Lưu Sa là vùng sa mạc nhiều gió đưa cát lưu chuyển, ám chỉ miền sa mạc ở vùng biên giới phía Tây Trung Quốc.
- Tây Độ: qua Tây Vực độ người, Tây Vực chỉ tất cả các nước ở miền biên giới phía Tây Trung Quốc gồm Tây Tạng, Ấn Độ,....
- Pháp: giáo lý của một Tôn giáo.
- Hóa: biến thành.
- Tượng: hình tượng.
- Tông: còn đọc là tôn, là tôn giáo. Trước Nguyễn Triều vẫn đọc là *Tông*, sau vì kiêng tên húy đời vua Minh Mạng, mới đọc là *Tôn* (Theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh). Vua Thiệu Trị là *Miên Tông*, vua Tự Đức là *Dục Tông*.
- Tượng tông: nền tôn giáo có thể tượng.

Hai câu Kinh trên cho biết:

- *Làn khí màu đỏ tía (trông như đám mây màu đỏ tía) từ hướng Đông bay tới, rộng truyền sách Đạo Đức Kinh, ý nói : Đức Lão Tử từ hướng Đông đi tới và trao bộ sách Đạo Đức Kinh cho ông Doãn Hỷ tại ải Hàm Cốc.*
- *Sau đó, Đức Ngài qua vùng sa mạc Lưu Sa ở hướng Tây để giúp người đời, và Giáo Pháp của Đức Ngài (nhờ Đạo Đức Kinh) trở thành nền tảng của một Tôn*

*Giáo có thể tướng.*

Trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Lão Tử dùng Đạo Đức Kinh làm giáo lý căn bản cho Đạo Tiên. Nhờ đó mà Đạo Tiên được truyền bá rộng rãi đến ngày nay.

Ông Doãn Hỷ làm quan ở ải Hàm cốc, biết xem thiên văn. Ngày kia ông thấy một đám mây đỏ tía từ hướng Đông bay tới, biết rằng có Thánh Nhơn đến ải. Ông liền áo mào chỉnh tề ra ngoài ải mà nghinh đón. Chẳng bao lâu, tiểu đồng Từ Giáp đánh xe Thanh Ngưu đưa Đức Lão Tử đến trước ải. Ông Doãn Hỷ ra tiếp đón nồng hậu Đức Lão Tử vào ải. Sau đó Đức Lão Tử truyền bộ sách Đạo Đức Kinh cho ông Doãn Hỷ. Theo lời dặn của Đức Lão Tử, ông Doãn Hỷ tu đúng theo Đạo Đức Kinh và được đắc đạo thành Tiên.

Có người thắc mắc hỏi: Đức Lão Tử vào vùng sa mạc gió cát để truyền đạo cho ai? Đất nước Ấn Độ từ ngàn năm trước đã có nền văn hóa tiến bộ và là nơi khởi nguyên của Phật Giáo phổ truyền khắp thế giới. Vậy, câu này có thể hiểu thoát ý. Danh từ *Lưu Sa* chỉ miền gió cát là miền không yên ổn, phải chăng đó là một cách diễn tả *chốn hồng trần này*, vì trong Chinh Phụ Ngâm cũng có câu “*Chàng thì đi vào nơi gió cát*” ý nói người chiến sĩ đi vào nơi sa trường, chiến địa, đây nguy hiểm. Như vậy *Lưu Sa* có nghĩa là chốn hồng trần?

5. ***Là Đấng được hóa sinh ra trước loài người và muôn vật, Đức Thái Thượng Đạo Quân đã đào tạo nhiều môn đệ tiếp tay với Đức Ngài trong việc truyền bá Đạo Tiên.***

**SẢN TẤT VIÊN, PHƯƠNG SỐC CHI BỐI, ĐƠN TÍCH VI MANG.  
KHAI THIÊN ĐỊA, NHƠN VẬT CHI TIÊN, ĐẠO KINH HẠO KIẾP.**

▶ TỪ VỰNG

- ◻ Sản: sản xuất, sinh ra, đào tạo.
- ◻ Tất Viên: Tất là một loại cây mà nhựa dùng để chế sơn mài, Viên là vườn. Ông Trang Tử (369–288 trước TL) trước làm một vị quan trông coi một vườn cây sơn với chức Tất Viên Lại; Lại là một chức quan cấp thấp, do đó chữ Tất Viên ám chỉ Ông Trang Tử.
- ◻ Phương Sóc: tức là Đông Phương Sóc, một vị quan dưới triều nhà Hán, sau đi tu đắc đạo thành Tiên, giúp vua Hán Vũ Đế rước Phật Mẫu giáng trần ban 4 quả Đào Tiên như Lễ Khánh thọ của Nhà Vua vào một đêm Rằm Trung thu tại Hoa Điện.
- ◻ Chi: tiếng đậm.
- ◻ Bối: bọn, đám, nhóm.
- ◻ Đơn: phương thuốc quý, đây là phương thuốc chữa bệnh trầm luân của nhưn loại, là phép luyện đạo.
- ◻ Tích: phân tích, giải thích cho rõ ràng.
- ◻ Vi: rất nhỏ.
- ◻ Vi mang: nhỏ cực điểm không thể thấy được, mắt phàm không thấy được, trí phàm không hiểu được.
- ◻ Đơn tích vi mang: phép luyện đạo theo đó từng chi tiết nhỏ còn mập mờ đều được giải thích rõ.
- ◻ Khai Thiên Địa: khai mở ra Trời Đất, tạo nên Vũ Trụ.
- ◻ Nhơn vật chi tiên: có trước loài người và muôn vật.
- ◻ Đạo: Đạo Tiên.
- ◻ Kinh: trái qua.
- ◻ Hạo: nhiều.
- ◻ Kiếp: một đời người.

- Hạo kiếp: nhiều kiếp, ám chỉ một khoảng thời gian rất dài

Hai câu Kinh trên cho biết:

- Đức Lão Tử đào tạo ra những bậc am tường Đạo Tiên như các Ông Trang Tử và Đông Phương Sóc, và dạy việc tu luyện thích hợp với hoàn cảnh của con người, giúp am tường phương pháp tu luyện đến từng chi tiết để không bị lầm lạc.
- Trong buổi mở ra Trời Đất, Người và Vật, Đức Ngài có trước loài Người và muôn Vật; Đạo của Đức Ngài đã trải qua nhiều kiếp lâu đời.

Có tài liệu giảng câu thứ nhì như sau: “Đạo của Đức Ngài khai mở trước Trời Đất, Người và Vật, và đã trải qua lâu đời nhiều kiếp”.

Nhắc lại sự tích huyền thoại của ông Bàn Cổ: Xưa tại núi Côn Lôn bên Tàu, có một cục đá lớn, thọ khí âm dương rất lâu đời, đúng giờ Dần nổ ra một tiếng lớn, cục đá linh nứt ra, sản xuất ra một người đầu tiên của thế gian là ông Bàn Cổ, sau trở thành vị vua thứ nhất của Cửu Hoàng, hiệu là Thiên Hoàng, thủy tổ của loài người. Tiếp theo Thiên Hoàng là Địa Hoàng và Nhơn Hoàng là Tam Hoàng tức là 3 vị vua đầu tiên của nước Trung Hoa.

6. *Trời đất chuyển luân không ngừng thành ra có ngày đêm, và Đạo Pháp của Đức Ngài rất rộng lớn và đã có từ ngàn xưa.*

**CÀN KHÔN OÁT VẬN, NHỰT NGUYỆT CHI QUANG.**

**ĐẠO PHÁP BAO LA, CỬU HOÀNG TỈ TỐ.**

► TỪ VỰNG

- Càn Khôn: Càn là Trời, Khôn là Đất, Càn Khôn chỉ



toàn thể Vũ Trụ.

- Oát: chuyển xoay từ trong ra ngoài.
- Vân: xoay vân, dời đổi.
- Nhật Nguyệt: mặt trời, mặt trăng, cũng có nghĩa là Lưỡng Nghi, còn ám chỉ nguyên lý Âm Dương.
- Chi: tiếng đệm, cũng có nghĩa là của.
- Nhật Nguyệt chi quang: ánh sáng của mặt trời và mặt trăng (*soi sáng khắp nơi*).
- Cửu Hoàng: 9 vị vua đầu tiên khai hóa nhơn loại.
- Tỉ Tổ: cũng gọi là Thủy Tổ hay Thi Tổ, là ông tổ đầu tiên của nhơn loại.
- Cửu Hoàng Tỉ Tổ: hiểu thoát ý là ám chỉ thời gian vô tận.

Hai câu Kinh trên cho biết:

- *Trời Đất xoay vân, chuyển luân không ngừng, tạo nên ánh sáng của hai vầng Nhật Nguyệt, thành ra có ngày có đêm, âm dương đắp đổi.*
- *Đạo Pháp của Đức Thái Thượng Đạo Quân rộng lớn mênh mông như tấm lưới lớn bao trùm tất cả, Đức Ngài là Thủy Tổ của 9 vị vua khai hóa nhơn loại, và cũng là Thủy Tổ của loài người, ám chỉ : Đạo Pháp của Đức Thái Thượng Đạo Quân rất rộng lớn và có từ lúc xa xưa.*

Câu kinh này bổ nghĩa cho câu “*Khai Thiên Địa, nhơn vật chi tiên*”.

Cửu Hoàng gồm có:

- Tam Hoàng: Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Nhơn Hoàng.
- Tam Vương: Ngũ Long, Hữu Sào, Toại Nhân.
- Tam Đế: Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế.

7. *Khắp thế gian và vũ trụ đều xưng tụng ân lành và ngưỡng cầu ơn đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân.*

**ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI, DƯƠNG TỤNG TỪ ÂN.**

**VĨNH KIẾP QUẦN SANH, NGŨNG KỶ HUỆ ĐỨC.**

▶ **TỪ VỰNG**

- Thế Giới: hay Thế Giới là cõi có đời sống sắc tướng, còn luân hồi, khác với cõi “*Thiên Liêng Hằng Sống*”.
- Đại Thiên Thế Giới: hiểu thoát ý ám chỉ không gian vô tận, gồm luôn cả Tam Thiên Thế Giới.
- Dương: đưa lên cao cho mọi người thấy và biết.
- Tụng: khen ngợi.
- Dương tụng: khen ngợi, xưng tán tụng.
- Từ: lòng thương yêu chúng sanh.
- Ân: ơn huệ.
- Vĩnh: lâu dài, vĩnh cửu.
- Kiếp: một đời người.
- Vĩnh kiếp: muôn kiếp, vĩnh viễn, đời đời.
- Quần sanh: chúng sanh, gồm Vật chất, Thảo mộc, Côn trùng, Thú cầm, Nhơn loại.
- Ngũng: ngửa mặt nhìn lên mà cầu xin với lòng kính trọng và yêu mến.
- Kỷ: trợ ngữ dùng để nhấn mạnh ý của câu văn.
- Huệ: cái ơn làm cho người khác.
- Đức: đức độ, công đức, điều tốt lành.

Hai câu Kinh trên cho biết:

- *Tất cả thế giới trong bầu Vũ Trụ đâu đâu cũng đều ca tụng lòng từ bi và ơn huệ của Đức Ngài ban rải xuống cho chúng sanh.*

- *Muôn đời muôn kiếp, chúng sanh luôn luôn ngưỡng cầu ơn đức của Đức Ngài ban cho.*

### III.– PHẦN THỨ BA: ĐOẠN KẾT

*Năm câu sau cùng tạo thành Đoạn Kết của bài kinh, ý nói: Đức Thái Thượng Đạo Quân là Đấng vô cùng huyền diệu, là Đấng được tôn sùng tột bậc, là Ngôi Một trước khi có Vũ Trụ, là Giáo Chủ Đạo Tiên và là một Đấng Thiên Tôn.*

#### ĐẠI THẦN ĐẠI THÁNH, CHÍ CỤC CHÍ TÔN.

- *Vô cùng huyền diệu nhiệm mầu,*
- *Lớn hơn hết và được tôn kính hơn hết.*

*Hai câu Kinh này ý nói: Đức Thái Thượng Đạo Quân là Đấng vô cùng huyền diệu nhiệm mầu, là Đấng cao tột bậc và rất được kính trọng trên cõi thiêng liêng.*

#### TIÊN THIÊN CHÁNH NHỨT, THÁI THƯỢNG ĐẠO QUÂN,

- *Ngôi Một có trước khi Vũ Trụ hình thành.*
- *Đức Thái Thượng Đạo Quân.*

*Hai câu Kinh này ý nói: Vào thời Tiên Thiên (trước khi tạo dựng Trời Đất), Đức Thái Thượng Đạo Quân là Ngôi Một, là Đấng quan trọng bậc nhất.*

#### CHƯỜNG GIÁO THIÊN TÔN.

- *Là Giáo Chủ Đạo Tiên, và là một Đấng Thiên Tôn.*

#### ▶ TỪ VỰNG

- Đại Thần Đại Thánh: hiểu thoát ý là vô cùng huyền diệu nhiệm mầu.

- Chí cực: cao tột bậc.
- Chí tôn: được kính trọng nhưt.
- Chí cực chí tôn: lớn hơn hết và được tôn kính hơn hết.
- Tiên Thiên: thời kỳ trước khi Vũ Trụ hình thành, trước khi tạo dựng Trời Đất, tức là trước khi có Tứ Tượng, thời kỳ này còn ở trạng thái vô vi, vô hình ảnh.
- Chánh: Chủ yếu.
- Nhút: Chỉ có một.
- Chánh Nhút: Ngôi Một.
- Chưởng: cai quản.
- Chưởng Giáo: chưởng quản Đạo Tiên, tức là Giáo Chủ Đạo Tiên.
- Thiên Tôn: chức phẩm do Thượng Đế ban.

\* GHI NHỚ

Bài Kinh Tiên Giáo xưng tụng công đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân, nhưng có nhiều câu cho thấy giống với truyền thuyết của Đức Lão Tử. Đạo Cao Đài quan niệm Đức Thái Thượng Đạo Quân và Đức Lão Tử là một.

\* GHI CHÚ: Trong truyện Phong Thần:

- Xiển Giáo do Đức Nguơn Thủy làm giáo chủ,
- Triệt Giáo do Đức Thông Thiên làm giáo chủ.

Đức Thông Thiên Giáo Chủ lập ra trận Tru Tiên để đánh các Tiên Xiển Giáo. Trong trận này, Đức Thông Thiên giáo chủ bố trí phép thuật rất ác liệt và cao siêu làm cho các vị Tiên cấp thấp không thể phá được. Đức Lão Tử mới giúp Khương Tử Nha để phá trận này. Trận Tru Tiên có 4 cửa. Đức Lão Tử vào một cửa, và dùng Nguyên

Khí huyền diệu của Đức Ngài hóa ra Tam Thanh tức 3 Người nữa là *Ngọc Thanh Đạo Nhơn*, *Thượng Thanh Đạo Nhơn* và *Thái Thanh Đạo Nhơn*. Nhờ vậy mới thắng được Đức Thông Thiên Giáo Chủ.

## TAM GIÁO

### ❖ Kinh Phật Giáo

*Bài Kinh Phật Giáo xưng tụng công đức của Đức Nhiên Đăng Cổ Phật. Đức Ngài được hóa sinh ra vào thời kỳ hỗn độn sơ khai, nghĩa là thời kỳ sau khi xuất hiện Ngôi Thái Cực, trước khi tạo dựng Trời Đất.*

### ❖ Kinh Tiên Giáo

*Bài Kinh Tiên Giáo xưng tụng công đức của Đức Thái Thượng Đạo Quân và Đức Lão Tử. Đức Thái Thượng Đạo Quân được Khí Tiên Thiên hóa sanh ra, sau Đức Nhiên Đăng. Đức Ngài là vị Tiên đầu tiên trong CKVT. Đến thời Nhị Kỳ PĐ, Đức Ngài chiết Chơn Linh giáng sanh xuống cõi trần là Đức Lão Tử.*

### ❖ Kinh Nho Giáo

*Bài Kinh Nho Giáo xưng tụng công đức của Đức Văn Xương Đế Quân và Đức Khổng Thánh Tiên Sư. Đức Khổng Thánh giáng sanh vào năm 551 trước Tây Lịch, là “Văn Xương Tiên hạ trần đặng thừa mạng lệnh THẤY làm Chương Giáo Nhơn Đạo” trong thời Nhị Kỳ Phổ Độ.*

### ➔ TỤNG KINH TƯ THỜI

Ngày 26-6-Bính Dần (04-8-1926), Đức Chí Tôn

có dạy Ngày Đầu Sư Thái Thơ Thanh (Ngài Nguyễn Ngọc Thơ), như sau:

*“Thơ, con tụng Kinh Ngọc Hoàng thường ngày động đến tòa sen của Thầy à con!*

*Con lâu lâu tụng đặng cho nhớ và hiểu nghĩa,...”.*

■ *(Thánh Ngôn Sưu Tập, Q1, Bài 31 – HT. Hồng)*

## NHO GIÁO KINH



**B**ÀI KINH XỨNG TỤNG CÔNG ĐỨC CỦA ĐỨC VĂN XƯƠNG ĐẾ QUÂN VÀ ĐỨC KHỔNG THÁNH TIÊN Sư được gọi là bài Kinh Nho Giáo,...

Cũng như ở những bài Ngọc Hoàng Kinh, Phật Giáo Kinh và Tiên Giáo Kinh, để cho việc tìm hiểu được thêm phần thuận lợi, chúng tôi xin sắp xếp các câu kinh theo thể văn biên ngẫu, gồm từng cặp đối với nhau như hai con ngựa chạy song song.

**Quế hương nội điện,**

**Văn Thi thượng cung.**

Cửu thập ngũ hồi, chuông thiện quả ư thi thơ chi phổ.

Bá thiên vạn hóa, bồi quế thọ ư âm chất chi điền.

Tự lời trử bính, linh ư phụng lãnh,

Chí như ý từ, tường ư ngao trụ.

Khai nhơn tâm tất bốn ư đốc thân chi hiếu.

Thọ quốc mạch tất tiên ư trí chúa chi trung.

Ứng mộng bảo sanh,

Thùy từ mãn khổ.

Đại Nhơn, Đại Hiếu,

Đại Thánh, Đại Từ,

Thần Văn, Thánh Võ,

Hiếu Đức Trung Nhơn.

Vương Tân sách phụ,

Nho Tông khai hóa,  
Văn Tuyên Tư Lộc,  
Hoàng nhơn Đế quân,  
Trùng chơn Chánh quang,  
Bửu Quang tử tế Thiên Tôn.

### A.- TÌM HIỂU TỪNG CÂU

- **Quế hương nội điện:** Điện Quế Hương ở bên trong (bên trong Cung Văn Thi)
- **Văn Thi thượng cung:** Cung Văn Thi cao qui.
- **Cửu thập ngũ hồi, chuông thiên quả ư thi thơ chi phổ:** Chín mươi lăm lần luân hồi, gieo trái lành nơi vườn văn học.
- **Bá thiên vạn hóa, bồi quế thọ ư âm chất chi điền:** Trăm ngàn muôn lần hóa thân, vun bồi cây quế nơi ruộng âm chất.
- **Tự lôi trĩ bính, linh ư phụng lãnh:** Việc phát minh ra chữ viết như sấm vang lóe sáng, còn linh thiêng hơn đỉnh núi Phụng.
- **Chí như ý tử, tường ư ngao trụ:** Cũng như những tư tưởng uyên thâm và lời nói đạo đức còn vững vàng hơn những cây trụ bằng chân ngao.
- **Khai nhơn tâm tất bổn ư đốc thân chi hiếu:** Việc khai mở lòng người ắt hẳn ở nơi lòng hiếu thảo đối với cha mẹ.
- **Thọ quốc mạch tất tiên ư trí chúa chi trung:** Đã thọ hưởng lộc nước ơn dân thì việc trước hết tất là phải tận trung phò chúa.



- **Ứng mông bảo sanh, Thùy từ mãn khổ:** Có lòng nhưn từ thương dân khổn khổ, nên thường chiêm bao thấy được dạy cho những việc phải làm để bảo tồn sự sống cho dân.
- **Đại nhưn, Đại hiếu, Đại Thánh, Đại từ:** Lòng nhân ái mệnh mông, lòng hiếu thảo to lớn, bậc chí Thánh, đức từ bi bao la.
- **Thần văn, Thánh võ, Hiếu Đức Trung Nhưn:** Văn như Thần, võ như Thánh, có đủ 4 đức tánh: Hiếu, Đức, Trung, Nhưn.
- **Vương tân sách phụ, Nho Tông khai hóa:** Thượng khách nơi triều đình, giúp vua chúa lập kế hoạch về chánh sách trị nước an dân; mở mang Đạo Nho để giáo hóa nhưn sanh cho trở nên văn minh,
- **Văn Tuyên Tư Lộc:** Với tên thụy là Văn Tuyên, Đức Không Tử coi về việc ban phúc lộc,
- **Hoàng nhưn Đế quân:** Là vị Đế Quân có lòng nhưn đức bao la,
- **Trường chơn Chánh quang:** Trong sạch, chơn thật, ngay thẳng, sáng tỏ,
- **Bửu Quang từ tế Thiên Tôn:** Báu sáng khác thường, từ bi, hay giúp người, là một Đấng Thiên Tôn.

## B.- TÌM HIỂU Ý NGHĨA BÀI KINH

Nho Giáo còn được gọi là Thánh Giáo.

Thánh Giáo là tôn giáo dạy các tín đồ tu hành đặc đạo thành bậc Thánh. Nho Giáo và Thiên Chúa Giáo đều là Thánh Giáo.

Bài Kinh Nho Giáo còn được gọi là Kinh Thánh Giáo.

Do đó, khi cúng Tiểu Đàn hoặc Đại Đàn Đức Chí Tôn, trước khi Đồng Nhi tụng bài Kinh Nho Giáo, thì Lễ Sĩ xướng như sau: “*Thành kính tụng Thánh Giáo Tâm Kinh*”.

### **I.- PHẦN THỨ NHỨT: PHẦN MỞ ĐẦU**

**Bài kinh được khởi đầu bằng hai câu ngắn cho biết rằng: Có một Đấng Thiêng Liêng thường ngự nơi Điện Quế Hương ở trong Cung Văn Thi.**

**QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN,  
VĂN THÍ THƯỢNG CUNG.**

▪ *Nơi cõi thiêng liêng, Điện Quế Hương ở trong Cung Văn Thi cao quý là nơi thường ngự của một Đấng Thiêng Liêng.*

► **TỪ VỰNG**

- ◻ *Quế Hương*: là tên riêng của một điện nơi cõi thiêng liêng, có nghĩa là mùi thơm của cây quế.
- ◻ *Nội điện*: cung điện ở bên trong (*có tài liệu cho là ở trong điện*); theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh: *Nội cảnh* là cảnh ở bề trong, *Nội đình* là cung ở trong.

**Ghi Chú:**

- ◻ *Quốc nội*: ở trong nước (chữ *nội* đứng sau).
- ◻ *Nội điện*: điện ở bên trong (chữ *nội* đứng trước).
- ◻ *Nội nghi*: nghi ở bên trong (chữ *nội* đứng trước).
- ◻ *Ngoại nghi*: nghi ở bên ngoài (chữ *ngoại* đứng trước).

Cúng Đại Đàn, trước khi nhập Đàn, Lễ Sĩ xướng: “**Nội nghi Ngoại nghi** tựu vị”, khi ấy vị Chức Sắc chứng đàn vào đứng ở *Nghi bên trong* và một vị phẩm thấp hơn vào đứng ở *Nghi bên ngoài*.

- *Văn Thi*: là tên riêng của một cung nơi cõi thiêng liêng, Văn Thi hay Văn Thủy có nghĩa là đầu mối của văn chương, khởi đầu của văn học.
- *Thượng cung*: cung điện của bậc cao quý (có tài liệu cho là phía trên cung); cũng theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh thì: *Thượng điện* là đám ruộng tốt thứ nhất, *Thượng khách* là khách quý, *Thượng tân* cũng là khách quý, *Thượng nhân* là người thánh, tôn xưng các vị cao tăng.

Như vậy, có thể hiểu hai câu Kinh trên như sau:

*Điện Quế Hương ở bên trong cung Văn Thi là nơi thường ngự của một Đấng Thiêng Liêng cao quý.*

Cũng giống như *Điện Linh Tiêu* ở bên trong *Cung Ngọc Hư* là nơi Đức Chí Tôn họp Thiên Triều của Đức Ngài.

Đấng Thiêng Liêng nói trên là **Đức Văn Xương** hay **Đức Khổng Tử**. Đức Chí Tôn giảng cơ cho biết:

*“Đức Khổng Tử là Văn Xương Tiên giáng trần”.*

*Trọng Ni (tức Đức Khổng Tử) là Văn Xương Tiên hạ trần đặng thừa mạng linh THẤY làm Chuông Giáo Nhơn Đạo, lo xong phận sự thì THẤY đến độ hồi cựu vị.*

■ (Trích trong *Phổ Cáo Chúng Sanh*)

## **II.- PHẦN THỨ NHÌ: PHẦN TRỌNG TÂM**

Phần trọng tâm của bài Kinh dạy cho chúng ta biết rằng Đấng Thiêng Liêng nói trên đã có nhiều công lao trong việc dạy dỗ, mở trường khai hóa dân trí, đã nhiều kiếp giáo hóa cho con người nên danh phận. Tư tưởng và lời nói của Đức Ngài rất tốt đẹp và vững vàng,

cũng như việc chế tác ra chữ viết còn quan trọng hơn cả việc Thánh Nhơn xuất thế.

Đối với Đức Khổng Tử, việc giáo dục con người phải đặt căn bản trên lòng hiếu thảo với cha mẹ và lòng trung thành với vua chúa. Nhờ có lòng thương dân khốn khổ, nên Đức Khổng Tử thường được các Đấng Thiêng Liêng ứng mộng dạy cho những việc phải làm để bảo tồn sự sống cho dân. Đức Ngài đã từng được các vua chúa tham vấn về chánh sách trị nước an dân, và trông coi việc ban phước lộc cho thế gian về văn chương thi cử.

CỨU THẬP NGŨ HỒI, CHƯỞNG THIÊN QUẢ Ư THI THƠ CHI PHỐ.  
BÁ THIÊN VẠN HÓA, BỒI QUẾ THỌ Ư ÂM CHẤT CHI ĐIỀN.

► TỪ VỰNG

- ◻ Hồi: trở về, hiểu thoát ý là luân hồi: giáng sanh xuống cõi trần rồi trở về cõi thiêng liêng.
- ◻ Chường: gieo trồng.
- ◻ Thiên quả: trái lành, trái cây tốt, ngon ngọt.
- ◻ Ư: ở, ở chỗ ấy, ở lúc ấy.
- ◻ Thi: bài thơ, tức bài văn vần.
- ◻ Thơ: còn đọc là Thư, là kinh sách.
- ◻ Chi: tiếng đệm.
- ◻ Phố: vườn trồng cây ăn trái.
- ◻ Thi thơ chi phố: mảnh đất văn chương, mảnh vườn văn học, mảnh vườn thơ văn kinh sách.
- ◻ Bá: trăm.
- ◻ Thiên: ngàn.
- ◻ Vạn: muôn, mười ngàn.

- ◻ Bá thiên vạn: trăm ngàn muôn lần, hiểu thoát ý là rất nhiều lần.
- ◻ Hóa: hóa thân; các bậc chơn tu đặc đạo, sau khi đã thoát vòng luân hồi không muốn an hưởng cảnh nhàn nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, nên mở rộng lòng từ bi phân thân xuống thế gian để hóa độ chúng sanh, lập công bồi đức để tiến hóa đến vô cùng tận.
- ◻ Bồi: vun đất vào gốc.
- ◻ Quế: cây quế, một loại cây quý, vỏ cây có vị thơm ngọt và cay nồng, dùng làm thuốc và gia vị. Trong thi văn, người thi đậu được ví như vin cành quế đỏ. Người cao khiết có tài đức mà sống ẩn vật, xa lánh danh lợi thế gian, cũng được ví như cây quế. Ca dao có câu:  
*“Xin như cây quế giữa rừng,  
 Cay không ai biết, ngọt đừng ai hay”.*
- ◻ Thọ: còn đọc là Thụ, là cây cối. Cổ thụ là cây già sống lâu.
- ◻ Ư: ở, ở chỗ ấy, ở lúc ấy.
- ◻ Âm chất: việc làm phước âm thầm, không lộ ra cho người khác biết, không phô trương, cốt tạo phước đức nơi cõi thiêng liêng.
- ◻ Âm chất chi điền: ruộng âm chất. Việc làm âm chất được ví như ruộng phì nhiêu sinh sôi hoa màu phong phú. Làm âm chất chưa thấy kết quả trước mắt nhưng về lâu dài bản thân và con cháu cũng đều được hưởng quả lành. Càng gieo nhiều âm chất thì mảnh phước điển càng đậm bông trái cho kẻ gieo giống lành được thọ hưởng.

Hai câu Kinh trên có thể hiểu như sau:

- *Chín mươi lăm lần luân hồi, gieo trái lành nơi vườn*

văn học, ngụ ý : Khen ngợi công lao của Đức Khổng Tử đối với việc dạy dỗ, mở trường khai hóa dân trí.

- *Trăm ngàn muôn lần hóa thân, vun bồi cây quế nơi ruộng âm chất, ý nói : Đức Khổng Tử đã rất nhiều lần dày công giáo hóa như sanh cho nên danh phận (và sự thành đạt đó được đặt trên nền tảng nhân đức).*

**TỰ LÔI TRỮ BÌNH, LINH Ứ PHỤNG LÃNH.**

**CHÍ NHƯ Ý TỬ, TƯỜNG Ư NGAO TRỤ.**

► TỪ VỰNG

- ◻ Tự: chữ viết, ở đây là chữ Nho.
- ◻ Lôi: sấm, Trời gầm. *Thiên Lôi* là Thần sấm sét.
- ◻ Tứ lôi: tiếng sấm khi chữ viết được phát minh.
- ◻ Trữ: chứa.
- ◻ Bình: một can thuộc về hỏa, nên Bình chỉ ngọn lửa nghĩa là sự cháy sáng; một nghĩa khác là sự văn minh (*Thập Thiên Can* gồm có: Giáp, Ất, Bình, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý).
- ◻ Tứ lôi trữ bình: Việc phát minh ra chữ viết như sấm vang lóe sáng. Theo truyền thuyết, khi chữ viết (*chữ Nho*) được phát minh thì kinh thiên động địa, quỉ khóc thần sầu, sấm giăng mưa giáng. Văn tự như có chứa ngọn lửa để soi sáng và ghi chép những lời giáo huấn về đạo đức của Thánh Hiền. Ban đêm loài quỉ than khóc vì sợ có văn tự ghi chép Chơn Lý Đạo Đức, mọi người đều theo Chơn Đạo mà bỏ tà thuyết thì loài quỉ sẽ bị tiêu diệt. Do đó người xưa rất coi trọng chữ viết. Trong Kinh Sám Hối có câu:

*Thấy giấy chữ rớt rơi lượm lấy,  
Đốt ra tro bỏ chảy dòng sông.*

- Linh: linh thiêng.
- U: tiếng đệm, có nghĩa ở tại, ở đây có nghĩa là hơn.
- Phụng: chim *Phượng* là con trống, chim *Loan* là con mái. Chim *Phụng* có tánh linh, thời loạn lạc thì ẩn mình trong hang núi, khi sắp thái bình thì bay ra cất tiếng gáy báo hiệu có Thánh Nhân và Thánh Chúa ra đời cứu nước cứu dân.
- Lãnh: đỉnh núi cao.
- Phụng lãnh: núi có chim Phụng gáy, ý nói là núi linh.
- Chí như: đến như.
- Ý: tư tưởng.
- Từ: hiền lành, lòng thương yêu chúng sanh.
- Tường: tốt lành, may mắn. Ví dụ: Kiết tường.
- Ngao: loài rùa biển (*loại ba ba*) khổng lồ, theo truyền thuyết là có khả năng chống chọi cho đất khỏi bị sụp lở.
- Ngao trụ: cây cột bằng chân ngao.
- Núi Ngao Trụ: tên của năm hòn núi ngoài biển, thuộc Bắc Cầu Lư Châu, nơi chư Tiên ngự. Núi này không có chân, nhô lên hay hụp xuống tùy theo thủy triều. Chư Tiên sợ mối tai với Thượng Đế xin giữ núi cho chắc. Thượng Đế sai 15 con Cự Ngao thay phiên chống giữ cho núi đứng yên một chỗ trên mặt biển, do đó mới có tên là núi Ngao Trụ.

Hai câu Kinh trên có thể hiểu như sau:

- *Việc phát minh ra chữ viết như sấm vang lóe sáng, còn linh thiêng hơn đỉnh núi Phụng, là đỉnh núi Kỳ Sơn nơi chim phụng gáy báo tin có Thánh Nhơn ra đời lập thái bình thịnh trị.*
- *Cũng như những tư tưởng uyên thâm và lời nói đạo*

*Đức còn tốt đẹp và vững vàng hơn các cây trụ bằng chân ngao nâng đỡ núi Ngao Trụ cho đứng vững một chỗ ở ngoài biển.*

Sử sách cho biết:

– Lúc vua Nghiêu xuất thế, có chim Phụng Hoàng bay đến đậu nơi sân,

– Cuối đời vua Trụ nhà Thương, có chim Phụng gáy tại núi Kỳ Sơn ở xứ Tây Kỳ, ứng điềm Thánh Chúa Văn Vương, và Võ Vương thống nhất nước Tàu, mở ra nhà Châu, đem lại thái bình an lạc.

\* Câu thứ nhất ngụ ý so sánh việc phát minh ra chữ viết còn quan trọng hơn việc Thánh Nhơn xuất thế cứu đời. Thánh Nhơn không phải lúc nào và nơi nào cũng có, nên việc giáo hóa bị hạn chế bởi thời gian và không gian. Trong khi đó, nhờ có chữ viết mà kinh sách được ra đời, đạo lý có điều kiện truyền đạt rộng khắp vượt thời gian và không gian, việc giáo hóa vì thế mà được nối tiếp truyền lưu bất tận.

\* Câu thứ nhì ngụ ý so sánh tư tưởng uyên thâm và lời nói đạo đức của Đức Khổng Tử có thể giáo hóa đỡ nâng con người tốt đẹp và vững vàng hơn những cây trụ bằng chân ngao.

**KHAI NHƠN TÂM TẤT BỔN Ư ĐỐC THÂN CHI HIẾU.**

**THỌ QUỐC MẠCH TẤT TIÊN Ư TRÍ CHÚA CHI TRUNG..**

▶ TỪ VỰNG

- Khai: mở mang trí tuệ cho người.
- Nhơn tâm: lòng người, bản chất đạo đức của con người.
- Tất: ắt hẳn, phải là.



- Bổn: cái gốc, căn bản.
  - Ư: ở tại.
  - Đốc: rất, lắm.
  - Thân: gần gũi thương yêu, ám chỉ cha mẹ.
  - Chi: tiếng đậm.
  - Mạch: ống dẫn máu để đem dưỡng khí và các chất bổ dưỡng nuôi sống các tế bào trong cơ thể.
  - Quốc Mạch: mạch sống của một quốc gia, chỉ chung tất cả các sinh hoạt văn hóa, văn minh, truyền thống, gia sản vật chất và tinh thần. Đó là cái nguồn sinh lực nuôi dưỡng cho một đất nước trường tồn. Mỗi người dân trong nước được ví như một tế bào trong cơ thể. Gọi là quốc mạch là để so sánh với huyết mạch là dòng máu luân lưu nuôi sống các tế bào trong một cơ thể.
  - Thọ quốc mạch: thọ hưởng lộc nước ơn dân, ở đây coi chữ Thọ là động từ ‘verb’ vì trong câu *Khai nhưn tâm...* chữ *Khai* cũng là động từ; nếu coi chữ Thọ là tính từ ‘adjective’ thì sẽ hiểu ‘Thọ quốc mạch’ là sự trường tồn của quốc gia.
  - Tất: ắt hẳn, phải là.
  - Tiên: trước.
  - Trí: rất, lắm, hết mực.
  - Trí chúa chi trung: hết mực trung thành với vua chúa là những vị đại biểu cho quốc gia dưới thời quân chủ.
- Hai câu Kinh trên có thể hiểu như sau:
- *Việc khai mở lòng người ắt hẳn ở nơi lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, ý nói : Việc giáo dục đạo đức cho con người phải đặt trên căn bản là lòng kính hiếu với cha mẹ.*
  - *Đã thọ hưởng lộc nước ơn dân thì việc trước tiên tất*

*nhiên là phải tận trung phò chúa, trung thành với tổ quốc.*

Ghi Chú: Toàn bài kinh có hai câu trên làm nổi bật về tôn chỉ của Đạo Nho, và là một cặp đối rất chỉnh về hình thức lẫn nội dung:

– *Câu thứ nhứt nói về lòng chí hiếu (độc thân chí hiếu) là dạy cái đạo làm con trong một gia đình.*

– *Câu thứ nhì nói về lòng tận trung (trí chúa chí trung) là dạy cái đạo làm dân trong một quốc gia.*

Có đủ cả *hiếu lẫn trung* là vẹn toàn nghĩa vụ đối với gia đình và quốc gia, là chu toàn cái đạo làm người, hay Nhân Đạo của Nhà Nho.

Ngoài ra câu thứ 4 đã nói “*Bồi quế thọ ư âm chất chi điển*” là nhắm vào việc tu thân của cá nhân. Bài kinh diễn tả đủ ba phương diện *cá nhân, gia đình, quốc gia (xã hội)*. Đó chính là quan niệm *tu thân, tề gia, trị quốc* nơi sách Đại Học.

Có tài liệu cho rằng: “*Thọ quốc mạch*” là sự trường tồn của tổ quốc.

**Khai nhơn tâm:** khai mở lòng người. **Khai** là động từ.

**Thọ quốc mạch:** thọ hưởng lộc nước. **Thọ** là động từ.

**ỨNG MỘNG BẢO SANH,  
THÙY TỬ MẪN KHỔ.**

► TỪ VỰNG

- ◻ Ứng mộng: cho thấy trong giấc chiêm bao.
- ◻ Bảo sanh: bảo vệ sự sống.
- ◻ Thùy tử: có lòng thương yêu đối với kẻ dưới.

- ◻ Mãn: thương xót, lo lắng.
- ◻ Khổ: nổi khổ.

Có thể hiểu hai câu Kinh trên như sau:

- *Đức Khổng Tử có lòng nhơn từ thương dân khổ khổ, nên thường chiêm bao thấy ông Chu Công ứng mộng dạy cho những việc phải làm để bảo tồn sự sống cho dân.*

*Chu Công* là một vị Đại Hiền mà Đức Khổng Tử mơ ước nổi chí để tái lập trật tự xã hội cho dân chúng thoát khỏi điêu linh.

**ĐẠI NHƠN, ĐẠI HIẾU,  
ĐẠI THÁNH, ĐẠI TỪ,**

Xưng tụng đức độ cao tột của Đức Khổng Tử:

- *Lòng nhân ái mệnh mông, lòng hiếu thảo to lớn,*
- *Bách chí Thánh, đức từ bi bao la.*

**THẦN VĂN, THÁNH VÕ,  
HIẾU ĐỨC TRUNG NHƠN.**

Khen tặng Đức Khổng Tử có tài kiêm văn lẫn võ, văn võ song toàn, tài giỏi như Thần Thánh:

- *Văn chương tuyệt vời, hay như Thần, võ nghệ tuyệt giỏi, giỏi như Thánh.*
- *Có đủ 4 đức tánh : Hiếu, Đức, Trung, Nhơn.*

▶ **TỪ VỰNG**

- ◻ Đại: lớn, nhiều, chí. *Đại hiếu* là chí hiếu.
- ◻ Nhơn: lòng thương mến đối với chúng sanh.
- ◻ Hiếu: hết lòng thương yêu, phụng dưỡng và thờ phượng cha mẹ.
- ◻ Thánh: người hiểu thấu mọi việc, học thức và đạo đức rất cao thâm, ở đây có nghĩa là bậc Thánh (*tức*

*cao hơn bậc Thần).*

- Tử: lòng thương yêu bao la đối với kẻ dưới.
- Thần văn: văn chương như Thần.
- Thánh võ: võ nghệ như Thánh.
- Hiếu Đức Trung Nhơn: bốn đức tánh cao quý của con người.

**VƯƠNG TÂN SÁCH PHỤ,  
NHO TÔNG KHAI HÓA,**

- Đức Khổng Tử đã từng là thượng khách của các vị vua chúa và được các vua chúa tham vấn về chính sách trị nước an dân.
- Đức Ngài dùng tôn chỉ của Đạo Nho để giáo hóa nhơn sanh, làm cho quốc gia trở nên văn minh (Có thể hiểu : Mở ra đạo Nho để giáo hóa nhơn sanh cho trở nên văn minh).

▶ TỪ VỰNG

- Vương: thuộc về vua chúa.
- Tân: khách.
- Vương tân: khách của vua chúa.
- Sách: kế hoạch, chiến lược.
- Phụ: giúp đỡ.
- Sách phụ: giúp cho kế hoạch trị nước an dân.
- Nho Tông: Nho Giáo, hay tôn chỉ của Đạo Nho. Tông hay Tôn cũng cùng một chữ Hán Việt mà ra.
- Khai hóa: mở mang ra làm cho trở nên văn minh.

**VĂN TUYÊN TƯ LỘC,**

- Với tên thụy là Văn Tuyên, Đức Khổng Tử trông coi việc ban phước lộc cho thế gian về văn chương thi cử và

*phẩm tước nơi quan trường,*

▶ **TỪ VỰNG**

- ◻ Văn Tuyên: là một trong những tên thụy do các vua đời sau truy tặng cho Đức Khổng Tử. Tên thụy là tên đặt cho người đã chết, dựa theo phẩm chất lúc còn sanh tiền.
- ◻ Tứ Lộc: lo việc ban phước lộc cho thế gian về văn chương thi cử và phẩm tước nơi quan trường.

**III.- PHẦN THỨ BA: ĐOẠN KẾT**

**Phần cuối của bài kinh có ý tán tụng đức độ cao tột của Đức Khổng Tử. Là một vị Thiên Tôn với lòng thương yêu và giúp đỡ nhơn sanh, Đức Ngài đã dùng tôn chỉ của Nho Giáo để làm cho nước nhà được văn minh.**

**HOÀNG NHƠN ĐẾ QUÂN,**

- *Đức Khổng Tử là vị Đế Quân có lòng nhơn đức bao la,*

▶ **TỪ VỰNG**

- ◻ Hoàng: to lớn (*Vi dụ: hoàng khai*).
- ◻ Nhơn: lòng thương mến đối với chúng sanh.
- ◻ Đế Quân: phẩm tước cao trọng nơi cõi thiêng liêng do Đức Chí Tôn phong thưởng.

**TRƯỜNG CHƠN CHÁNH QUANG,**

**BỬU QUANG TỬ TẾ THIÊN TÔN.**

Tán tụng những đức tánh của Đức Khổng Tử:

- *Là một Đấng Thiên Tôn với lòng thương yêu và hay giúp đỡ người đời, Đức Khổng Tử có những đức tánh như : trong sạch, chơn thật, ngay thẳng, ngời sáng, và*

*sáng báu khác thường.*

▶ TỪ VỰNG

- Trùng: trong sạch.
- Chơn: chơn thật.
- Chánh: ngay thẳng.
- Quang: sáng ngời.
- Bửu quang: ánh sáng quý báu khác thường.
- Tử tế: có lòng từ bi và hay cứu giúp người.
- Thiên Tôn: chúc phẩm do Thượng Đế ban cho.

—————  
Bài Đọc Thêm

**ĐỨC VĂN XƯƠNG ĐỂ QUÂN**  
và Kinh Nho Giáo

Chúng tôi đã đọc qua ít nhất là 4 tài liệu theo đó thì bài *Kinh Nho Giáo* không những chỉ xưng tụng công đức của *Đức Khổng Thánh* mà trước hết là xưng tụng công đức của *Đức Văn Xương Để Quân*, cũng như bài Kinh Tiên Giáo xưng tụng công đức của *Đức Thái Thượng Đạo Tổ* và *Đức Lão Tử*. Hiểu như thế, chúng tôi thấy có phần hợp lý hơn khi tìm hiểu về cách thờ và việc đọc kinh. Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chúng ta thờ Tam Giáo, Tam Trấn và Ngũ Chi.

\* Khi đọc kinh thì chúng ta xưng tụng công đức các Đấng trong Tam Giáo thuộc *Nhứt Kỳ Phổ Độ*, vì việc xưng tụng phải đạt ý nghĩa cao siêu hơn:

- Phật giáo: Xưng tụng Đức Nhiên Đăng Cổ Phật.
- Tiên Giáo: Xưng tụng Đức Thái Thượng Đạo Tổ.

- Nho Giáo: Xưng tụng Đức Văn Xương Đế Quân.

Trong tạp chí Đại Đồng số 16, ra ngày 1 tháng 7 năm 1940, Ngài *Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu* có viết như sau: “*Thú thật, trong buổi đầu tiên, chúng tôi đốt Đạo, ông Lê (tức Ngài Lê Văn Lịch: Đẩu Sư Ngọc Lịch Nguyệt) bảo sao hay vậy, chớ đâu dè bài Nho Giáo ‘Quế Hương nội điện...’ không phải bài xưng tụng Đức Khổng Thánh mà là bài xưng tụng Đức Văn Xương Đế Quân kia mà”.*

\* Trên Thiên Bàn, chúng ta thờ các Đấng trong Tam Giáo thuộc Nhị Kỳ Phổ Độ. Vì việc thờ phượng chủ yếu chú trọng về hình tướng, nên chúng ta thờ các Đấng đã từng hiện thân hành đạo ở thế gian trong thời gian tương đối gần với chúng ta hơn:

- Phật Giáo: Thờ Đức Thích Ca Như Lai.
- Tiên Giáo: Thờ Đức Lão Tử.
- Nho Giáo: Thờ Đức Khổng Tử.

*Khi chúng ta hành đạo, Đức Chí Tôn giao nhiệm vụ cầm quyền Đại Đạo cho các Đấng trong Tam Giáo thuộc Tam Kỳ Phổ Độ, gọi là Tam Trấn Oai Nghiêm:*

- Tiên Giáo: Đức Lý Đại Tiên Trưởng, là Nhứt Trấn Oai Nghiêm,
- Phật Giáo: Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, là Nhị Trấn Oai Nghiêm,
- Nho Giáo: Đức Quan Thánh Đế Quân, là Tam Trấn Oai Nghiêm.

► GHI CHÚ:

\* Trong Bộ Thánh Ngôn Sưu Tập (*Bộ Mới có bổ sung*) do Hiền tài Nguyễn Văn Hồng sưu tầm (*Q1, trg48, bài 21*), có ghi:

Đức Chí Tôn giảng cơ cho biết:

“Đức Khổng Tử là Văn Xương Tiên giảng trần”.

*Trọng Ni (tức Đức Khổng Tử) là Văn Xương Tiên hạ trần đặng thừa mạng lệnh THẤY làm Chuông Giáo Nhơn Đạo, lo xong phận sự thì THẤY đến độ hồi cội vị.*

■ (Trích trong Phổ Cáo Chúng Sanh)

\* Theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh:

– Văn Xương là tên một vị thần chủ việc văn chương, cũng gọi là Văn Xương Đế Quân.

\* Theo tài liệu tra cứu của Đạo Trưởng Thiện Trung:

– Văn Xương là tên của một chòm sao gồm 6 ngôi, thuộc về chòm Đại Hùng Tinh (*Grand Ours*) được tin tưởng là nơi ngự của Đức Văn Xương Đế Quân, vị thần coi về văn học.

– Kinh Minh Thánh chép:

*Tác văn chế ngự tự Văn Xương Tinh,  
Hưng binh bố trận, Vũ Khúc Tinh.*

*Tạm dịch:*

Sao Văn Xương coi về chế tác văn chương chữ nghĩa,

Sao Vũ Khúc coi về việc bài binh bố trận.





## Ý Nghĩa Các Bài DÂNG TAM BỮU



**T**RONG QUYỂN LỜI THUYẾT ĐẠO, ĐỨC HỘ PHÁP CÓ DẠY NHƯ SAU:

*“Trong một thời cúng, Bản Đạo đã căn dặn nhiều phen, trọng hệ hơn hết là khi dâng Tam Bữu. Dầu tinh thần suốt buổi cúng có nhiều lúc lo ra đi nữa, đến khi dâng Tam Bữu, khuyến cả thầy định thần mật niệm dâng Ba Bữu trọng hệ cho CHỈ TÔN, tức là giúp Bản Đạo hành pháp dễ dàng một chút đỡ”*

■ (trang 23, năm Mậu Tý 1948).

### 1.- PHÂN MỞ ĐẦU

#### 1.- NGUỒN GỐC BA BÀI DÂNG TAM BỮU

Đầu năm Bính Dần (1926), tức là trước ngày Khai Đạo 15-10 Bính Dần (19-11-1926), Quan Phủ Ngô Văn Chiêu có chỉ cho các Ngài Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư cách thờ Thiên Nhân, và trao cho ba Vị ba bài kinh Dâng Tam Bữu (*Hoa, Rượu, Trà*) để cúng Đức Chí Tôn. Sau đó vài tháng, đến ngày 14-3 Bính Dần (24-4-1926), Quan Phủ Ngô Văn Chiêu tách riêng ra để lo về tịnh luyện, nhưng ba bài Dâng Tam Bữu của Ngài đưa qua vẫn được tiếp tục dùng để cúng Đức Chí Tôn. Đến đầu năm Kỷ Tỵ (1929), Đức Hộ Pháp có xin Bát Nương ban cho ba bài Dâng Tam Bữu khác để thế cho ba bài cũ của Ngài Ngô Văn Chiêu, nhưng Bát Nương trả

lời là nên để cho Hội Thánh đặt ra dâng dâng Tam Bữu cho Chí Tôn thì mới hợp lẽ. Do vậy, Đức Hộ Pháp mới chỉ định cho Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diệu viết ra, rồi dâng lên nhờ Bát Nương chỉnh văn lại, xong mới đưa qua cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật bên Cửu Trùng Đài để xem xét và ban hành.

Qua ngày 17-6 Canh Ngọ (12-7-1930), Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật cho ban hành quyển “*Nghi Tiết Đại Đàn Tiểu Đàn tại Tòa Thánh và Thánh Thất các nơi*” trong đó có ban hành ba bài Dâng Tam Bữu mới mà toàn Đạo đang sử dụng hiện nay.

## 2.- SƠ LƯỢC VỀ TAM THỂ XÁC THÂN

Trước khi tìm hiểu về ý nghĩa của ba bài Dâng Tam Bữu, chúng tôi xin nhắc qua khái niệm về *Tam Thể Xác Thân*, vì khái niệm này có liên quan mật thiết đến ba bài Dâng Tam Bữu. Theo giáo lý Cao Đài, mỗi người trong chúng ta sống nơi cõi phàm trần này đều có 3 thể xác thân:

- **Đệ Nhất Xác Thân** là xác thân phàm trần, do Cha Mẹ phàm trần ban cho, hữu hình và hữu sanh hữu tử, thường được gọi là *Phàm thân*, hình thể, thể xác, *Mảnh hình hài*,...
- **Đệ Nhị Xác Thân** còn gọi là **Chơn Thân**, là xác thân thiêng liêng do Bà Mẹ thiêng liêng là *Đức Phật Mẫu* ban cho, bằng khí chất, bán hữu hình và bất tiêu bất diệt (gọi là bán hữu hình vì có khi thấy được, có khi không thấy được). Chơn Thân bao bọc lấy xác phàm và liên lạc với xác phàm nhờ bởi 7 dây từ khí gọi là 7 dây oan nghiệt. Chơn Thân bảo tồn sự sống cho xác phàm, là chủ của thất tình lục dục và có nhiệm vụ

gìn giữ xác phàm cho trọn bước trên đường tiến hóa.

- **Đệ Tam Xác Thân** còn gọi là **Chơn Linh** hay **Linh Hồn**, do Đức Chí Tôn ban cho, vô hình và bất tiêu bất diệt. Chơn Linh ở trong Chơn Thần, ngự tại tim của xác phàm. Chơn Linh điều khiển xác phàm qua trung gian của Chơn Thần, như người đánh xe điều khiển con ngựa qua trung gian của đồ bắc kè.

### 3.- CÁCH CẦU NGUYỆN KHI DÂNG TAM BỮU

Dâng Tam Bữu là dâng 3 món quý báu của mình cho Đức Chí Tôn, đó là:

#### Tinh, Khí, Thần

- **Tinh là Thể Xác, là mảnh hình hài, được tượng trưng bằng Hoa, vì Đức Chí Tôn muốn cho thể xác của con cái Đức Chí Tôn được xin đẹp và tươi thắm như “Năm Sắc Hoa tươi”.**
- **Khí là Chơn Thần, là xác thân thiêng liêng, được tượng trưng bằng Rượu, vì Đức Chí Tôn muốn cho Chơn Thần của con cái Đức Chí Tôn được tinh khiết và tráng kiện như rượu mạnh.**
- **Thần là Linh Hồn, là Chơn Linh, được tượng trưng bằng Trà, vì Đức Chí Tôn muốn cho Linh Hồn của con cái Đức Chí Tôn được điều hòa và thơm tho như hương vị của Trà.**
- Dâng Hoa tượng trưng cho dâng **Thể xác**, tức là **Tinh**.
- Dâng Rượu tượng trưng cho dâng **Chơn thần**, là **Khí**.
- Dâng Trà tượng trưng cho dâng **Linh hồn**, tức là **Thần**.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển I, trang 44, Đức Chí Tôn có dạy:

“*Còn Cổ lễ cúng thì:*

- *Rượu là KHÍ*
- *Bông là TINH*
- *Trà là THẦN*”

Trong quyển *Bí Pháp* (Bản do Tộc Đạo Westminster in lại), nơi trang 89–90, Đức Hộ Pháp có dạy như sau:

- **Hễ đưa Bông** lên là dâng *Hình thể* ta đó, ta cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn : “*Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng*”.
- **Khi dâng Rượu** thì cầu nguyện : “*Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng*”.
- **Khi dâng Trà** thì cầu nguyện : “*Con xin dâng cả Linh hồn con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng*”.

Xong niệm tiếp: “*Cả Linh hồn, cả Trí Não, cả Hình Hài con, Thấy đào tạo, đó là của Thấy thì do nơi quyền hành độc đoán của Thấy định*”.

Tóm lại, Tam Bửu (còn gọi là Tam Bảo) là 3 món quý báu.

- Tam Bửu của Đức Chí Tôn là: Phật, Pháp, Tăng.
- Trời có Tam Bửu là: Nhứt, Nguyệt, Tinh. Đức Chí Tôn dùng 3 từ *Nhứt, Nguyệt, Tinh* làm thánh danh cho chư vị Đầu Sư đầu tiên của Đạo Cao Đài là: Thượng Trung *Nhứt*, Ngọc Lịch *Nguyệt*, Thái Minh *Tinh* và Thái Nương *Tinh*.
- Đất có Tam Bửu là: Phong, Hỏa, Thủy.
- Người có Tam Bửu là: Tinh, Khí, Thần. Nhờ có Tinh, Khí, Thần, mà con người có thể luyện đạo để

trở thành Tiên, Phật, đắc đạo tại thế, nhưng đó không phải là mục tiêu chánh của người tín đồ Cao Đài, vì chủ trương chánh của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là *phổ độ*, chớ không phải là *tu luyện*.

► GHI CHÚ:

Ngày thường, cúng Thời chỉ dâng có một Bữa (*hoặc Rượu, hoặc Trà*), như vậy dâng Bữa nào thì ta nguyện theo Bữa nấy:

- **Cúng Thời 12 giờ** (*trưa và khuya*) : khi dứt bài Dâng Rượu, mình cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn : ***“Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”***.
- **Cúng Thời 6 giờ** (*sáng và chiều*): khi dứt bài Dâng Trà, mình cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn : ***“Con xin dâng cả Linh hồn của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”***. Đó là lời dạy của Đức Hộ Pháp trong quyển Bí Pháp, nơi trang 68: *“Đức Chí Tôn biểu chúng ta mỗi ngày phải dâng ba món ấy : ba món trọng hệ hơn hết là Tinh, Khí, Thần. Thường ngày chúng ta chỉ lấy Khí, Thần dâng mà thôi, còn Tinh thì Tiểu Đàn hay Đại Đàn mới có”*).

## 2.- BÀI DÂNG HOA

Bài Dâng Hoa gồm có 4 câu, thài theo giọng Đảo Ngũ Cung, như sau:

*Từ Bi giá ngự rạng môn thiên,  
Đệ tử mừng nay hữu huệ duyên.  
Năm sắc hoa tươi xin kính lễ,  
Cúi mong Thượng Đế rưới ân Thiên.*

- Câu 1: Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng làm trần tủa hào quang chiếu sáng rực cả nơi điện thờ (Đền Thánh hoặc Thánh Thất),
- Câu 2: Chúng con là Đệ tử của Thầy, ngày nay vui mừng khôn xiết có được cái duyên thọ hưởng ơn huệ của Thầy ban cho.
- Câu 3: Xin kính dâng Năm Sắc Hoa tươi lên Thầy để kính lễ và tỏ lòng kính trọng,
- Câu 4: Chúng con cúi lạy Thầy, và kính mong Thầy chan rưới Hồng Ân.

▶ TỪ VỰNG

- ◻ Từ Bi: Đấng Từ Bi tức là Đức Chí Tôn.
- ◻ Giá ngư: ý nói Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng làm trần.
- ◻ Rạng: làm cho sáng rõ.
- ◻ Thiên môn: cửa chùa, ở đây Môn thiên chỉ nơi thờ phượng Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng, tức là Đền Thánh, Thánh Thất, Điện thờ hoặc Thiên Bàn ở tư gia.
- ◻ Đệ tử: học trò, môn đệ. Đức Chí Tôn xưng là Thầy, gọi tín đồ Cao Đài là đệ tử.
- ◻ Hữu huệ duyên: có được cái duyên hưởng ơn huệ của Đức Chí Tôn.
- ◻ Rưới ân Thiên: ban bố ơn lành của Trời.
- ◻ Năm sắc: gồm có: vàng, đỏ, xanh, trắng, đen; hoa màu đen khó tìm, nên có thể thay thế bằng màu tím sậm hoặc đỏ sậm. Năm sắc hoa tượng trưng cho ngũ tạng và ngũ quan của con người, tương ứng với ngũ hành, ngũ phương trong trời đất.

<b>Ngũ sắc</b>	Trắng	Xanh	Đen	Đỏ	Vàng
<b>Ngũ hành</b>	Kim	Mộc	Thủy	Hỏa	Thổ
<b>Ngũ phương</b>	Tây	Đông	Bắc	Nam	Trung ương
<b>Ngũ tạng</b>	Phổi	Gan	Thận	Tim	Dạ dày
<b>Ngũ quan</b>	Mũi	Mắt	Tai	Lưỡi	Miệng

Ghi Chú: Khi cúng Phật Mẫu thì đổi chữ “*Thượng Đế*” thành chữ “*Phật Mẫu*”, và câu 4 trở thành: *Cúi mong Phật Mẫu rưới ân Thiên.*

### 3.- BÀI DÂNG RƯỢU

Bài Dâng Rượu gồm có 4 câu, thài theo giọng Đảo Ngũ Cung, như sau:

*Thiên ân huệ chiếu giáng thiên minh,  
Thành kính trường xuân chúc tửu quỳnh.  
Lạc hứng **khẩu cung** giai miễn lễ,  
Thoát tai bá tánh **ngưỡng ân sinh.***

- **Câu 1:** *Ơn huệ của Đức Chí Tôn ban xuống điện thờ (Đền Thánh hoặc Thánh Thất), với nhiều hào quang rực rỡ,*
- **Câu 2:** *Xin rót ly rượu quý để dâng lên Thầy với tất cả lòng thành kính.*
- **Câu 3:** *Lòng hân hoan phấn chấn, tất cả môn đệ chúng con đồng kính cẩn khếp mình gắng sức làm lễ,*
- **Câu 4:** *Cầu xin Thầy phù hộ cho nhơn sanh được tai qua nạn khỏi và được hưởng ân huệ sống còn.*

▶ **TỪ VỰNG**

*Thiên ân:* ơn Trời.

- Huê: cái ơn làm cho người khác, cũng có nghĩa là sự sáng suốt của trí não, sự thông thái.
- Chiếu: sự soi sáng, gia ơn chiếu cố.
- Giáng: từ trên Trời xuống.
- Thiên: nơi yên lặng, chỉ nơi thờ phượng.
- Minh: sáng sửa, trong sáng.
- Trường xuân: mùa xuân trường cửu, *trường xuân tửu* là một loại rượu quý.
- Chước: rót ra, chước tửu là rót rượu.
- Quynh: một loại ngọc quý màu đỏ, thường được các vua chúa cho làm chung uống rượu, có khả năng làm tăng thêm mùi vị thơm ngon của rượu.
- Tửu quynh: có nghĩa như *quynh tương* là rượu ngon hảo hạng.
- Lạc Hứng: Lạc và Hứng đều có nghĩa vui vẻ phấn chấn.
- Khấu: cúi đầu xuống lạy.
- Cung: cung kính, kính cẩn.
- Giai: đều cả, tất cả cùng làm.
- Miễn: gắng sức.
- Lễ: lạy để tỏ lòng kính trọng.
- Thoát: tránh khỏi.
- Tai: tai họa, tai ương, điều hại lớn xảy tới.
- Bá: còn đọc là *Bách*, có nghĩa là một trăm.
- Bá tánh: trăm họ, chỉ toàn thể nhân sanh.
- Ngưỡng ân sinh: mong ơn của Đức Chí Tôn để được bảo toàn sự sống.



#### 4.- BÀI DÂNG TRÀ

Bài Dâng Trà gồm có 4 câu, thài theo giọng Đảo Ngũ Cung như sau:

*Mai xuân nguyệt cúc vị trà hương,  
Kính lễ thành tâm hiến bửu tương.  
Ngưỡng vọng Từ Bi gia tế phước,  
Khai minh Đại Đạo hộ thanh bường.*

- Câu 1 và 2: Với tấm lòng thành kính, chúng con xin kính dâng lễ vật là chung trà quý với mùi vị thơm ngon của hoa mai mùa xuân và hoa cúc mùa thu.
- Câu 3 và 4: Chúng con kính trông mong Thầy trợ giúp thêm và ban thêm phước lành, cũng như làm cho người đời hiểu rõ nền Đại Đạo để gìn giữ thái bình an lạc cho nhơn sanh.

Dâng Bông: 1 lạy, mỗi lạy 4 gật.

Dâng Rượu: 1 lạy, mỗi lạy 4 gật.

Dâng Trà: 1 lạy, mỗi lạy 4 gật.

Cộng chung là 3 lạy, 12 gật, thay thế cho 12 lạy. Con số 12 là con số của Đức Chí Tôn. “Thập nhị Khai Thiên là Thầy, Chúa cả Càn Khôn Thế Giới; năm trọn thập nhị Thời Thân vào tay. Số 12 là số riêng của Thầy” (TNHT, quyển I, trang 11). Câu Niệm Danh Thầy cũng gồm có 12 từ.

##### ▶ TỪ VỰNG

- Mai xuân: hoa mai vào mùa xuân.
- Nguyệt: trăng, mặt trăng, một tháng.
- Cúc: hoa cúc, một thứ hoa nở về mùa thu.
- Nguyệt cúc: Hoa cúc vào mùa Thu (Theo Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh thì: *Cúc nguyệt* là tháng

8 âm lịch, là tháng hoa cúc nở, mà tháng 8 âm lịch thì thuộc về mùa thu, vậy *Nguyệt cúc* có nghĩa là hoa cúc mùa Thu). Hoa mai lúc nào cũng nở vào mùa xuân, mùa đẹp để vui tươi trong sáng, hoa cúc lúc nào cũng nở vào mùa thu, mùa dịu hiền mát mẻ nên thơ. Dâng một chung trà Mai Cúc lên Chí Tôn thì không gì quý báu bằng.

- ◻ *Vị trà hương*: vị của trà có mùi thơm.
- ◻ *Hiển*: dâng phẩm vật lên người trên.
- ◻ *Bửu tương*: Bửu là quý báu, Tương là chất lỏng, Bửu Tương là chất lỏng quý, ở đây chỉ nước trà quý.
- ◻ *Ngưỡng vọng*: kẻ dưới mong chờ ở người trên một cách thành kính.
- ◻ *Từ Bi*: Đấng Từ Bi tức là Đức Chí Tôn.
- ◻ *Gia*: thêm lên, tăng thêm.
- ◻ *Tế*: giúp đỡ, trợ giúp, cứu vớt.
- ◻ *Phước*: điều phúc, điều tốt lành.
- ◻ *Tế Phước*: giúp cho đều tốt, điều may mắn.
- ◻ *Khai minh*: mở ra cho sáng, làm cho biết và hiểu rõ hơn.
- ◻ *Đại Đạo*: chữ nói tắt của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
- ◻ *Hộ*: bảo bọc, gìn giữ.
- ◻ *Thanh bường* là *Thanh bình*: sự yên lành, an ổn.

### 5.- Ý NGHĨA CÁC BÀI DÂNG TAM BỬU

Dâng *Hoa*, dâng *Rượu* và dâng *Trà* là một hình thức kính lễ tượng trưng cho nghi tiết về phần hữu vi, để tỏ lòng thành kính với Đức Chí Tôn. Quan trọng là về phần tinh thần, phần vô vi. Về phần vô vi thì:

☞ **Dâng Hoa** là tượng trưng cho dâng **Thế xác** của mình cho Đức Chí Tôn. Theo lời dạy của Đức Hộ Pháp thì khi dứt bài thài Dâng Hoa, mình cúi đầu cầu nguyện : **“Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”**. Mình dâng mảnh hình hài của mình cho Chí Tôn thì nó không còn là của mình nữa; nó đã được Chí Tôn đào tạo thì nay **“do quyền hành độc đoán của Chí Tôn định”**. Mình dâng mảnh hình hài của mình cho Chí Tôn là dâng luôn cả tiền căn nghiệt chướng của mảnh hình hài từ nhiều kiếp trước, nguyện lấy âm đức kiếp này mà lập công chuộc tội. Kinh Tang Lễ có câu **“Ơn Tạo hóa tha tiền khiên trước”**. Nếu được Chí Tôn chấp nhận từ lòng thành kính của mình, thì mình đã đạt được **ơ giải thoát** như Đức Hộ Pháp đã dạy trong Quyển Bí Pháp. Do đó, những bài Dâng Tam Bữu là rất quan trọng trong thời cúng. Muốn được Chí Tôn chấp nhận, chúng mình phải làm sao cho xứng đáng, thí dụ như sử dụng mảnh hình hài mình để hoàn thành hai câu nguyện đầu là : **Nhứt nguyện Đại Đạo hoàng khai, Nhì nguyện phổ độ chúng sanh**. Vậy chúng ta phải thường xuyên kiểm điểm lại coi mình đã làm được những gì để góp phần vào công việc hoàng khai Đại Đạo và phổ độ chúng sanh. Việc dùng Hoa để tượng trưng cho thế xác còn trùng hợp với truyền thuyết trong truyện Tàu : Na Tra nhờ sứ phụ là Thái Ất Chơn Nhơn dùng bông sen, cọng sen, lá sen tạo thành hình hài xác thịt, sau khi Na Tra tự chặt tay, lóc thịt, mổ bụng chết trước mặt Ngao Quảng Long Vương để đền tội giết chết Ngao Bình và Lý Lương.

☞ **Dâng Rượu** là tượng trưng cho dâng **Chơn thân** (tức **Trí Nã**, hay **Trí thức và Tinh thần**) của mình cho

Đức Chí Tôn. Theo lời dạy của Đức Hộ Pháp thì khi dứt bài dâng Rượu, mình cúi đầu cầu nguyện : **“Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”**. Mình dâng cả trí thức tinh thần cho Chí Tôn tức là mình nguyện đem hết *trí não* thông minh của mình mà phụ lo vào công việc hoằng khai Đại Đạo và Phổ Độ chúng sanh. Dâng trí thức tinh thần cho Chí Tôn, mình cầu xin Chí Tôn ban ân điển cho trí não được quang minh, tinh thần được mãn huệ để góp phần hiệu quả vào công việc hoằng khai Đại Đạo và Phổ Độ chúng sanh, và cầu xin cho toàn thể nhơn sanh tai qua nạn khỏi và được giải thoát.

➤ **Dâng Trà là tượng trưng cho dâng cả Linh hồn** của mình cho Chí Tôn. Theo lời dạy của Đức Hộ Pháp thì khi dứt bài thài Dâng Trà, mình cúi đầu cầu nguyện : **“Con xin dâng cả Linh hồn con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”**. Dâng Trà là dâng Bửu sau cùng, mình nên cầu chung cho cả ba Bửu : **“Cả Linh hồn, cả Trí não, cả Hình hài con, Thấy đào tạo, đó là của Thấy thì do nơi quyền độc đoán của Thấy định”**.

Dâng Rượu và Dâng Trà là dâng cả Chơn thân và Linh hồn của mình lên Đức Chí Tôn. Nhờ điển lực của Đức Hộ Pháp và chư Chức Sắc Hiệp Thiên Đài mà Chơn thân và Linh hồn của mình được chuyển lên hướng Bát Quái Đài để cho Đức Chí Tôn và các Đấng dạy dỗ và ban ân điển cho được mãn huệ và tinh tấn. Trong quyển Lời Thuyết Đạo, Đức Hộ Pháp có dạy: **“Mấy em có thấy đâu khi vô Đền Thánh,... Qua đứng trên Ngai lấy hết tư tưởng của mấy em cầu kinh, Qua ôm hết dâng lên cho Đức Chí Tôn, dâng đây không phải là tiếng thường, ấy là cái Thiên**

*Thiếu, Ngài hưởng rồi Ngài trả lại cho mấy em cái Thiên Tinh... Qua đứng trên Ngài, Qua thấy trên Nê Hoàn Cung của mấy em, nếu định tâm, thì có một hào quang xung lên đều đều, mọi người đều có cả hào quang đó. Có một vị Phật ôm hết đem vào Bát Quái Đài, hiệp với đạo hào quang trong Quả Càn Khôn đoạn đem trở ra bao trùm chỗ ngồi của mấy em, mà mấy em không thấy được, cho nên khi mấy em hầu lễ, nếu biết hưởng cái ơn Thiêng Liêng ban cho đó thì tinh thần được an tịnh, hạnh phúc biết bao nếu biết thọ hưởng cái hồng ân đó...”*

Do đó, khi cúng chúng ta được hưởng nhiều điển lành là vậy. Và cũng do đó mà Đức Hộ Pháp đã nói (cũng trong quyển *Lời Thuyết Đạo*): “Buổi ăn của Linh hồn là buổi ta vô Đền Thờ cúng đấy... Mỗi phen đi cúng tức là cho Linh hồn ăn vậy”.

## **6.- BÍ PHÁP GIẢI THOÁT LUÂN HỒI**

**Tại sao Đức Hộ Pháp dạy: “Trong một thời cúng,... trọng hệ hơn hết là khi dâng Tam Bữu?”**

**– Là vì: Đức Chí Tôn bảo chúng ta dâng Tam Bữu cho Đức Ngài là một cách gián tiếp Đức Ngài đem Bí Pháp Giải Thoát Luân Hồi giao cho chúng ta.**

Đức Chí Tôn dạy chúng ta Dâng Tam Bữu của chúng ta là Tinh, Khí và Thần, tức Thể xác, Chơn thần và Linh hồn, lên Đức Chí Tôn để Đức Chí Tôn lấy đó mà làm phương tiện Phổ Độ chúng sanh, làm phương tiện phụng sự Vạn Linh, phụng sự cho công cuộc tiến hóa của chúng sanh. Hơn thế nữa, khi đã dâng cả Thể xác, cả Chơn thần, cả Linh hồn cho Chí Tôn, thì chúng nó không còn là của mình nữa. Như vậy những tội tình oan nghiệt mà mình

đã phạm phải từ trước đến giờ mình không hiểu, mình không biết, mình không còn trách nhiệm nữa, miễn là mình đừng làm trái mặt luật của Đức Ngài định, thì không thể buộc tội mình được, như vậy mình đã đạt được cơ giải thoát.

Đức Chí Tôn bảo chúng ta dâng Tam Bữu cho Đức Ngài là một cách gián tiếp Đức Ngài đem Bí Pháp Giải Thoát Luân Hồi giao cho chúng ta. Theo Lời Thuyết Đạo, trong Quyển Bí Pháp trang 44-45-46 (*Bản in tại Hoa Kỳ*), Đức Hộ Pháp có giảng như sau:

*“Ngài biểu chúng ta hiến ba món báu trong mình chúng ta là Tam Bữu:*

1. *Xác Thịt*
2. *Trí Não*
3. *Linh hồn*

*Tức nhiên thân thể và phàm thể của chúng ta, Đức Chí Tôn biểu chúng ta hiến cho Ngài đặng Ngài phụng sự cho Vạn Linh.*

*Chúng ta thấy gì? Mỗi ngày chúng ta kêu Đức Chí Tôn làm chứng, kêu Tam Giáo làm chứng, giờ phút này con nguyện dâng cả xác thịt, trí não và linh hồn của con cho Thấy đặng Thấy làm lợi khí mà phụng sự cho Vạn linh. Hễ dâng rồi thì còn gì của mình nữa, có trả nợ tiền khiên chớ không có tạo.*

*Ngày kia mình có thể nói, mỗi hành tàng của con làm, con đã tạo, con giao cả trong tay Đại Từ Phụ, quyền hạn xử định do nơi tay Thấy, chớ con không biết.*

*Mình giao cả hình hài đó cho Ngài sử dụng, nếu thật sự có gì không hay xảy tới cho mình, mình không hiểu, mình*

*giao cả thân thể mình cho Đức Chí Tôn, dâng Đức Chí Tôn phụng sự cho Vạn linh, quyền sử dụng ấy do Đức Chí Tôn quyết định, mình đừng làm trái với mật luật của Ngài định.*

*Ấy vậy, mỗi ngày, từ mờ tới trưa, đến chiều, từ chiều đến khuya, từ khuya đến sáng, mình vô Đền Thánh kêu Đức Chí Tôn, kêu Tam Giáo và các Đấng Thiêng liêng mà phân chứng trước. Thân tôi không còn là của tôi nữa, tôi đã hiến cho Đức Chí Tôn làm tôi tớ cho Vạn linh thay thế Đức Chí Tôn, giờ phút đó, chúng ta không biết tội nào của chúng ta đã làm, dẫu có tội mà chúng ta không làm điều gì thêm nữa, thì quả kiếp ấy tiêu diệt, cơ quan giải thoát chúng ta đoạt, không thể gì định tội được.*

*Đức Chí Tôn biểu chúng ta không phải là chúng ta, mà chúng ta không phải là chúng ta thì quả kiếp ấy không phải là của chúng ta, tức nhiên ta đã đoạt được Cơ Giải thoát.*

*Quyền ấy chính là của ta, chứ không phải của Đức Chí Tôn. Lấy quyền của ta mà cho ta, mình đã định quyền cho mình, chứ không phải Ngài định. Ngài định cho có quyền giải thoát, quyền thiêng liêng không có tạo, chính ta tạo quyền giải thoát đó do nơi ta mà thôi.”*

Ngoài những lời dạy trên của Đức Hộ Pháp, trong Di Lạc Chơn Kinh, Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật cũng có thuyết giảng như sau: *Nếu như có chúng sanh nghe biết lời Đức Phật Di-Lạc và bằng lòng tiếp nhận lời dạy của Đức Ngài thì sẽ thoát khỏi các nghiệp chướng, bằng cách niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, tòng theo Luật Pháp của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ắt sẽ được giải thoát luân hồi, đắc quả được Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tức là chứng được quả vị nơi cõi Cực Lạc Niết Bàn, tức là Cõi Phật, còn gọi là Cực Lạc Thế Giới.*

Nguyên văn đoạn này như sau: “*Nhuộc hữu chúng sanh văn ngã ưng đương thoát nghiệt, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng từng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, tất đắc giải thoát luân hồi, đắc lộ Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn*”.

Như vậy, nếu người tín đồ Cao Đài thuần thành giữ đúng luật của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thì sẽ được Giải Thoát Luân Hồi.

► GHI CHÚ:

Sau đây là 3 bài Dâng TB của Ngài Ngô Văn Chiêu:

**DÂNG HOA**

*Hoa tươi năm sắc sắc thiên nhiên,  
Đầu cuối xin dâng lễ kính thiêng.  
Cảm Đức Cao Đài lòng đoái tưởng,  
Từ bi cứu thế giáng đàn tiên.*

**DÂNG RƯỢU**

*Tửu vị hương hể tửu vị hương,  
Khẩu đầu cung hiến chúc hồ trường.  
Cao Đài hứng cảnh nhàn quan nhã,  
Đệ tử cung trần mỹ vị hương.*

**DÂNG TRÀ**

*Đông độ thanh trà mỹ vị hương,  
Khẩu đầu cung hiến chúc hồ trường.  
Cao Đài hứng cảnh nhàn quan nhã,  
Đệ tử cung trần mỹ vị hương.*





## Ý Nghĩa Bài NGŨ NGUYỆN



**K**HI TỤNG KINH CÚNG TƯ THỜI XONG, PHẢI ĐỌC NĂM CÂU NGUYỆN SAU ĐÂY THEO GIỌNG Nam Xuân:

*Nam mô*

*Nhứt nguyện: Đại Đạo hoằng khai.*

*Nhì nguyện: Phổ độ chúng sanh.*

*Tam nguyện: Xá tội đệ tử.*

*Tứ nguyện: Thiên hạ thái bình.*

*Ngũ nguyện: Thánh Thất an ninh.*

Trước hết, xin tìm hiểu ý nghĩa của chữ **Nguyện** và chữ **Nam Mô**. Chữ **Nguyện** dùng ở đây có thể được hiểu theo hai nghĩa: Nghĩa *tiêu cực (thụ động)* và nghĩa *tích cực (chủ động)*.

### ▶ NGHĨA TIÊU CỰC

Hiểu theo nghĩa tiêu cực (*thụ động*), thì **Nguyện** có nghĩa cầu xin cho được, như là: Cầu nguyện, Nguyện vọng, Nguyện ước.

Ví dụ: *Tam Nguyện xá tội đệ tử.*

### ▶ NGHĨA TÍCH CỰC

Hiểu theo nghĩa tích cực (*chủ động*), thì **Nguyện** có nghĩa mong muốn và quyết tâm thực hiện cho bằng được một điều gì, như là: Tự nguyện, Tình nguyện, Chí nguyện.

Ví dụ:

- *Nguyện hy sinh vì Tổ Quốc*
- *Nguyện trung thành với Hội Thánh.*

Trong 5 câu của Bài Ngũ Nguyện trên, chữ *Nguyện* trong hai câu đầu phải được hiểu theo nghĩa tích cực là mong muốn và quyết tâm thực hiện cho bằng được. Chữ *Nguyện* trong ba câu sau được hiểu theo nghĩa thụ động là cầu nguyện, cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng ban cho. Trên cơ sở đó chúng tôi tìm hiểu ý nghĩa của Bài Ngũ Nguyện như sau.

**Nam Mô:** Tiếng khởi đầu cho những câu cầu nguyện, còn có nghĩa là *chí tâm thành kính hướng trọn về Ôn Trên.*

Ví dụ:

- *Nam Mô Phật, Nam Mô Pháp, Nam Mô Tăng.*
- *Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.*

Sau mỗi thời cúng, chúng ta đều có đọc bài Ngũ Nguyện. Nếu chúng ta thực hiện được 5 điều Nguyện này thì chúng ta có đủ Tam Lập, là: **Lập Ngôn, Lập Đức, Lập Công.** Trong Lập Công có: Công Phu, Công Quả, Công Trình.

Trước tiên, xin nhắc qua ý nghĩa của Tam Lập.

1. **Lập Ngôn** là giữ gìn lời nói cho phải đạo và dùng lời nói để truyền bá nền Đạo mà phổ độ nhơn sanh.
2. **Lập Đức** là dùng tình thương để cứu độ chúng sanh, như Đức Chí Tôn đã dạy : “*Sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh*”.
3. **Lập Công** là đem sức lực và sự hiểu biết của mình ra làm việc phụng sự cho Đạo và cho Nhơn Sanh. Việc Lập Công chia ra làm 3 phần : Công Phu, Công

Quả và Công Trình.

- Công Phu: là lo phần cúng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.
- Công Quả: là làm những việc giúp Đạo, giúp Đời, phụng sự Nhơn Sanh.
- Công Trình: là lập hạnh tu hành, bao gồm việc gìn giữ giới luật của Đạo. Công Trình chú trọng vào việc tu thân.

Bây giờ, xin tìm hiểu sự liên quan giữa khái niệm *Tam Lập* và *Bài Ngũ Nguyên*.

### 1. NHỨT NGUYỆN: ĐẠI ĐẠO HOẰNG KHAI

- Đại Đạo: Nói tắt của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
- Hoằng khai: Mở mang cho rộng lớn ra.

**Câu Nhứt Nguyên Đại Đạo hoằng khai có nghĩa:**  
Điều nguyện thứ nhứt của con là quyết tâm làm cho nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được mở mang rộng khắp.

*Muốn thực hiện điều nguyện này, chúng ta phải học Đạo đặng thuyết giảng giáo lý của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để người nghe phát tâm hành thiện hay tu hành, đó là Lập Ngôn.*

### 2. NHỊ NGUYỆN: PHỔ ĐỘ CHÚNG SANH

- Phổ: Bày ra rộng khắp.
- Độ: Cứu giúp.
- Chúng sanh: Tất cả các loài vật có sự sống, gồm: Vật chất, Kim thạch, Thảo mộc, Thú cầm, Nhơn loại.
- Phổ độ chúng sanh: Cứu giúp tất cả chúng sanh cho được giải thoát (*cứu giúp tất cả chúng sanh không có*

*chọn lựa).*

**Câu Nhì Nguyên phổ độ chúng sanh có nghĩa:** Điều nguyện thứ nhì của con là quyết tâm cứu độ chúng sanh ở khắp mọi nơi, về phần xác cũng như về phần hồn.

*Muốn thực hiện điều nguyện này, phải phụng sự chúng sanh, đưa chúng sanh về đường đạo đức, đó là Công Quả (Công Quả thuộc về Lập Công).*

Ngòi ra, muốn độ chúng sanh, trước hết phải biết tự độ lấy mình. Cùng nhau tạo dựng một Thánh Thất để có nơi cùng chung đánh lễ Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng, cũng là một hình thức phổ độ chúng sanh, một hình thức lập công quả.

### **3. TAM NGUYỆN: XÁ TỘI ĐỆ TỬ**

- **Xá tội:** Tha thứ tội lỗi, không trách phạt nữa.
- **Đệ tử:** Học trò, môn đệ. Đức CHÍ TÔN xưng là THẦY, gọi các tín đồ Cao Đài là đệ tử.

**Câu Tam Nguyên xá tội đệ tử có nghĩa:** Điều nguyện thứ ba của con là cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng tha tội cho chúng con.

Sau khi tích cực thực hiện được hai điều nguyện thứ nhất và thứ nhì, thì mới dám xin xá tội cho chúng đệ tử. Đối với Đức Thượng Đế, người Tín Đồ Cao Đài tự coi mình là người có tội, là vì có tội nên mới sanh ra trên thế gian này là ‘*biển trần khổ*’.

*Muốn được tha tội, phải biết ăn năn sám hối khi làm lỗi và lập hạnh giữ gìn giới luật tu hành như Ngũ Giới Cấm, Tứ Đại Điều Qui, ăn chay theo Luật Đạo, v.v... đó là Công Trình (Công Trình thuộc về Lập Công).*

#### 4. TỨ NGUYỄN: THIÊN HẠ THÁI BÌNH

- *Thiên Hạ*: Thiên là Trời, Hạ là dưới, Thiên Hạ là dưới Trời, có nghĩa là toàn thể nhân loại. Trong Tượng Tam Thánh vẽ trước Đền Thánh và các Thánh Thất có các chữ “*Thiên Thượng Thiên Hạ...*” và được dịch ra tiếng Pháp là “*Dieu et Humanité...*” có nghĩa là Thượng Đế và Nhơn Loại.
- *Thái bình*: Thái là rất, đến chỗ tuyệt cao, Bình là yên ổn, *Thái bình* là rất bình yên thịnh trị, không còn loạn lạc hay giặc giã.

**Câu tứ Nguyễn thiên hạ thái bình có nghĩa:** Điều nguyện thứ tư của con là cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng phù hộ cho tất cả chúng sanh được sống yên ổn hòa bình.

*Muốn cho thiên hạ, trong đó có bản thân mình, được thái bình an lạc, phải thường xuyên cúng kiếng để cầu xin với Ông Trên, đó là Công Phu (Công Phu thuộc về Lập Công).*

#### 5. NGŨ NGUYỄN: THÁNH THẤT AN NINH

- *Thánh Thất*: Thất là nhà ở, Thánh ở đây được dùng để chỉ những gì thuộc về Đức Chí Tôn, ví dụ như Thánh Ngôn, Thánh Giáo, Thánh Ý; Thánh Thất là nơi thờ Đức Chí Tôn và các Đấng Thần Thánh Tiên Phật, và là nơi hội họp, sinh hoạt, hành đạo, tu học của tín đồ Cao Đài. Từ “*Thánh Thất*” ở đây phải được hiểu theo nghĩa rộng gồm cả *Điện Thờ Phật Mẫu*, *Đền Thánh*, *các Thánh Thất*, và cả *Hội Thánh* cùng với vạn linh, vì an ninh là nhu cầu cần thiết cho mọi người, mọi giới và mọi lãnh vực.

- *An Ninh*: Bình an, yên ổn, yên tĩnh.

**Câu Ngũ Nguyên Thánh Thất an ninh có nghĩa:**

Điều nguyện thứ năm của con là cầu xin Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng phù hộ toàn cả Hội Thánh và Tín Hữu đều được an ninh (*Từ Thánh Thất được biểu theo nghĩa rộng*).

*Muốn cầu nguyện cho Thánh Thất được an ninh, phải sống và hành động cho hợp lòng người, thuận ý Trời, đó là Lập Đức.*

Theo trên chúng ta thấy rằng khi thực hiện được 5 Điều Nguyên sau Đản Cúng thì chúng ta có đủ Tam Lập, là: Lập Ngôn, Lập Công, Lập Đức.

Cũng theo trên chúng ta thấy rằng:

- Khi tích cực thực hiện được điều nguyện thứ nhất thì đã có được phần **Lập Ngôn**.
- Khi thực hiện được ba điều nguyện thứ hai, thứ ba và thứ tư thì có được phần **Lập Công** với : Công Quả, Công Trình và Công Phu.
- Khi thực hiện được điều nguyện thứ năm thì có được phần **Lập Đức**.

Như vậy nếu thực hiện được 5 Điều Nguyên sau Đản Cúng thì có đủ Tam Lập, người Tín Đồ Cao Đài muốn được về với Đức Chí Tôn thì phải có đủ Tam Lập, hay ít nhất là phải hoàn thành phần *Lập Đức*, hoặc *Lập Ngôn và Lập Công*.

Đức Hộ Pháp thuyết Đạo có dạy như sau:

*“Ai không xuất thân hành đạo, nghĩa là không có công quả phổ độ thì không vào tịnh được, vì không đủ Tam Lập”.*



Tại sao Đức Hộ Pháp dạy:

*“Trong một thời cúng,... trọng hệ hơn hết là khi Dâng Tam Bửu”?*

*– Là vì: Đức Chí Tôn bảo chúng ta dâng Tam Bửu cho Đức Ngài là một cách gián tiếp Đức Ngài đem Bí Pháp Giải Thoát Luân Hồi giao cho chúng ta.*

*Tìm Hiểu Kinh*

**KINH TỬ THỜI  
ĐỨC CHÍ-TÔN**

**HIỀN TÀI NGUYỄN TRUNG ĐẠO**